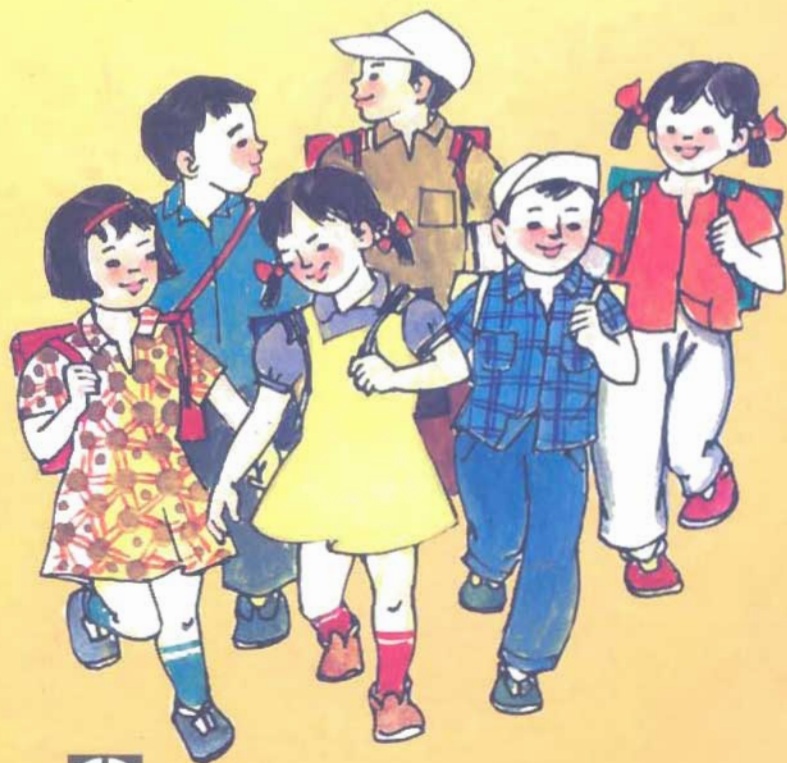


BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Tiếng Việt

2

TẬP MỘT



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

NGUYỄN MINH THUYẾT (Chủ biên)

TRẦN MẠNH HƯỜNG - LÊ PHƯƠNG NGÀ - TRẦN HOÀNG TÚY

Tiếng Việt 2

TẬP MỘT

(Tái bản lần thứ tám)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Kí hiệu dùng trong sách

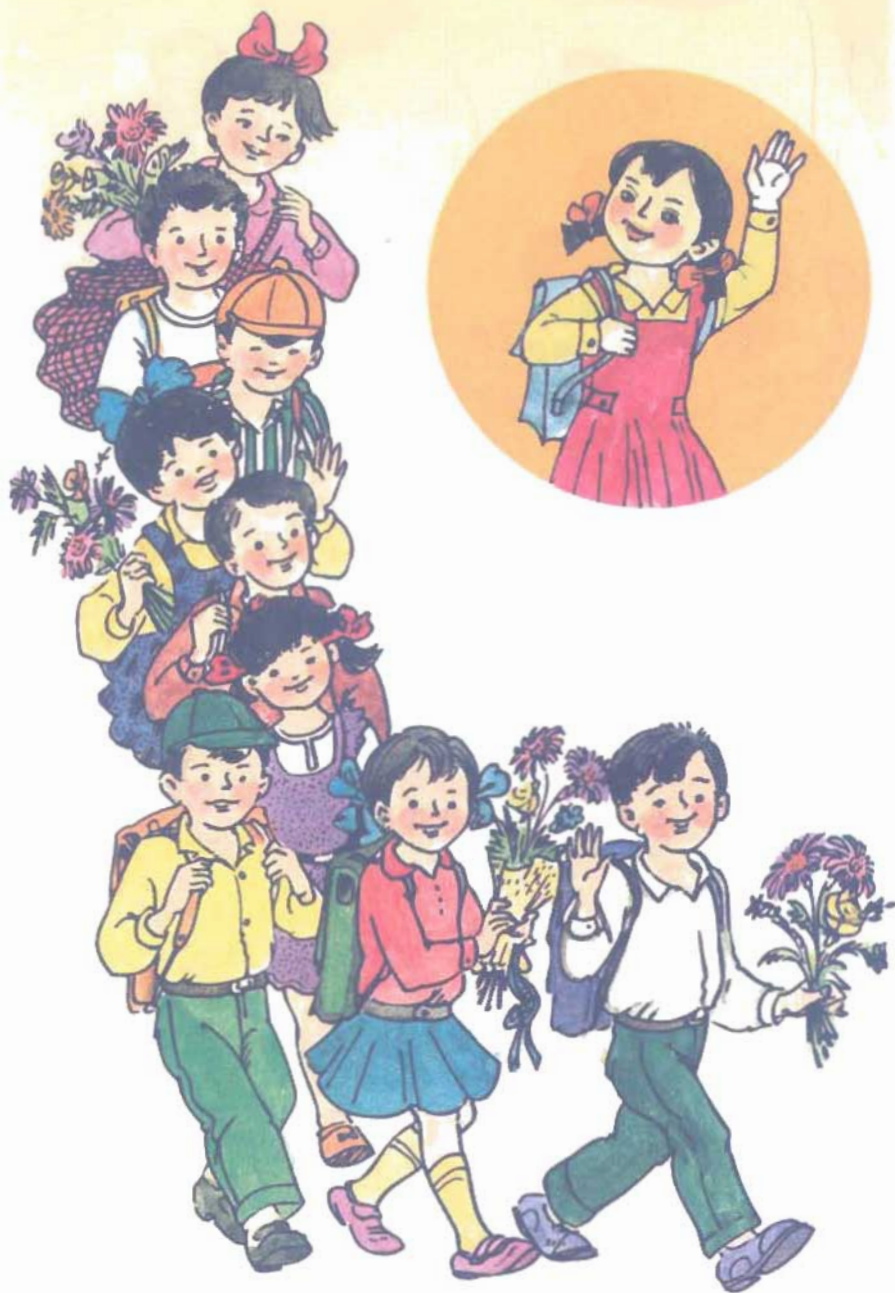
⋮ CHỦ THÍCH VÀ GIẢI NGHĨA

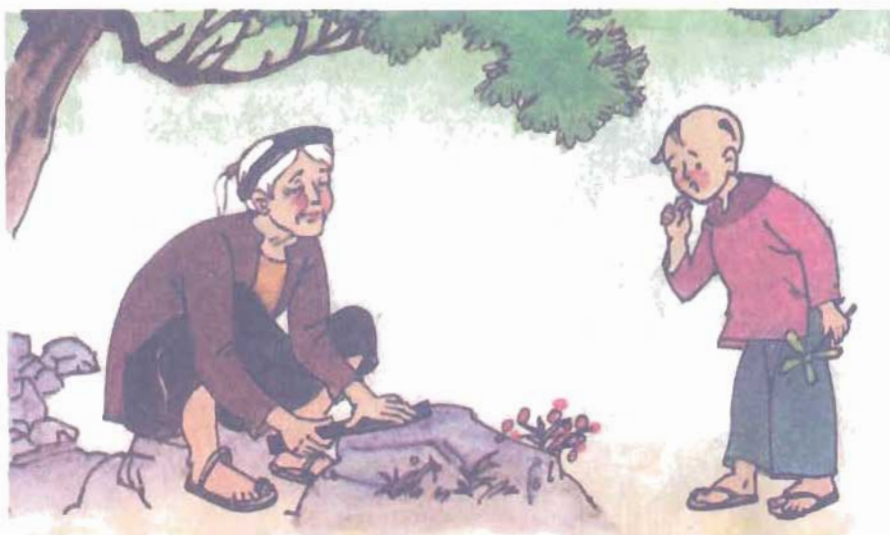
⊙ CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

M : MẪU VÀ VÍ DỤ

(2), (3) BÀI TẬP LỰA CHỌN

EM LÀ HỌC SINH





Có công mài sắt, có ngày nên kim

1. Ngày xưa có một cậu bé làm việc gì cũng mau chán. Mỗi khi cầm quyển sách, cậu chỉ đọc vài dòng đã ngáp ngáp dài, rồi bỏ dở. Những lúc tập viết, cậu cũng chỉ nắn nót được mấy chữ đầu, rồi lại viết nguệch ngoạc, trông rất xấu.

2. Một hôm trong lúc đi chơi, cậu nhìn thấy một bà cụ tay cầm thỏi sắt mài miết vào tảng đá ven đường. Thấy lạ, cậu bèn hỏi :

- Bà ơi, bà làm gì thế ?

Bà cụ trả lời :

- Bà mài thỏi sắt này thành một chiếc kim để khâu vá quần áo.

Cậu bé ngạc nhiên :

- Thỏi sắt to như thế, làm sao bà mài thành kim được ?

3. Bà cụ ôn tồn giảng giải :

- Mỗi ngày mài thỏi sắt nhỏ đi một tí, sẽ có ngày nó thành kim. Giống như cháu đi học, mỗi ngày cháu học một ít, sẽ có ngày cháu thành tài.

4. Cậu bé hiểu ra, quay về nhà học bài.



- **Ngáp ngán ngáp dài** : ngáp nhiều vì buồn ngủ, mệt hoặc chán.
- **Nắn nót** : (viết hoặc làm) cẩn thận, tỉ mỉ.
- **Ngụch ngoạc** : (viết hoặc vẽ) không cẩn thận.
- **Mài miết** : chăm chú làm việc, không nghỉ.
- **Ôn tồn** : nói nhẹ nhàng.
- **Thành tài** : trở thành người giỏi.



1. Lúc đầu, cậu bé học hành thế nào ?
2. Cậu bé thấy bà cụ đang làm gì ?
3. Bà cụ giảng giải như thế nào ?
4. Câu chuyện này khuyên em điều gì ?

Kể chuyện



1. Dựa theo tranh, kể lại từng đoạn câu chuyện *Có công mài sắt, có ngày nên kim* :



Ngày xưa, có một cậu bé...



Một hôm, cậu nhìn thấy...



Bà cụ ôn tồn giảng giải...



Cậu bé hiểu ra...

2. Kể lại toàn bộ câu chuyện.



1. **Tập chép** : Có công mài sắt, có ngày nên kim (từ Mỗi ngày mài... đến có ngày chấu thành tài.)

⑦ Những chữ nào trong bài chính tả được viết hoa ?

2. **Điền vào chỗ trống c hay k ?**

...im khâu, ...ậu bé, ...iên nhẫn, bà ...ụ

3. **Viết vào vở những chữ cái còn thiếu trong bảng sau :**

Số thứ tự	Chữ cái	Tên chữ cái
1	ă	â
2		á
3		ô
4		bê
5	c	xê
6		dê
7		dê
8		e
9		ê

4. **Học thuộc bảng chữ cái vừa viết.**



Tự thuật



Họ và tên : Bùi Thanh Hà
 Nam, nữ : nữ
 Ngày sinh : 23 - 4 - 1996
 Nơi sinh : Hà Nội
 Quê quán : xã Hợp Đồng, huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây
 Nơi ở hiện nay : 25 phố Hàn Thuyên, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
 Học sinh lớp : 2B
 Trường : Trường Tiểu học Võ Thị Sáu, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Hà Nội, ngày 6 - 9 - 2003

Người tự thuật

Hà

Bùi Thanh Hà

- ⓘ - **Tự thuật** : kể về mình.
- **Quê quán (quê)** : nơi gia đình đã sống nhiều đời.

- ❓ 1. Em biết những gì về bạn Thanh Hà ?
- 2. Nhờ đâu em biết rõ về bạn Thanh Hà như vậy ?
- 3. Hãy cho biết :
 - Họ và tên em.
 - Em là nam hay nữ.
 - Ngày sinh của em.
 - Nơi sinh của em.
- 4. Hãy cho biết tên địa phương em ở :
 - Xã (hoặc phường).
 - Huyện (hoặc quận, thị xã).



1. Chọn tên gọi cho mỗi người, mỗi vật, mỗi việc được vẽ dưới đây :



(học sinh, nhà, xe đạp, múa, trường, chạy, hoa hồng, cô giáo)

M : 1. trường, 5. hoa hồng.

2. Tìm các từ :

- Chỉ đồ dùng học tập.
- Chỉ hoạt động của học sinh.
- Chỉ tính nết của học sinh.

M : bút
M : đọc
M : chăm chỉ

3. Hãy viết một câu nói về người hoặc cảnh vật trong mỗi tranh sau :



M : Huệ cùng các bạn
vào vườn hoa.



Tập viết



1. Viết chữ hoa :



2. Viết ứng dụng :

Anh em thuận hoà.



Ngày hôm qua đâu rồi ?



Em cầm tờ lịch cũ :

- Ngày hôm qua đâu rồi ?
Ra ngoài sân hỏi bố
Xoa đầu em, bố cười.

- Ngày hôm qua ở lại
Trên cành hoa trong vườn
Nụ hồng lớn lên mãi
Đợi đến ngày tỏa hương.

- Ngày hôm qua ở lại
Trong hạt lúa mẹ trồng
Cánh đồng chờ gặt hái
Chín vàng màu ước mong.

- Ngày hôm qua ở lại
Trong vở hồng của con
Con học hành chăm chỉ
Là ngày qua vẫn còn.

BỂ KIẾN QUỐC

- **Tờ lịch** : tờ giấy hay tập giấy ghi ngày, tháng trong năm.
- **Toả hương** : mùi thơm bay ra, lan rộng.
- **Ước mong** : muốn một điều tốt đẹp.

1. Bạn nhỏ hỏi bố điều gì ?
2. Nói tiếp ý của mỗi khổ thơ sau cho thành câu :
 - a) Khổ thơ 2 : Ngày hôm qua ở lại...
 - b) Khổ thơ 3 : Ngày hôm qua ở lại...
 - c) Khổ thơ 4 : Ngày hôm qua ở lại...
3. Em cần làm gì để không phí thời gian ?
4. Học thuộc lòng khổ thơ em thích.



1. Nghe - viết : Ngày hôm qua đâu rồi ? (khổ thơ cuối)

- ② - Chữ đầu các dòng thơ viết như thế nào ?
- Nên viết mỗi dòng thơ từ ô nào trong vở của em ?

(2). Em chọn chữ nào trong ngoặc đơn để điền vào chỗ trống ?

- a) (lịch, nịch) : quyển ..., chắc ...
(làng, nàng) : ... tiên, ... xóm
b) (bàng, bàn) : cây ..., cái ...
(thang, than) : hòn ..., cái ...

3. Viết vào vở những chữ cái còn thiếu trong bảng sau :

Số thứ tự	Chữ cái	Tên chữ cái
10	g	giê
11		hát
12		l
13		ca
14	l	e-lô
15		em-mò
16		en-nò
17		o
18		ô
19		ơ

4. Học thuộc bảng chữ cái vừa viết.



1. Trả lời câu hỏi :

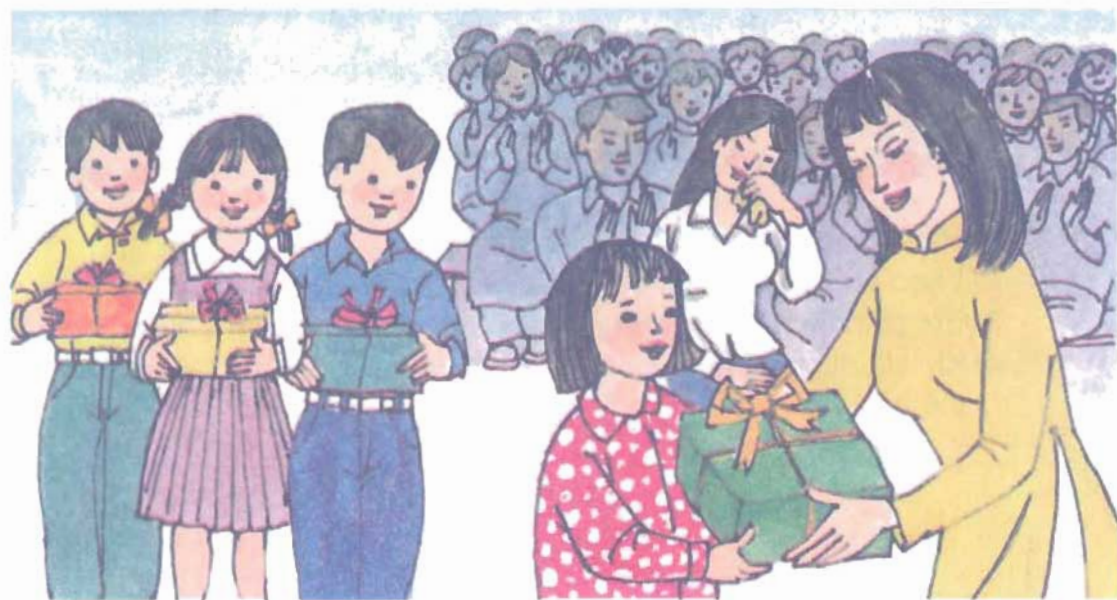
- Tên em là gì ?
- Quê em ở đâu ?
- Em học lớp nào, trường nào ?
- Em thích những môn học nào ?
- Em thích làm những việc gì ?

M : Em thích vẽ và múa hát.

2. Nghe các bạn trong lớp trả lời các câu hỏi ở bài tập 1, nói lại những điều em biết về một bạn.

3. Kể lại nội dung mỗi tranh dưới đây bằng 1, 2 câu để tạo thành một câu chuyện.





Phần thưởng

1. Na là một cô bé tốt bụng. Ở lớp, ai cũng mến em. Em gọt bút chì giúp bạn Lan. Em cho bạn Minh nửa cục tẩy. Nhiều lần, em làm trực nhật giúp các bạn bị mệt... Na chỉ buồn vì em học chưa giỏi.

2. Cuối năm học, cả lớp bàn tán về điểm thi và phần thưởng. Riêng Na chỉ lặng yên nghe các bạn. Em biết mình chưa giỏi môn nào.

Một buổi sáng, vào giờ ra chơi, các bạn trong lớp túm tụm bàn bạc điều gì có vẻ bí mật lắm. Rồi các bạn kéo nhau đến gặp cô giáo.

Cô giáo cho rằng sáng kiến của các bạn rất hay.

3. Ngày tổng kết năm học, từng học sinh giỏi bước lên bục nhận phần thưởng. Cha mẹ các em cũng hồi hộp. Bất ngờ, cô giáo nói :

- Bây giờ, cô sẽ trao một phần thưởng đặc biệt. Đây là phần thưởng cả lớp đề nghị tặng bạn Na. Na học chưa giỏi, nhưng em có tấm lòng thật đáng quý.

Na không hiểu mình có nghe nhầm không. Đổ bưng mặt, cô bé đứng dậy bước lên bục. Tiếng vỗ tay vang dậy. Mẹ của Na lặng lẽ chấm khăn lên đôi mắt đỏ hoe.

Phỏng theo **BLAI-TON**
(Lương Hùng dịch)



- **Bí mật** : giữ kín, không cho người khác biết.
- **Sáng kiến** : ý kiến mới và hay.
- **Lặng lẽ** : không nói gì.



1. Hãy kể những việc làm tốt của bạn Na.
2. Theo em, điều bí mật được các bạn của Na bàn bạc là gì ?
3. Em có nghĩ rằng Na xứng đáng được thưởng không ? Vì sao ?
4. Khi Na được phần thưởng, những ai vui mừng ? Vui mừng như thế nào ?

Kể chuyện



1. Kể lại đoạn 1 câu chuyện *Phần thưởng* theo gợi ý sau :

- Các việc làm tốt của Na.
- Điều băn khoăn của Na.



2. Kể đoạn 2.

Gợi ý :

- Các bạn của Na bàn bạc với nhau.
- Cô giáo khen sáng kiến của các bạn.



3. Kể đoạn 3.

Gợi ý :

- Lời cô giáo nói.
- Niềm vui của Na, của các bạn và của mẹ.



4. Kể toàn bộ câu chuyện.



1. Tập chép :

Phần thưởng

Cuối năm học, Na được tặng một phần thưởng đặc biệt. Đây là phần thưởng cả lớp đề nghị tặng em vì em là một cô bé tốt bụng, luôn luôn giúp đỡ mọi người.

⑦ Những chữ nào trong bài chính tả được viết hoa ? Vì sao ?

(2). Điền vào chỗ trống :

a) **s** hay **x** ?

...oa đầu, ngoài ...ân, chim ...âu, ...âu cá

b) **ăn** hay **ang** ?

cổ g..., g... bó, g... sức, yên l...

3. Viết vào vở những chữ cái còn thiếu trong bảng sau :

Số thứ tự	Chữ cái	Tên chữ cái
20		pê
21	q	quy
22		e-rô
23	đ	ét-si
24		tê
25		u
26		ư
27		vê
28		ích-xi
29		l dài

4. Học thuộc bảng chữ cái vừa viết.



Làm việc thật là vui

Quanh ta, mọi vật, mọi người đều làm việc.

Cái đồng hồ tích tắc, tích tắc báo phút, báo giờ.

Con gà trống gáy vang ồ ... ó ... o ..., báo cho mọi người biết trời sắp sáng, mau mau thức dậy.

Con tu hú kêu tu hú, tu hú. Thế là sắp đến mùa vải chín.

Chim bắt sâu, bảo vệ mùa màng.

Cành đào nở hoa cho sắc xuân thêm rực rỡ, ngày xuân thêm tung bừng.

Như mọi vật, mọi người, bé cũng làm việc. Bé làm bài, bé đi học, bé quét nhà, nhặt rau, chơi với em đỡ mẹ. Bé luôn luôn bận rộn, mà lúc nào cũng vui.

Theo **TÔ HOÀI**



- **Sắc xuân** : cảnh vật, màu sắc của mùa xuân.
- **Rực rỡ** : tươi sáng, nổi bật lên.
- **Tung bừng** : vui, sôi cuốn nhiều người.



1. Các vật và con vật xung quanh ta làm những việc gì ?
2. Bé làm những việc gì ?
3. Đặt câu với mỗi từ : *rực rỡ, tung bừng*.



1. Tìm các từ :

- Có tiếng **học**.
- Có tiếng **tập**.

M : học hành

M : tập đọc

2. Đặt câu với một từ vừa tìm được ở bài tập 1.

3. Sắp xếp lại các từ trong mỗi câu dưới đây để tạo thành một câu mới :

- Bác Hồ rất yêu thiếu nhi.
- Thu là bạn thân nhất của em.

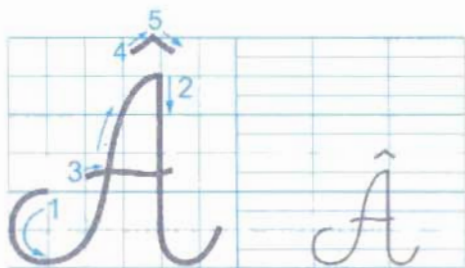
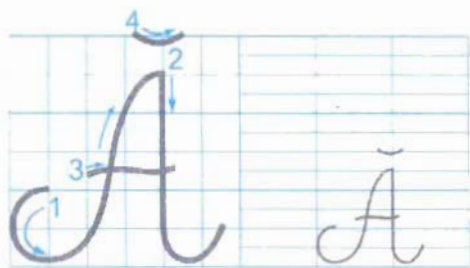
M : Con yêu mẹ. → Mẹ yêu con.

4. Em đặt dấu câu gì vào cuối mỗi câu sau ?

- Tên em là gì
- Em học lớp mấy
- Tên trường của em là gì



1. Viết chữ hoa :



2. Viết ứng dụng :

Ăn chậm nhai kĩ.

**Truyện vui**

Mít làm thơ

Ở thành phố Tí Hon, nổi tiếng nhất là Mít. Người ta gọi cậu như vậy vì cậu chẳng biết gì.

Tuy thế, dạo này Mít lại ham học hỏi. Một lần, cậu đến thi sĩ Hoa Giấy để học làm thơ. Hoa Giấy hỏi :

- Cậu có biết thế nào là vần thơ không ?

- Vần thơ là cái gì ?
- Hai từ có phần cuối giống nhau thì gọi là vần. Ví dụ : *vịt - thịt, cáo - gáo*. Bây giờ cậu hãy tìm một từ vần với *bé*.
- *Phé !* - Mít đáp.
- *Phé* là gì ? Vần thì vần nhưng phải có nghĩa chứ.
- Mình hiểu rồi. Thật kì diệu ! - Mít kêu lên.

Về đến nhà, Mít bắt tay ngay vào việc. Cậu đi đi lại lại, vò đầu bứt tai. Đến tối thì bài thơ hoàn thành.

(Còn nữa)
 Theo **NÔ-XỐP**
 (Vũ Ngọc Bình dịch)

- ⊙
- **Nói tiếng** : được nhiều người biết.
 - **Thi sĩ** : người làm thơ.
 - **Kì diệu** : lạ và hay.

- ⊙
1. Vì sao cậu bé có tên là Mít ?
 2. Đạo này, Mít có gì thay đổi ?
 3. Ai dạy Mít làm thơ ?
 4. Hãy tìm một tiếng cùng vần với tên em. Ví dụ : *Loan - ngoan*.

Chinh tả



1. **Nghe - viết** : *Làm việc thật là vui* (từ *Như mọi vật...* đến hết)

- ⊙ Câu nào trong bài chính tả có nhiều dấu phẩy nhất ?

2. **Thi tìm các chữ bắt đầu bằng g hay gh.**

M : ghi, gà.

3. **Một nhóm học tập có 5 bạn là Huệ, An, Lan, Bắc và Dũng.**

Em hãy viết tên các bạn ấy theo thứ tự bảng chữ cái.



1. Nói lời của em :

- Chào bố, mẹ để đi học.
- Chào thầy, cô khi đến trường.
- Chào bạn khi gặp nhau ở trường.

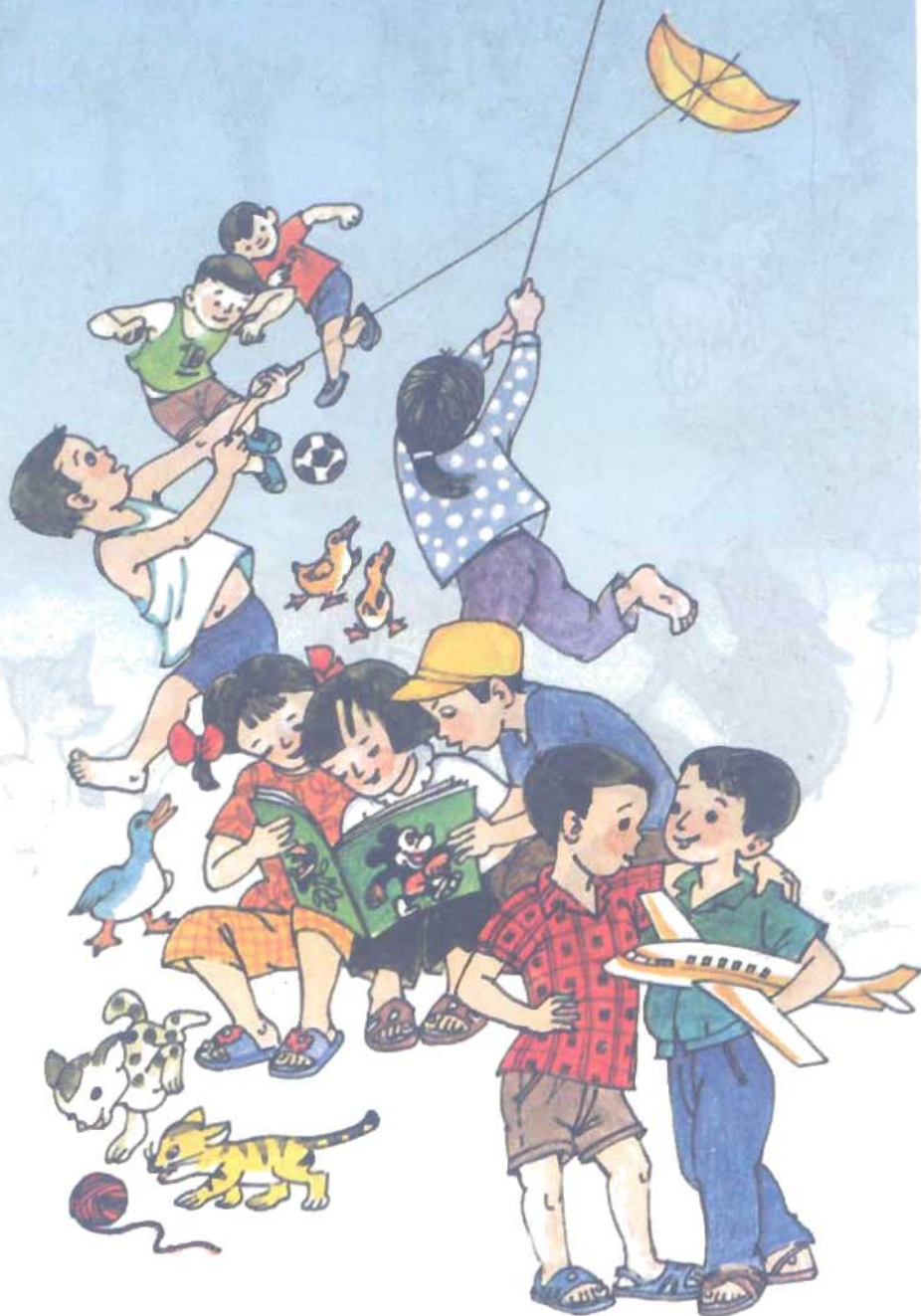
2. Nhắc lại lời các bạn trong tranh :



3. Viết bản tự thuật theo mẫu dưới đây :

- Họ và tên :
- Nam, nữ :
- Ngày sinh :
- Nơi sinh :
- Quê quán :
- Nơi ở hiện nay :
- Học sinh lớp :
- Trường :

BẠN BÈ





Bạn của Nai Nhỏ

1. Nai Nhỏ xin phép cha được đi chơi xa cùng bạn. Cha Nai Nhỏ nói :
- Cha không ngăn cản con. Nhưng con hãy kể cho cha nghe về bạn của con.

2. - Vâng ! - Nai Nhỏ đáp - Có lần, chúng con gặp một hòn đá to chặn lối. Bạn con chỉ hích vai, hòn đá đã lăn sang một bên.

Cha Nai Nhỏ hài lòng nói :

- Bạn con thật khỏe. Nhưng cha vẫn lo cho con.

3. - Một lần khác, chúng con đang đi dọc bờ sông tìm nước uống thì thấy lão Hổ hung dữ đang rình sau bụi cây. Bạn con đã nhanh trí kéo con chạy như bay.

- Bạn con thật thông minh và nhanh nhẹn. Nhưng cha vẫn còn lo.

4. Nai Nhỏ nói tiếp :

- Lần khác nữa, chúng con đang nghỉ trên một bãi cỏ xanh thì thấy gã Sói hung ác đuổi bắt cậu Dê Non. Sói sắp tóm được Dê Non thì bạn con đã kịp lao tới, dùng đôi gạc chắc khỏe húc Sói ngã ngửa.

Nghe tới đây, cha Nai Nhỏ mừng rỡ nói :

- Đó chính là điều tốt nhất. Con trai bé bỏng của cha, con có một người bạn như thế thì cha không phải lo lắng một chút nào nữa.

Theo **VĂN LỚP 3**

(Trung tâm Công nghệ giáo dục)



- **Ngăn cản** : không cho đi, không cho làm.

- **Hích vai** : dùng vai đẩy.

- **Thông minh** : nhanh trí, sáng suốt.

- **Hung ác** : dữ tợn và độc ác.

- **Gạc** : sừng có nhiều nhánh (của hươu, nai).



1. Nai Nhỏ xin phép cha đi đâu ? Cha Nai Nhỏ nói gì ?

2. Nai Nhỏ đã kể cho cha nghe những hành động nào của bạn mình ?

3. Mỗi hành động của bạn Nai Nhỏ nói lên một điểm tốt của bạn ấy.
Em thích nhất điểm nào ?

4. Theo em, người bạn tốt là người như thế nào ?





1. Dựa theo tranh, hãy nhắc lại lời kể của Nai Nhỏ về bạn mình :



Có lần...



Một lần khác...



Lần khác nữa...

2. Hãy nhắc lại lời của cha Nai Nhỏ sau mỗi lần nghe con kể về bạn mình.

3. Phân vai, dựng lại câu chuyện (các vai : người dẫn chuyện, Nai Nhỏ, cha Nai Nhỏ).



1. Tập chép :

Bạn của Nai Nhỏ

Nai Nhỏ xin cha cho đi chơi xa cùng bạn.

Biết bạn của con khỏe mạnh, thông minh và nhanh nhẹn, cha Nai Nhỏ vẫn lo. Khi biết bạn của con dám liều mình cứu người khác, cha Nai Nhỏ mới yên lòng cho con đi chơi với bạn.

- ⑦ - Bài chính tả có mấy câu ?
 - Chữ đầu câu viết thế nào ?
 - Cuối câu có dấu câu gì ?

2. Điền vào chỗ trống *ng* hay *nh* ?

...ày tháng, ...ỉ ngơi, ...ười bạn, ...ề nghiệp

(3). Điền vào chỗ trống :

a) *tr* hay *ch* ?

cây ...e, mái ...e, ...ung thành, ...ung sức

b) *đỏ* hay *đỗ* ?

... rác, thi ..., trời ... mưa, xe ... lại.

Tập đọc



Danh sách học sinh tổ 1, lớp 2A

(Năm học 2003 - 2004)

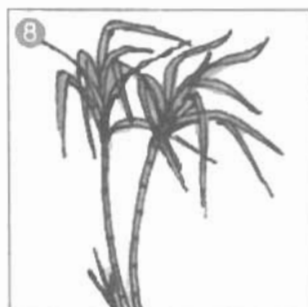
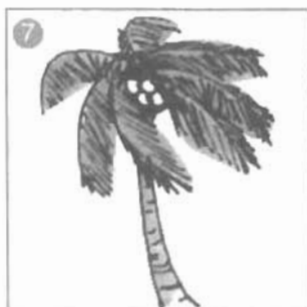
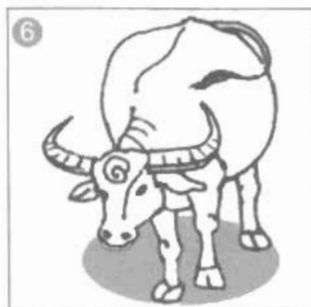
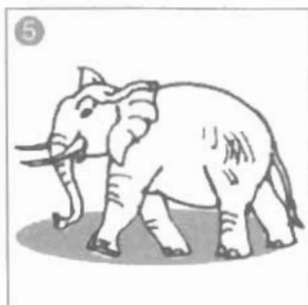
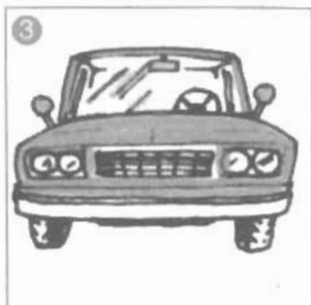
Số thứ tự	Họ và tên	Nam, nữ	Ngày sinh	Nơi ở
1	Nguyễn Văn Anh	Nữ	5-3-1996	5 phố Quang Trung
2	Lê Phú Bình	Nữ	8-1-1996	43 đường Trường Chinh
3	Hoàng Định Công	Nam	25-6-1996	9 ngõ Bảo Khánh
4	Trần Bạch Dương	Nữ	12-2-1996	11 phố Tràng Thi
5	Vũ Huy Đông	Nam	4-5-1996	55 phố Hàng Trống
6	Nguyễn Thị Essen	Nữ	7-5-1996	112 phố Hàng Gai
7	Phạm Hương Giang	Nữ	20-3-1996	36 phố Nhà Chung
8	Bùi Thu Hiền	Nữ	8-3-1996	28 ngõ Hội Vũ
9	Trần Xuân Ích	Nam	16-7-1996	24 phố Lương Văn Can
10	Vũ Hoàng Khuyên	Nữ	19-8-1996	22 phố Quán Sứ

- ⑦
1. Bản danh sách gồm những cột nào ?
 2. Đọc bản danh sách theo hàng ngang.
 3. Tên học sinh trong danh sách được xếp theo thứ tự nào ?
 4. Sắp xếp tên các bạn trong tổ của em dựa theo thứ tự bảng chữ cái.

Luyện từ và câu



1. Tìm những từ chỉ sự vật (người, đồ vật, con vật, cây cối,...) được vẽ dưới đây :



2. Tìm các từ chỉ sự vật có trong bảng sau :

bạn	thân yêu	thuốc kẻ	dài
quý mến	cô giáo	chào	thầy giáo
bảng	nhớ	học trò	viết
đi	nai	dùng cảm	cá heo
phượng vĩ	đỏ	sách	xanh

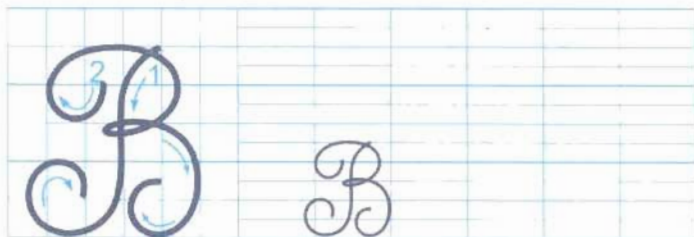
3. Đặt câu theo mẫu dưới đây :

Ai (hoặc cái gì, con gì)	là gì ?
Bạn Văn Anh	là học sinh lớp 2A.

Tập viết

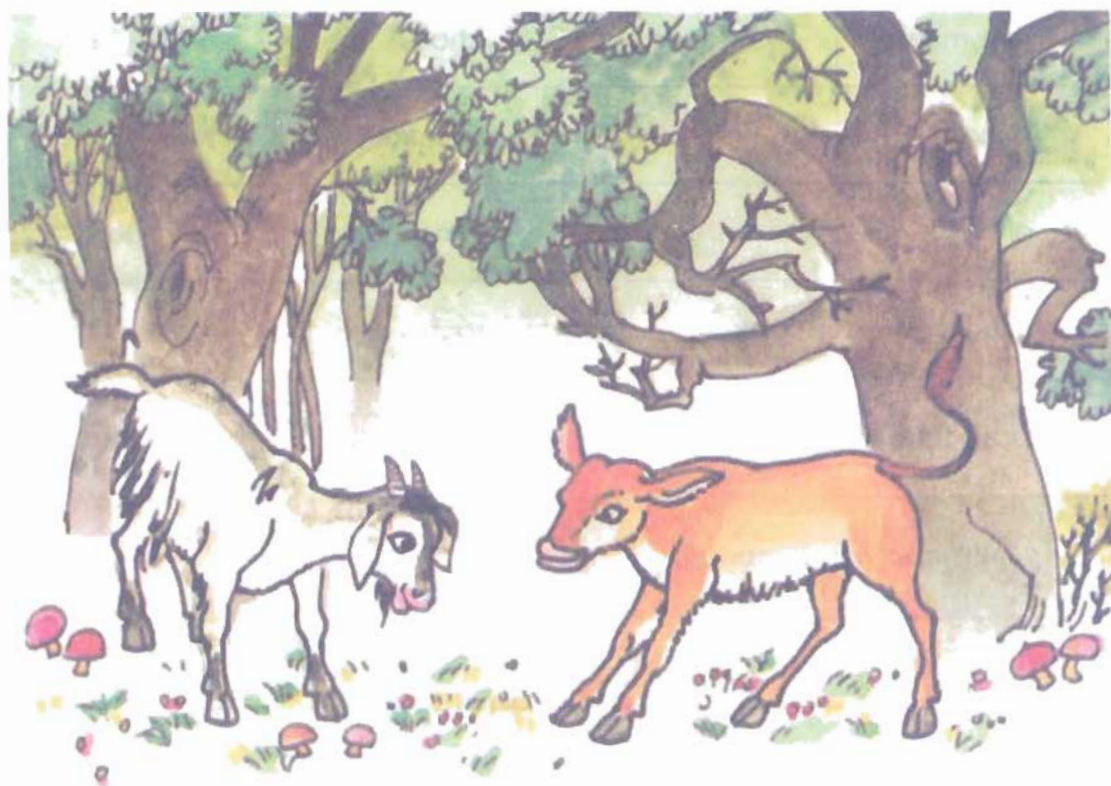


1. Viết chữ hoa :



2. Viết ứng dụng :

Bạn bè sum họp.



Gọi bạn

Tự xa xưa thuở nào
Trong rừng xanh sâu thẳm
Đôi bạn sống bên nhau
Bê Vàng và Dê Trắng.

Một năm, trời hạn hán
Suối cạn, cỏ héo khô
Lấy gì nuôi đôi bạn
Chờ mưa đến bao giờ ?

Bê Vàng đi tìm cỏ
 Lang thang quên đường về
 Dê Trắng thương bạn quá
 Chạy khắp nẻo tìm Bê
 Đến bây giờ Dê Trắng
 Vẫn gọi hoài : "Bê ! Bê !"

ĐINH HẢI

- ① - **Sâu thẳm** : rất sâu.
 - **Hạn hán** : (nước) khô cạn vì trời nắng kéo dài.
 - **Lang thang** : đi hết chỗ này đến chỗ khác, không dừng ở nơi nào.

- ② 1. Đôi bạn Bê Vàng và Dê Trắng sống ở đâu ?
 2. Vì sao Bê Vàng phải đi tìm cỏ ?
 3. Khi Bê Vàng quên đường về, Dê Trắng làm gì ?
 4. Vì sao đến bây giờ Dê Trắng vẫn kêu "Bê ! Bê !" ?
 5. Học thuộc lòng bài thơ.

Chinh tả



1. Nghe - viết : Gọi bạn (từ Một năm,... đến hết)

- ③ - Bài chính tả có những chữ nào viết hoa ? Vì sao ?
 - Tiếng gọi của Dê Trắng được ghi với những dấu câu gì ?

2. Em chọn chữ nào trong ngoặc đơn để điền vào chỗ trống ?

- a) (ngờ, nghiêng) : ... ngả, nghi ...
 b) (ngon, nghe) : ... ngóng, ... ngọt

(3). Em chọn chữ nào trong ngoặc đơn để điền vào chỗ trống ?

- a) (chở, trò) : ... chuyện, che ...
 (trắng, chằm) : ... tinh, ... chỉ
 b) (gổ, gỗ) : cây ..., gây ...
 (mỡ, mở) : màu ..., cửa ...



1. Sắp xếp lại thứ tự các tranh dưới đây. Dựa theo nội dung các tranh ấy, kể lại câu chuyện *Gọi bạn* :



2. Dưới đây là 4 câu trong truyện *Kiến và Chim Gáy*. Em hãy sắp xếp lại các câu ấy cho đúng thứ tự :

- Chim Gáy đậu trên cây, thấy Kiến bị nạn, vội bay đi gấp một cành khô thả xuống dòng suối để cứu.
- Một hôm, Kiến khát quá bèn bò xuống suối uống nước.
- Kiến bám vào cành cây, thoát chết.
- Chẳng may trượt ngã, Kiến bị dòng nước cuốn đi.

3. Lập danh sách một nhóm từ 3 đến 5 bạn trong tổ học tập của em theo mẫu sau :

M :

Số thứ tự	Họ và tên	Nam, nữ	Ngày sinh	Nơi ở
1	Ngô Hồng Anh	Nữ	13 - 6 - 1996	xã Phước Lợi, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An
...



Bím tóc đuôi sam

1. Một hôm, Hà nhờ mẹ tết cho hai bím tóc nhỏ, mỗi bím buộc một cái nơ.

2. Khi Hà đến trường, mấy bạn gái cùng lớp reo lên : "Ái chà chà ! Bím tóc đẹp quá !" Điều đó làm Hà rất vui. Nhưng Tuấn bỗng sấn tới, nắm bím tóc và nói :

- Tớ mệt quá. Cho tớ vịn vào nó một lúc.

Tuấn lớn hơn Hà. Vì vậy, mỗi lần cậu kéo bím tóc, cô bé lại loạng choạng và cuối cùng ngã phịch xuống đất. Tuấn vẫn đùa dai, cứ cầm bím tóc mà kéo. Hà oà khóc. Rồi vừa khóc, em vừa chạy đi mách thầy.

3. Thầy giáo nhìn hai bím tóc xinh xinh của Hà, vui vẻ nói :

- Đừng khóc, tóc em đẹp lắm !

Hà ngược khuôn mặt đầm đìa nước mắt lên, hỏi :

- Thật không ạ ?

- Thật chứ !

Nghe thầy nói thế, Hà nín hân :

- Thưa thầy, em sẽ không khóc nữa.

Thầy giáo cười. Hà cũng cười.

4. Tan học, Tuấn đến trước mặt Hà, gỡ đầu ngượng nghịu :

- Tớ xin lỗi vì lúc nãy kéo bím tóc của bạn. Thầy giáo đã phê bình tớ.

Thầy bảo phải đối xử tốt với các bạn gái.

Phỏng theo **KU-RÔ-Y-A-NA-GI**

(Phi Văn Gùng dịch)



- **Tết** : đan, kết nhiều sợi thành dải.

- **Bím tóc đuôi sam** : tóc tết thành dải như đuôi con sam.

- **Loạng choạng** : đi, đứng không vững.

- **Ngượng nghịu** : (về mặt, cử chỉ) không tự nhiên.

- **Phê bình** : nhắc nhở, chê trách người mắc lỗi.



1. Các bạn gái khen Hà thế nào ?

2. Vì sao Hà khóc ?

3. Thầy giáo làm cho Hà vui lên bằng cách nào ?

4. Nghe lời thầy, Tuấn đã làm gì ?

1. Kể lại đoạn 1 và đoạn 2 trong câu chuyện *Bím tóc đuôi sam* dựa theo hai tranh sau :



2. Kể lại cuộc gặp gỡ giữa bạn Hà và thầy giáo bằng lời của em.

M: Hà vừa khóc vừa chạy đi tìm thầy...

3. Phân vai, dựng lại câu chuyện (các vai : người dẫn chuyện, Hà, Tuấn, thầy giáo).

1. Tập chép : *Bím tóc đuôi sam* (từ *Thầy giáo nhìn hai bím tóc...* đến em sẽ không khóc nữa.)

? Bài chính tả có những dấu câu gì ?

2. Điền vào chỗ trống *iên hay yên* ?

... ỏn, cô t..., chim í..., thiếu n...

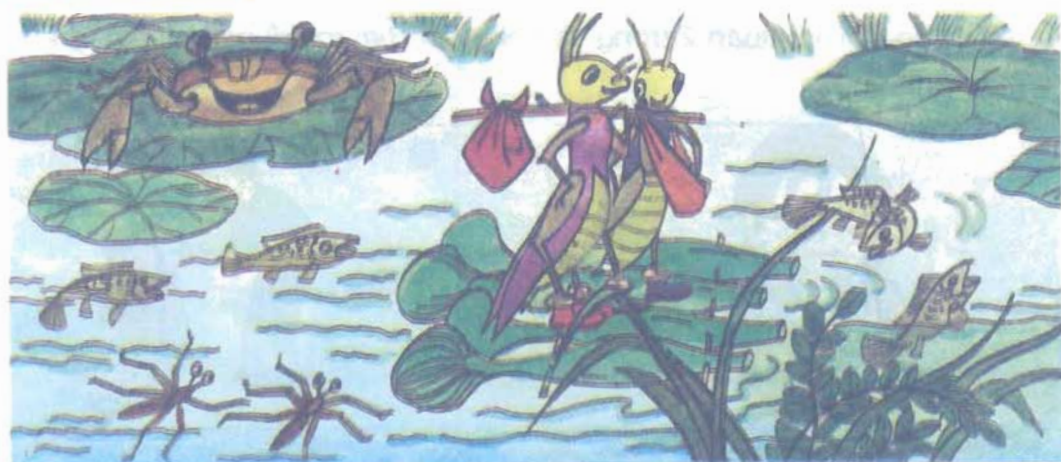
(3). Điền vào chỗ trống :

a) *r, d* hay *gi* ?

...a dẻ, cụ ...à, ...a vào, cặp ...a

b) *ân* hay *âng* ?

v... lời, bạn th..., nhà t..., bàn ch...



Trên chiếc bè

Tôi và Đế Trũi rủ nhau đi ngao du thiên hạ. Chúng tôi ngày đi đêm nghỉ, cùng nhau say ngấm dọc đường.

Ngày kia, đến một bờ sông, chúng tôi ghép ba bốn lá bèo sen lại, làm một chiếc bè. Bè theo dòng nước trôi băng băng.

Mùa thu mới chớm nhưng nước đã trong vắt, trông thấy cả hòn cuội trắng tinh nằm dưới đáy. Nhìn hai bên bờ sông, cỏ cây và những làng gần, núi xa luôn luôn mới. Những anh gọng vó đen sạm, gầy và cao, nghênh cặp chân gọng vó đứng trên bãi lầy bái phục nhìn theo chúng tôi. Những ả cua kênh cũng giương đôi mắt lồi, âu yếm ngó theo. Đàn sần sật và cá thầu dầu thoáng gặp đầu cũng lặn xuống cố bơi theo chiếc bè, hoan nghênh văng cả mặt nước.

Theo **TÔ HOÀI**



- **Ngao du thiên hạ** : đi dạo chơi khắp nơi.
- **Bèo sen (bèo Nhật Bản, bèo lục bình)** : loại bèo có cuống lá phồng lên thành phao nổi.
- **Bái phục** : phục hết sức.
- **Lặn xuống** : làm ra vẻ bận rộn, vội vã.
- **Văng** : (nói, hét, kêu) rất to, đến mức chói tai.



1. Dế Mèn và Dế Trũi đi chơi xa bằng cách gì ?
2. Trên đường đi, đôi bạn nhìn thấy cảnh vật ra sao ?
3. Tìm những từ ngữ tả thái độ của các con vật đối với hai chú dế.



Luyện từ và câu

1. Tìm các từ theo mẫu trong bảng (mỗi cột 3 từ) :

Chỉ người	Chỉ đồ vật	Chỉ con vật	Chỉ cây cối
M : học sinh	M : ghế	M : chim sẻ	M : xoài

2. Đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi về :

- a) Ngày, tháng, năm.
- b) Tuần, ngày trong tuần (thứ...).

M : - Bạn sinh năm nào ? Tôi sinh năm 1996.
 - Tháng hai có mấy tuần ? Tháng hai có bốn tuần.

3. Ngắt đoạn sau thành 4 câu rồi viết lại cho đúng chính tả :

Trời mưa to Hoà quên mang áo mưa Lan rủ bạn đi chung áo mưa với mình đôi bạn vui vẻ ra về.



Tập viết

1. Viết chữ hoa :



2. Viết ứng dụng :

Chia ngọt sẻ bùi.



Truyện vui

Mít làm thơ

(Tiếp theo)

Mít gọi Biết Tuốt, Nhanh Nhẩu, Ngộ Nhõ đến, tặng mỗi bạn mấy câu thơ. Thoạt tiên là thơ về Biết Tuốt :

*Một hôm đi dạo qua dòng suối
Biết Tuốt nhảy qua con cá chuối.*

Biết Tuốt la lên :

- Tớ nhảy qua con cá chuối bao giờ ?
- Nói cho có vần thôi ! - Mít giải thích.
- Muốn cho có vần thì được nói sai sự thật à ? Cậu hãy đọc thơ về những bạn khác xem nào !
- Đây là thơ tặng Nhanh Nhẩu :

*Nhanh Nhẩu đói, thật tội
Nuốt chửng bần là nguội.*

- Còn đây là thơ về Ngô Nhữ :

Có cái bánh nhân mỡ

Dưới gối cậu Ngô Nhữ.

Ba cậu bạn nghe xong cùng hét toáng lên. Họ cho là Mít chế giễu họ và dọa không chơi với Mít nữa.

Đó là lần đầu tiên Mít làm thơ.

Theo **NÔ-XÔP**

(Vũ Ngọc Bình dịch)



- **Cá chuối** (cá quả, cá lóc, cá tràu) : loài cá sống ở nước ngọt, thân tròn, dài.
- **Nuốt chửng** : nuốt mà không nhai.
- **Chế giễu** : đem ra làm trò cười.



1. Mít tặng Biết Tuốt, Nhanh Nhẩu và Ngô Nhữ những câu thơ như thế nào ?
2. Vì sao các bạn tỏ thái độ giận dữ với Mít ?
3. Hãy nói vài câu bênh vực cho Mít.

Chính tả



1. **Nghe - viết** : Trên chiếc bè (từ Tôi và Dế Trũi... đến nằm dưới đáy.)



- Bài chính tả có những chữ nào viết hoa ? Vì sao ?
- Sau dấu chấm xuống dòng, chữ đầu câu viết thế nào ?

2. Tìm 3 chữ có **iê**, 3 chữ có **yê**.

(3). **Phân biệt cách viết các chữ in đậm trong câu** :

- a) Hoà **đỗ** em đội mũ để đi ăn **giỗ** ông ngoại.
Chúng tôi lênh đênh trên **dòng** sông **ròng** rã ba ngày.
- b) Tôi viết những **vần** thơ về **vắng** trăng quê hương.
Dân làng **dâng** lên nhà vua nhiều của ngon vật lạ.



1. Nói lời cảm ơn của em trong những trường hợp sau :

- a) Bạn cùng lớp cho em đi chung áo mưa.
- b) Cô giáo cho em mượn quyển sách.
- c) Em bé nhặt hộ em chiếc bút rơi.

2. Nói lời xin lỗi của em trong những trường hợp sau :

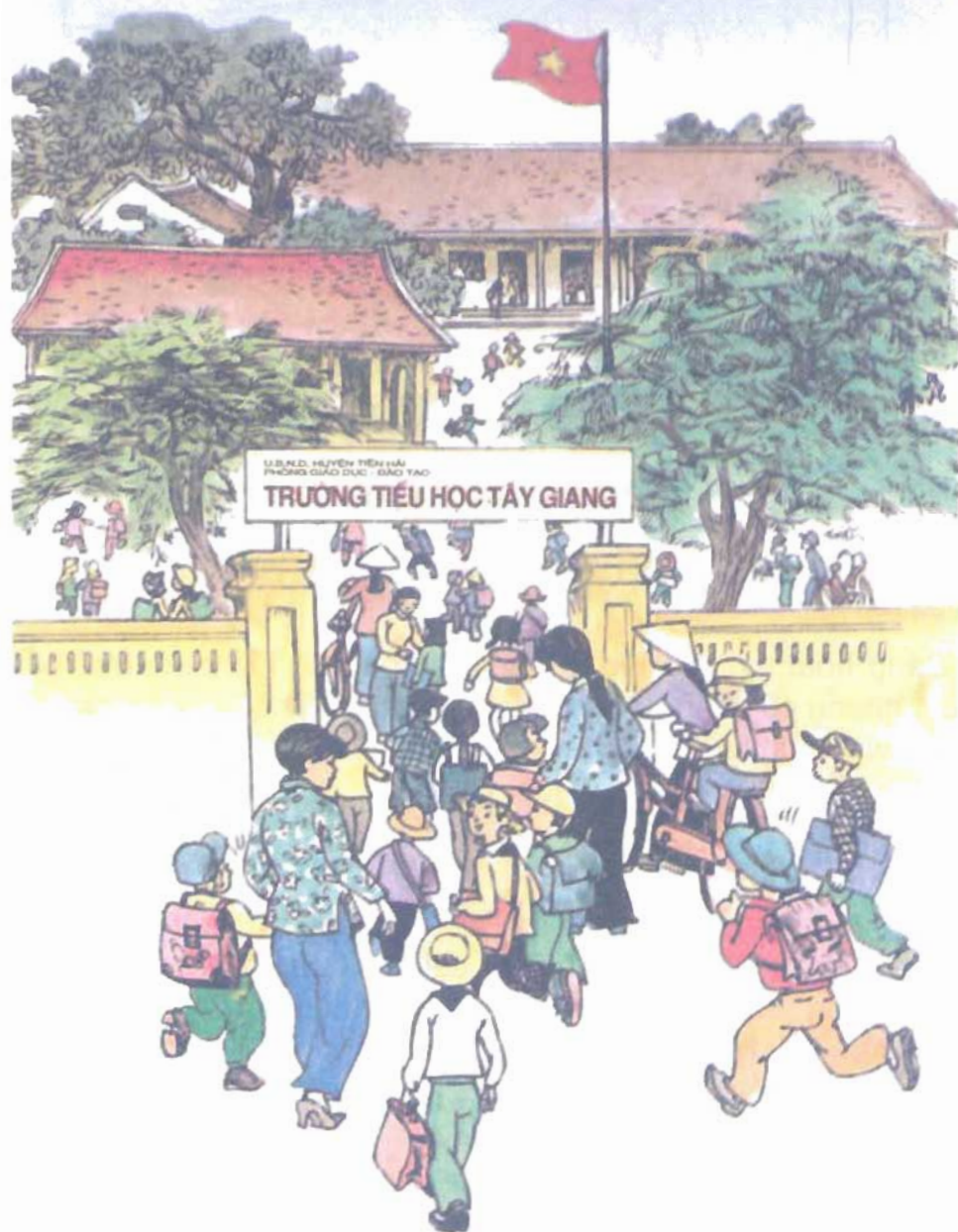
- a) Em lỡ bước, giẫm vào chân bạn.
- b) Em mãi chơi, quên làm việc mẹ đã dặn.
- c) Em đùa nghịch, va phải một cụ già.

3. Hãy nói 3, 4 câu về nội dung mỗi bức tranh, trong đó có dùng lời cảm ơn hay xin lỗi thích hợp :



4. Viết lại những câu em đã nói về một trong hai bức tranh ở bài tập 3.

TRƯỜNG HỌC





Chiếc bút mực

1. Ở lớp 1A, học sinh bắt đầu được viết bút mực, chỉ còn Mai và Lan vẫn phải viết bút chì.

2. Sáng hôm ấy, cô giáo gọi Lan lên bàn cô lấy mực. Mai hồi hộp nhìn cô, nhưng cô chẳng nói gì. Mai buồn lắm. Thế là trong lớp chỉ còn mình em viết bút chì.

3. Bỗng Lan gục đầu xuống bàn khóc nức nở. Cô giáo ngạc nhiên :

- Em làm sao thế ?

Lan nói trong nước mắt :

- Tối qua, anh trai em mượn bút, quên không bỏ vào cặp cho em.

Lúc này, Mai cứ loay hoay mãi với cái hộp đựng bút. Em mở ra, đóng lại... Cuối cùng, em lấy bút đưa cho Lan :

- Bạn cầm lấy. Mình đang viết bút chì.

4. Lan rất ngạc nhiên. Còn cô giáo thì rất vui. Cô khen :

- Mai ngoan lắm ! Nhưng hôm nay cô cũng định cho em viết bút mực vì em viết khá rồi.

Mai thấy tiếc nhưng rồi em nói :

- Thôi cô ạ, cứ để bạn Lan viết trước.

Cô giáo mỉm cười, lấy trong cặp ra một chiếc bút mới tinh :

- Cho em mượn. Em thật đáng khen.

Phỏng theo **SVA-RÔ**

(Khánh Như dịch)

ⓘ

- **Hối hộp** : không yên lòng, chờ đợi một điều gì đó.

- **Loay hoay** : xoay trở mãi, không biết nên làm thế nào.

- **Ngạc nhiên** : lấy làm lạ.

❓

1. Những từ ngữ nào cho biết Mai mong được viết bút mực ?

2. Chuyện gì đã xảy ra với Lan ?

3. Vì sao Mai loay hoay mãi với cái hộp bút ?

4. Khi biết mình cũng được viết bút mực, Mai nghĩ và nói thế nào ?

5. Vì sao cô giáo khen Mai ?

Kể chuyện



1. Dựa theo tranh, kể lại từng đoạn câu chuyện **Chiếc bút mực** :



2. Kể lại toàn bộ câu chuyện.



1. Tập chép :

Chiếc bút mực

Trong lớp, chỉ còn có Mai và Lan phải viết bút chì. Một hôm, cô giáo cho Lan được viết bút mực. Lan vui lắm, nhưng em bỗng òa lên khóc. Hoá ra, em quên bút ở nhà. Mai lấy bút của mình cho bạn mượn.

- ... - Tập viết tên người có trong bài chính tả.
- Đọc lại những câu có dấu phẩy.

2. Điền vào chỗ trống *ia* hay *ya* ?

t... nắng, đêm khu..., cây m...

(3). a) Tìm những từ chứa tiếng có âm đầu / hoặc *n* :

- Chỉ vật đội trên đầu để che mưa nắng.
- Chỉ con vật kêu ừ ừ.
- Có nghĩa là *ngại làm việc*.
- Trái nghĩa với *già*.

Từ trái nghĩa với *già* là *non*.

b) Tìm những từ chứa tiếng có vần *en* hoặc *eng* :

- Chỉ đồ dùng để xúc đất.
- Chỉ vật dùng để chiếu sáng.
- Trái nghĩa với *chê*.
- Cùng nghĩa với *xấu hổ* (*mắc cỡ*).

... Từ cùng nghĩa với *xấu hổ* (*mắc cỡ*) là *thẹn*.



Mục lục sách



TUYỂN TẬP TRUYỆN THIẾU NHI

Mục lục

Số thứ tự	Tác giả	Tác phẩm	Trang
1	Quang Dũng	Mùa quả cọ	7
2	Phạm Đức	Hương đồng cỏ nội	28
3	Trần Thiên Hương	Bây giờ bạn ở đâu ?	37
4	Huy Phương	Người học trò cũ	52
5	Băng Sơn	Bốn mùa	75
6	Trần Đức Tiến	Vương quốc vắng nụ cười	85
7	Phùng Quán	Như con cò vàng trong cổ tích	96



- **Mục lục** : phần ghi tên các bài, các truyện theo số trang trong sách.
- **Tuyển tập** : quyển sách gồm nhiều bài hoặc truyện, thơ,... được chọn.
- **Tác phẩm** : từ chỉ truyện, thơ, tranh, tượng,... nói chung.
- **Tác giả** : người làm ra tác phẩm.
- **Hương đồng cỏ nội** : nét đẹp giản dị của làng quê.
- **Vương quốc** : nước có vua đứng đầu.



1. Tuyển tập này có những truyện nào ?
2. Truyện *Người học trò cũ* ở trang nào ?
3. Truyện *Mùa quả cọ* của nhà văn nào ?
4. Mục lục sách dùng để làm gì ?
5. Tập tra mục lục sách *Tiếng Việt 2, tập một* - tuần 5.



Luyện từ và câu

1. Cách viết các từ ở nhóm (1) và nhóm (2) khác nhau như thế nào ? Vì sao ?

(1)

sông
núi
thành phố
học sinh

(2)

(sông) Cửu Long
(núi) Ba Vi
(thành phố) Huế
(học sinh) Trần Phú Bình

Tên riêng của người, sông, núi,... **phải viết hoa**.

2. Hãy viết :

- a) Tên hai bạn trong lớp.
- b) Tên một dòng sông (hoặc suối, kênh, rạch, hồ, núi,...) ở địa phương em.

3. Đặt câu theo mẫu :

- a) Giới thiệu trường em.
- b) Giới thiệu một môn học em yêu thích.
- c) Giới thiệu làng (xóm, bản, ấp, buôn, sóc, phố) của em.

Ai (hoặc cái gì, con gì)	là gì ?
M : Môn học em yêu thích	là môn Tiếng Việt.



1. Viết chữ hoa :



2. Viết ứng dụng :

Dân giàu nước mạnh.



Cái trống trường em

Cái trống trường em
Mùa hè cũng nghỉ
Suốt ba tháng liền
Trống nằm ngấm nghỉ.

Buồn không hả trống
Trong những ngày hè
Bọn mình đi vắng
Chỉ còn tiếng ve ?

Cái trống lặng im
Nghiêng đầu trên giá
Chắc thấy chúng em
Nó mừng vui quá !

Kìa trống đang gọi :
Tùng ! Tùng ! Tùng ! Tùng !
Vào năm học mới
Giọng vang tung bùng.

THANH HÀO





- **Ngẫm nghĩ** : suy nghĩ kĩ.
- **Giá (trống)** : cái khung để đặt (hoặc treo) trống.



1. Bạn học sinh xung hô, trò chuyện như thế nào với cái trống trường ?
2. Tìm những từ ngữ tả hoạt động, tình cảm của cái trống.
3. Bài thơ nói lên tình cảm gì của bạn học sinh với ngôi trường ?
4. Học thuộc lòng bài thơ.

Chính tả



1. Nghe - viết : *Cái trống trường em* (hai khổ thơ đầu)



- Tìm các dấu câu trong bài chính tả.
- Tìm các chữ viết hoa. Cho biết vì sao phải viết hoa.

(2). Điền vào chỗ trống :

a) *l* hay *n* ?

...ong ...anh đây ...ước in trời
Thành xây khói biếc ...on phơi bóng vàng.

NGUYỄN DU

b) *en* hay *eng* ?

Đêm hội, ngoài đường người và xe ch... chúc. Chuông xe xích lô l... k..., còi ô tô inh ỏi. Vì sợ lỡ h... với bạn, Hùng cố l... qua dòng người đang đổ về sân vận động.

c) *i* hay *iê* ?

Cây bàng lá nõn xanh ngời
Ngày ngày ch...m đến t...m mỗi chíp ch...u
Đường xa gánh nặng sớm ch...u
Kê cái đòn gánh bao nh...u người ngồi.

TRẦN ĐĂNG KHOA

(3). Thi tìm nhanh :

- a) Những tiếng bắt đầu bằng **n** và những tiếng bắt đầu bằng **l**.
- b) Những tiếng có vần **en** và những tiếng có vần **eng**.
- c) Những tiếng có vần **im** và những tiếng có vần **iêm**.

Tập làm văn



1. Hãy dựa vào các tranh sau, trả lời câu hỏi :



Bạn trai đang vẽ ở đâu ?

Minh vẽ có đẹp không ?



Bạn trai nói gì với bạn gái ?



Bạn gái nhận xét như thế nào ?



Hai bạn đang làm gì ?

2. Đặt tên cho câu chuyện ở bài tập 1.

3. Đọc mục lục các bài ở tuần 6. Viết tên các bài tập đọc trong tuần ấy.



Mẩu giấy vụn

1. Lớp học rộng rãi, sáng sủa và sạch sẽ nhưng không biết ai vứt một mẩu giấy ngay giữa lối ra vào.

2. Cô giáo bước vào lớp, mỉm cười :

- Lớp ta hôm nay sạch sẽ quá ! Thật đáng khen ! Nhưng các em có nhìn thấy mẩu giấy đang nằm ngay giữa cửa kia không ?

- Có ạ ! - Cả lớp đồng thanh đáp.

- Nào ! Các em hãy lắng nghe và cho cô biết mẩu giấy đang nói gì nhé ! - Cô giáo nói tiếp.

3. Cả lớp im lặng lắng nghe. Được một lúc, tiếng xì xào nổi lên vì các em không nghe thấy mẩu giấy nói gì cả. Một em trai đánh bạo giơ tay xin nói. Cô giáo cười :

- Tốt lắm ! Em nghe thấy mẩu giấy nói gì nào ?

- Thưa cô, giấy không nói được đâu ạ !

Nhiều tiếng xì xào hưởng ứng : "Thưa cô, đúng đấy ạ ! Đúng đấy ạ !"

4. Bỗng một em gái đứng dậy, tiến tới chỗ mẩu giấy, nhặt lên rồi mang bỏ vào sọt rác. Xong xuôi, em mới nói :

- Em có nghe thấy ạ. Mẩu giấy bảo : "Các bạn ơi ! Hãy bỏ tôi vào sọt rác !"

Cả lớp cười rộ lên thích thú. Buổi học hôm ấy vui quá !

Theo **QUẾ SƠN**



- **Tiếng xì xào** : tiếng bàn tán nhỏ.

- **Đánh bạo** : dám vượt qua e ngại, rụt rè để nói hoặc làm một việc.

- **Hưởng ứng** : bày tỏ sự đồng ý.

- **Thích thú** : vui thích.



1. Mẩu giấy vụn nằm ở đâu ? Có dễ thấy không ?

2. Cô giáo yêu cầu cả lớp làm gì ?

3. Bạn gái nghe thấy mẩu giấy nói gì ?

4. Em hiểu ý cô giáo nhắc nhở học sinh điều gì ?

Kể chuyện



1. Dựa theo tranh, kể lại câu chuyện **Mẩu giấy vụn** :



2. Phân vai (người dẫn chuyện, cô giáo, học sinh nam, học sinh nữ), dựng lại câu chuyện.



1. Tập chép : *Mẩu giấy vụn (từ Bỗng một em gái... đến Hãy bỏ tôi vào sọt rác !)*

- ? - Câu đầu tiên có mấy dấu phẩy ?
- Tìm thêm những dấu câu khác trong bài chính tả.

2. Điền vào chỗ trống ai hay ay ?

- | | |
|----------------|------------|
| a) m... nhà, | m... cày |
| b) thỉnh t..., | giơ t... |
| c) ch... tóc, | nước ch... |

(3). Điền vào chỗ trống :

- | | |
|-----------------|----------------------------|
| a) (sa, xa) ? | ... xôi, ... xuống |
| (sá, xá) ? | phố ..., đường ... |
| b) (ngả, ngã) ? | ... ba đường, ba ... đường |
| (vẽ, vẽ) ? | ... tranh, có ... |



Ngôi trường mới

Trường mới của em xây trên nền ngôi trường cũ lợp lá. Nhìn từ xa, những mảng tường vàng, ngói đỏ như những cánh hoa lấp ló trong cây.

Em bước vào lớp, vừa ngỡ ngàng vừa thấy quen thân. Tường vôi trắng, cánh cửa xanh, bàn ghế gỗ xoan đào nổi vân như lụa. Em thấy tất cả đều sáng lên và thơm tho trong nắng mùa thu.



Dưới mái trường mới, sao tiếng trống rung động kéo dài ! Tiếng cô giáo trang nghiêm mà ấm áp. Tiếng đọc bài của em cũng vang vang đến lạ ! Em nhìn ai cũng thấy thân thương. Cả đến chiếc thước kẻ, chiếc bút chì sao cũng đáng yêu đến thế !

Theo **NGÔ QUÂN MIỄN**



- **Lấp ló** : lúc ẩn lúc hiện.
- **Bỡ ngỡ** : chưa quen trong buổi đầu.
- **Vân** : những đường cong trên mặt gỗ, mặt đá giống như hình vẽ.
- **Rung động** : ý nói (tiếng trống) rung lên, làm cho học sinh cảm động.
- **Thân thương** : thân yêu, gần gũi.



1. Tìm đoạn văn ứng với từng nội dung sau :
 - a) Tả ngôi trường từ xa.
 - b) Tả lớp học.
 - c) Tả cảm xúc của học sinh dưới mái trường mới.
2. Tìm những từ ngữ tả vẻ đẹp của ngôi trường.
3. Dưới mái trường mới, bạn học sinh cảm thấy có những gì mới ?



1. Đặt câu hỏi cho bộ phận câu được in đậm :

- a) **Em** là học sinh lớp 2.
- b) **Lan** là học sinh giỏi nhất lớp.
- c) Môn học em yêu thích **là Tiếng Việt**.

M : Ai là học sinh giỏi nhất lớp ?

2. Tìm những cách nói có nghĩa giống với nghĩa của các câu sau :

- a) Mẫu giấy không biết nói.
- b) Em không thích nghỉ học.
- c) Đây không phải đường đến trường.

M : - Mẫu giấy **không** biết nói **đâu** !

- Mẫu giấy **có** biết nói **đâu** !

- Mẫu giấy **đâu có** biết nói !

3. Tìm các đồ dùng học tập ẩn trong tranh sau. Cho biết mỗi đồ vật ấy được dùng để làm gì.





1. Viết chữ hoa :



2. Viết ứng dụng :

Đẹp trường đẹp lớp.



Truyện vui

Mua kính

Có một cậu bé lười học nên không biết chữ. Thấy nhiều người khi đọc sách phải đeo kính, cậu tưởng rằng cứ đeo kính thì đọc được sách. Một hôm, cậu vào một cửa hàng để mua kính. Cậu giở một cuốn sách ra đọc thử. Cậu thử đến năm bảy chiếc kính khác nhau mà vẫn không đọc được. Bác bán kính thấy thế liền hỏi : "Hay là cháu không biết đọc ?" Cậu bé ngạc nhiên : "Nếu cháu mà biết đọc thì cháu còn phải mua kính làm gì ?" Bác bán kính phì cười : "Chẳng có thứ kính nào đeo vào mà biết đọc được đâu ! Cháu muốn đọc sách thì phải học đi đã."



Theo **QUỐC VĂN GIÁO KHOA THƯ**



1. Cậu bé muốn mua kính để làm gì ?
2. Cậu bé đã thử kính như thế nào ?
3. Tại sao bác bán kính phì cười ?



1. Nghe - viết : Ngôi trường mới (từ Dưới mái trường mới... đến hết)

⑦ Tìm các dấu câu được dùng trong bài chính tả.

2. Thi tìm nhanh các tiếng có vần *ai* hoặc *ay*.

M : cái *tai*, chân *tay*

(3). Thi tìm nhanh các tiếng :

- a) Bắt đầu bằng **s** hoặc **x**.
- b) Có **thanh ngã** hoặc **thanh hỏi**.



1. Trả lời câu hỏi bằng hai cách theo mẫu :

- a) Em có đi xem phim không ?
- b) Mẹ có mua báo không ?
- c) Em có ăn cơm bây giờ không ?

M : - *Em có thích đọc thơ không ?*
 - Có, em rất thích đọc thơ.
 - Không, em không thích đọc thơ.

2. Đặt câu theo các mẫu sau, mỗi mẫu 1 câu :

- a) Trường em **không** xa **đâu** !
- b) Trường em **có** xa **đâu** !
- c) Trường em **đâu có** xa !

3. Tìm đọc mục lục của một tập truyện thiếu nhi. Ghi lại tên 2 truyện, tên tác giả và số trang theo thứ tự trong mục lục.

THẦY CÔ





Người thầy cũ

1. Giữa cảnh nhộn nhịp của giờ ra chơi, từ phía cổng trường bỗng xuất hiện một chú bộ đội. Chú là bố của Dũng. Chú tìm đến lớp của con mình để chào thầy giáo cũ.

2. Vừa tới cửa lớp, thấy thầy giáo bước ra, chú vội bỏ mũ, lễ phép chào thầy. Thầy nhắc kính, chớp mắt ngạc nhiên. Chú liền nói :

- Thưa thầy, em là Khánh, đứa học trò năm nào treo cửa sổ lớp bị thầy phạt đấy ạ !

Thầy giáo cười vui vẻ :

- À, Khánh. Thầy nhớ ra rồi. Nhưng... hình như hôm ấy thầy có phạt em đâu !

- Vâng, thầy không phạt. Nhưng thầy buồn. Lúc ấy, thầy bảo : "Trước khi làm việc gì, cần phải nghĩ chứ ! Thôi, em về đi, thầy không phạt em đâu."



3. Giờ ra chơi đã hết. Dũng xúc động nhìn theo bố đang đi ra phía cổng trường rồi lại nhìn cái khung cửa sổ lớp học. Em nghĩ : bố cũng có lần mắc lỗi, thầy không phạt, nhưng bố nhận đó là hình phạt và nhớ mãi. Nhớ để không bao giờ mắc lại nữa.

Theo **PHONG THU**



- **Xúc động** : có cảm xúc mạnh.
- **Hình phạt** : hình thức phạt người có lỗi.



1. Bố Dũng đến trường làm gì ?
2. Khi gặp thầy giáo cũ, bố của Dũng thể hiện sự kính trọng như thế nào ?
3. Bố Dũng nhớ nhất kỉ niệm gì về thầy ?
4. Dũng nghĩ gì khi bố đã ra về ?

Kể chuyện



1. Câu chuyện *Người thầy cũ* có những nhân vật nào ?
2. Kể lại toàn bộ câu chuyện.
3. Dựng lại phần chính của câu chuyện (đoạn 2) theo vai : người dẫn chuyện, chú bộ đội, thầy giáo.

Chính tả



1. **Tập chép** : *Người thầy cũ* (từ Dũng xúc động nhìn theo... đến không bao giờ mắc lại nữa.)
 - ① - Bài chính tả có mấy câu ?
 - Chữ đầu của mỗi câu viết thế nào ?
 - Đọc lại câu văn có cả dấu phẩy (,) và dấu hai chấm (:).
2. **Điền vào chỗ trống *ư* hay *ơ* ?**

b... phần, h... hiệu, v... vẽ, tận t...
- (3). **Điền vào chỗ trống :**
 - a) *tr* hay *ch* ?
giò ...ỏ , ...ỏ lại, con ...ăn, cái ...ăn
 - b) *iên* hay *iêng* ?
t... nói, t... bộ, lười b..., b... mất



Thời khoá biểu

Buổi	Tiết	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu
Sáng	1	Tiếng Việt	Tiếng Việt	Tiếng Việt	Tiếng Việt	Tiếng Việt
	2	Toán	Toán	Toán	Toán	Toán
	HOẠT ĐỘNG VUI CHƠI (25 PHÚT)					
	3	Thể dục	Tiếng Việt	Tiếng Việt	Tiếng Việt	Nghệ thuật
	4	Tiếng Việt	Đạo đức	Nghệ thuật	Tự nhiên và Xã hội	Nghệ thuật
Chiều	1	Nghệ thuật	Toán	Nghệ thuật	Ngoại ngữ	Toán
	2	Tiếng Việt	Nghệ thuật	Thể dục	Tiếng Việt	Tiếng Việt
	3	Tin học	Ngoại ngữ	Hoạt động tập thể	Thể dục	Hoạt động tập thể



1. Đọc thời khoá biểu theo từng ngày (thứ - buổi - tiết).

M: Thứ hai :

Buổi sáng : Tiết 1 - Tiếng Việt, tiết 2 - Toán,...

Buổi chiều : Tiết 1 - Nghệ thuật,...

2. Đọc thời khoá biểu theo buổi (buổi - thứ - tiết).

M: Buổi sáng : Thứ hai, tiết 1 - Tiếng Việt, tiết 2 - Toán,...

3. Đọc và ghi lại số tiết học chính (ô màu hồng), số tiết học bổ sung (ô màu xanh) và số tiết học tự chọn (ô màu vàng).

M: Tiết học chính : Tiếng Việt ... tiết, Toán ... tiết,...

Tiết học tự chọn : Tin học ... tiết, Ngoại ngữ ... tiết.

4. Em cần thời khoá biểu để làm gì ?



- Hãy kể tên các môn em học ở lớp 2.
- Các tranh dưới đây vẽ một số hoạt động của người. Hãy tìm từ chỉ mỗi hoạt động.



- Kể lại nội dung mỗi tranh trên bằng một câu.

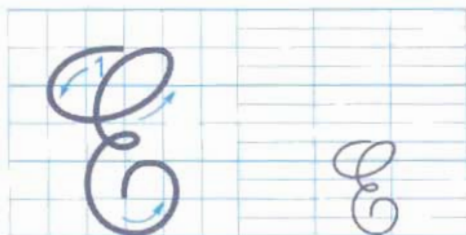
M: Em đang đọc sách.

- Chọn từ chỉ hoạt động thích hợp với mỗi chỗ trống dưới đây :

- Cô Tuyết Mai ... môn Tiếng Việt.
- Cô ... bài rất dễ hiểu.
- Cô ... chúng em chăm học.



- Viết chữ hoa :



- Viết ứng dụng :

Em yêu trường em.



Cô giáo lớp em

Sáng nào em đến lớp
Cũng thấy cô đến rồi
Đáp lời "Chào cô ạ!"
Cô mỉm cười thật tươi.

Cô dạy em tập viết
Gió đưa thoảng hương nhài
Nắng ghé vào cửa lớp
Xem chúng em học bài.

Những lời cô giáo giảng
Ấm trang vở thơm tho
Yêu thương em ngắm mãi
Những điểm mười cô cho.

NGUYỄN XUÂN SANH



- **Ghé (ghé mắt)** : nhìn, ngó.

- **Ngắm** : nhìn kĩ, nhìn mãi vì yêu thích.

1. Khổ thơ 1 cho em biết điều gì về cô giáo ?
2. Tìm những hình ảnh đẹp trong lúc cô dạy em viết (khổ thơ 2).
3. Tìm những từ ở khổ thơ 3 nói lên tình cảm của học sinh đối với cô giáo.
4. Tìm những tiếng cuối dòng có vần giống nhau ở khổ thơ 2 và khổ thơ 3.
5. Học thuộc lòng bài thơ.



1. Nghe - viết : Cô giáo lớp em (khổ thơ 2 và 3)

- ❓ - Mỗi dòng thơ có mấy chữ ?
- Các chữ đầu mỗi dòng thơ viết thế nào ?

2. Tìm các tiếng và từ ngữ thích hợp với mỗi ô trống trong bảng :

Âm đầu	Vần	Thanh	Tiếng	Từ ngữ
v	ui	ngang	vui	vui, vui vẻ
th	uy	hỏi		
n	ui	sắc		
l	uy	ngã		

(3). a) Em chọn từ nào trong ngoặc đơn để điền vào mỗi chỗ trống ?

(che, tre, trăng, trắng)

Quê hương là cầu ... nhỏ
Mẹ vể nón lá nghiêng ...
Quê hương là đêm ... tỏ
Hoa cau rụng ... ngoài thềm.

ĐỐ TRUNG QUÂN

b) Tìm 2 từ ngữ có tiếng mang vần *iên*, 2 từ ngữ có tiếng mang vần *iêng*.

M : con kiến - miếng mồi.



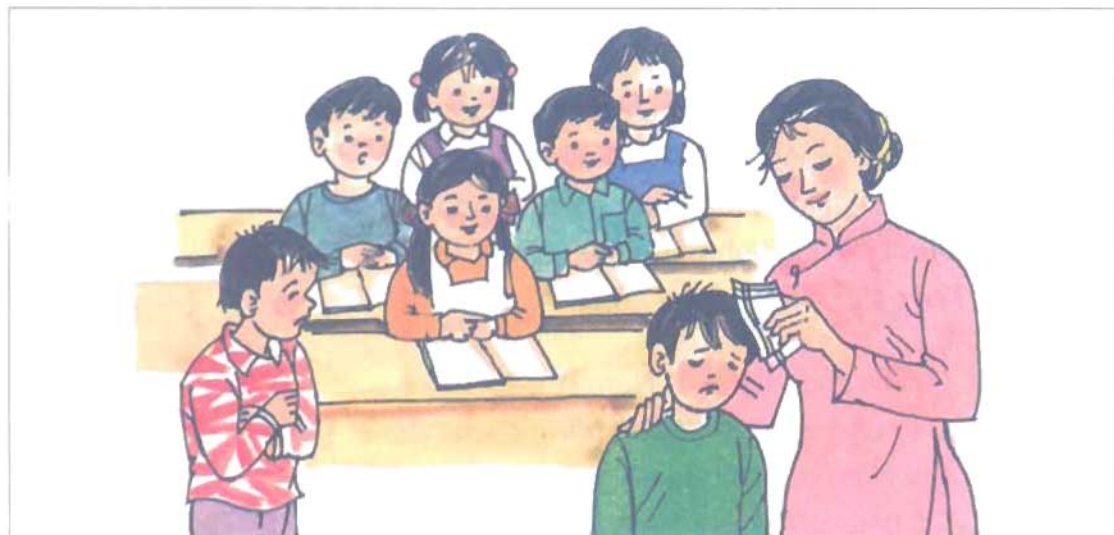
1. Dựa vào tranh vẽ, hãy kể câu chuyện có tên *Bút của cô giáo* :



2. Viết lại thời khoá biểu ngày hôm sau của lớp em.

3. Dựa theo thời khoá biểu ở bài tập 2, trả lời câu hỏi :

- Ngày mai có mấy tiết ?
- Đó là những tiết gì ?
- Em cần mang những quyển sách gì đến trường ?



Người mẹ hiền

1. Giờ ra chơi, Minh thăm thi với Nam : "Ngoài phố có gánh xiếc. Bọn mình ra xem đi !"

Nghe vậy, Nam không nén nổi tò mò. Nhưng cổng trường khoá, trốn ra sao được. Minh bảo :

- Tớ biết có một chỗ tường thủng.

2. Hết giờ ra chơi, hai em đã ở bên bức tường. Minh chui đầu ra. Nam đẩy Minh lọt ra ngoài. Đến lượt Nam đang cố lách ra thì bác bảo vệ vừa tới, nắm chặt hai chân em : "Cậu nào đây ? Trốn học hả ?" Nam vùng vẫy. Bác càng nắm chặt cổ chân Nam. Sợ quá, Nam khóc toáng lên.

3. Bỗng có tiếng cô giáo :

- Bác nhẹ tay kéo cháu đau. Cháu này là học sinh lớp tôi.

Cô nhẹ nhàng kéo Nam lùi lại rồi đỡ em ngồi dậy. Cô phủi đất cát lấm lem trên người Nam và đưa em về lớp.

4. Vừa đau vừa xấu hổ, Nam bật khóc. Cô xoa đầu Nam và gọi Minh đang thập thò ở cửa lớp vào, nghiêm giọng hỏi :

- Từ nay các em có trốn học đi chơi nữa không ?



2. Dựng lại câu chuyện theo vai : người dẫn chuyện, Minh, Nam, bác bảo vệ, cô giáo.

Chính tả



1. Tập chép : Người mẹ hiền (từ Vừa đau vừa xấu hổ... đến Chúng em xin lỗi cô.)

❓ Trong bài chính tả có những dấu câu nào ?

2. Điền vào chỗ trống *ao* hay *au* ?

- a) Một con ngựa đ..., cả tàu bỏ cõ.
- b) Trèo c... ngã đ...

(3). Điền vào chỗ trống :

a) *r*, *d* hay *gi* ?

- con ...ao, tiếng ...ao hàng, ...ao bài tập về nhà
- dè ...ặt, ...ặt giữ quần áo, chỉ có ...ặt một loài cá

b) *uôn* hay *uông* ?

- M... biết phải hỏi, m... giỏi phải học.
- Không phải bò
- Không phải trâu
- ... nước ao sâu
- Lên cây r... cặn.

Câu đố



Bàn tay dịu dàng

Bà của An mới mất nên An xin nghỉ học mấy ngày liền. Sau đám tang bà, An trở lại lớp, lòng nặng trĩu nỗi buồn. Thế là chẳng bao giờ An còn được nghe bà kể chuyện cổ tích, chẳng bao giờ An còn được bà âu yếm, vuốt ve...

Nhớ bà, An ngồi lặng lẽ. Thầy giáo bước vào lớp. Thấy bắt đầu kiểm tra bài làm ở nhà của học sinh.

Khi thấy đến gần, An thì thào buồn bã :

- Thưa thầy, hôm nay em chưa làm bài tập.

Thầy nhẹ nhàng xoa đầu An. Bàn tay thầy dịu dàng, đầy trìu mến, thương yêu. An nói tiếp :

- Nhưng sáng mai em sẽ làm ạ !

- Tốt lắm ! Thầy biết em nhất định sẽ làm ! - Thầy khẽ nói với An.

Phỏng theo XU-KHÔM-LIN-XKI
(Mạnh Hướng dịch)



(:

- **Âu yếm** : biểu lộ tình thương yêu bằng cử chỉ, lời nói.
- **Thì thào** : nói rất nhỏ với người khác.
- **Trìu mến** : biểu lộ sự quý mến bằng cử chỉ, lời nói.

(?

1. Tìm những từ ngữ cho thấy An rất buồn khi bà mới mất.
2. Vì sao thầy giáo không trách An khi biết bạn ấy chưa làm bài tập ?
3. Tìm những từ ngữ thể hiện tình cảm của thầy giáo đối với An.



1. Tìm các từ chỉ hoạt động, trạng thái của loài vật và sự vật trong những câu sau :

- a) Con trâu ăn cỏ.
- b) Đàn bò uống nước dưới sông.
- c) Mặt trời toả ánh nắng rực rỡ.

2. Chọn từ trong ngoặc đơn thích hợp với mỗi chỗ trống :
(giơ, đuổi, chạy, nhẹ, luồn)

Con mèo, con mèo
... theo con chuột
... vuốt, ... nanh
Con chuột ... quanh
Luồn hang ... hốc.

Đồng dao

3. Có thể đặt dấu phẩy vào những chỗ nào trong mỗi câu sau ?

- a) Lớp em học tập tốt lao động tốt.
- b) Cô giáo chúng em rất yêu thương quý mến học sinh.
- c) Chúng em luôn kính trọng biết ơn các thầy giáo cô giáo.



1. Viết chữ hoa :



2. Viết ứng dụng :

Góp sức chung tay.



Truyện vui

Đổi giày

Có cậu học trò nọ vội đến trường nên xỏ nhầm giày, một chiếc cao, một chiếc thấp. Bước tập tễnh trên đường, cậu lẩm bẩm :

- Quái lạ, sao hôm nay chân mình một bên dài, một bên ngắn ? Hay là tại đường khắp khênh ?

Vừa tới sân trường, cậu gặp ngay thầy giáo. Thấy cậu bé đi chân thấp chân cao, thầy bảo :

- Em đi nhầm giày rồi. Về đổi giày đi cho dễ chịu !

Cậu bé chạy vội về nhà. Cậu lôi từ gầm giường ra hai chiếc giày, ngắm đi ngắm lại, rồi lắc đầu nói :

- Đôi này vẫn chiếc thấp, chiếc cao.



Theo **TRUYỆN CƯỜI VIỆT NAM**

- Ⓜ - **Tập tễnh** : đi bước thấp bước cao.
 - **Lẩm bẩm** : nói nhỏ chỉ đủ để mình nghe.
 - **Khắp khênh** : không bằng phẳng, chỗ cao chỗ thấp.

- ❓
1. Vì xỏ nhầm giày, bước đi của cậu bé như thế nào ?
 2. Khi thấy đi lại khó khăn, cậu bé nghĩ gì ?
 3. Cậu bé thấy hai chiếc giày ở nhà thế nào ?
 4. Em sẽ nói thế nào để giúp cậu bé chọn được hai chiếc giày cùng đôi ?



1. Nghe - viết : Bàn tay dịu dàng (từ Thấy giáo bước vào lớp... đến thương yêu.)

- ⑦ - Tìm những chữ cần phải viết hoa trong bài chính tả.
- Khi xuống dòng, chữ đầu câu viết thế nào ?

2. Tìm 3 từ có tiếng mang vần ao, 3 từ có tiếng mang vần au.

(3). a) Đặt câu để phân biệt các tiếng sau :

- da, ra, gia
- dao, rao, giao

M : - Em không nghịch *dao*.
- Người bán hàng vừa đi vừa *rao*.
- Cô giáo *giao* bài tập cho chúng em làm.

b) Tìm tiếng có vần uôn hay uông thích hợp với mỗi chỗ trống :

- Đồng ... quê em ... xanh tốt.
- Nước từ trên nguồn đổ ..., chảy ... cuộn.



1. Tập nói những câu mời, nhờ, yêu cầu, đề nghị đối với bạn :

- a) Bạn đến thăm nhà em. Em mở cửa và mời bạn vào chơi.
- b) Em thích một bài hát mà bạn đã thuộc. Em nhờ bạn chép lại cho mình.
- c) Bạn ngồi bên cạnh nói chuyện trong giờ học. Em yêu cầu (đề nghị) bạn giữ trật tự để nghe cô giáo giảng bài.

2. Trả lời câu hỏi :

- a) Cô giáo (hoặc thầy giáo) lớp 1 của em tên là gì ?
- b) Tình cảm của cô (hoặc thầy) đối với học sinh như thế nào ?
- c) Em nhớ nhất điều gì ở cô (hoặc thầy) ?
- d) Tình cảm của em đối với cô giáo (hoặc thầy giáo) như thế nào ?

3. Dựa vào các câu trả lời ở bài tập 2, em hãy viết một đoạn khoảng 4, 5 câu nói về cô giáo (hoặc thầy giáo) cũ của em.

Ôn tập giữa học kì I

TIẾT 1

1. Ôn luyện tập đọc và học thuộc lòng.
2. Đọc thuộc lòng bảng chữ cái.
3. Xếp các từ trong ngoặc đơn vào bảng :

(bạn bè, bàn, thỏ, chuối, xoài, mèo, xe đạp, Hùng)

Chỉ người	Chỉ đồ vật	Chỉ con vật	Chỉ cây cối

4. Tìm thêm các từ khác xếp vào bảng trên.

TIẾT 2

1. Ôn luyện tập đọc và học thuộc lòng.
2. Đặt 2 câu theo mẫu :

Ai (cái gì, con gì)	là gì ?
M : Bạn Lan	là học sinh giỏi.

3. Ghi lại tên riêng của các nhân vật trong những bài tập đọc đã học ở tuần 7 và tuần 8 theo đúng thứ tự bảng chữ cái.

TIẾT 3

1. Ôn luyện tập đọc và học thuộc lòng.
2. Tìm những từ ngữ chỉ hoạt động của mỗi vật, mỗi người trong bài *Làm việc thật là vui* (trang 16).
3. Dựa theo cách viết trong bài văn trên, hãy đặt một câu nói về :
 - a) Một con vật.
 - b) Một đồ vật.
 - c) Một loài cây hoặc một loài hoa.

TIẾT 4

1. Ôn luyện tập đọc và học thuộc lòng.
2. Nghe - viết :

Cân voi

Một lần, sứ thần Trung Hoa thử tài Lương Thế Vinh, nhờ ông cân hộ con voi. Lương Thế Vinh sai lính dắt voi xuống thuyền, đánh dấu mức chìm của thuyền. Sau đó, ông cho voi lên bờ và xếp đá vào thuyền. Khi thuyền chìm đến mức đã đánh dấu, ông sai cân chỗ đá ấy và biết voi nặng bao nhiêu.

- ⊙ - **Sứ thần** : người thay mặt cho vua một nước đi giao thiệp với nước ngoài.
- **Trung Hoa** : Trung Quốc.
- **Lương Thế Vinh** : một vị Trạng nguyên rất giỏi toán ở nước ta thời xưa.

TIẾT 5

1. Ôn luyện tập đọc và học thuộc lòng.

2. Dựa theo tranh, trả lời câu hỏi.



Hàng ngày, ai đưa Tuấn đi học ?



Vì sao hôm nay mẹ không đưa Tuấn đi học được ?



Tuấn làm gì để giúp mẹ ?



Tuấn đến trường bằng cách nào ?

TIẾT 6

1. Ôn luyện tập đọc và học thuộc lòng.
2. Em sẽ nói gì trong những trường hợp nêu dưới đây ?
 - a) Bạn hướng dẫn em gấp chiếc thuyền giấy.
 - b) Em làm rơi chiếc bút của bạn.
 - c) Em mượn sách của bạn và trả không đúng hạn.
 - d) Khách đến chơi nhà biết em học tập tốt, chúc mừng em.
3. Em chọn dấu chấm hay dấu phẩy để điền vào mỗi ô trống dưới đây ?

Nằm mơ

- Mẹ ơi, đêm qua con nằm mơ. Con chỉ nhớ là con bị mất một vật gì đó. Nhưng con chưa kịp tìm thấy thì mẹ đã gọi con dậy rồi.
- Thế về sau mẹ có tìm thấy vật đó không ?
- Ô hay, con nằm mơ thì làm sao mẹ biết được !
- Nhưng lúc mơ con thấy mẹ cũng ở đấy, mẹ đang tìm hộ con cơ mà.

TIẾT 7

1. Ôn luyện tập đọc và học thuộc lòng.
2. Dựa theo mục lục ở cuối sách, hãy nói tên các bài em đã học trong tuần 8.
3. Ghi lại lời mời, nhờ, đề nghị của em trong những trường hợp dưới đây :
 - a) Em nhờ mẹ mua giúp em một tấm thiệp chúc mừng cô giáo (thầy giáo) nhân Ngày Nhà giáo Việt Nam 20 - 11.
 - b) Em phụ trách phần văn nghệ trong buổi liên hoan của lớp mừng Ngày Nhà giáo Việt Nam. Em mời các bạn hát (hoặc múa, chơi đàn, kể chuyện...).
 - c) Trong giờ học, cô giáo (hay thầy giáo) đặt câu hỏi, nhưng em chưa nghe rõ hoặc chưa hiểu rõ. Em đề nghị cô (thầy) nêu lại câu hỏi đó.

1. Ôn luyện tập đọc và học thuộc lòng.

2. Trò chơi ô chữ :

a) Có thể điền từ nào vào các ô trống theo hàng ngang?

- Dòng 1 : Viên màu trắng (hoặc đỏ, vàng, xanh), dùng để viết chữ lên bảng (có 4 chữ cái, bắt đầu bằng chữ P).
- Dòng 2 : Tập giấy ghi ngày, tháng trong năm (có 4 chữ cái, bắt đầu bằng chữ L).
- Dòng 3 : Đồ mặc có hai ống (có 4 chữ cái, bắt đầu bằng chữ Q).
- Dòng 4 : Nhỏ xíu, giống tên thành phố của bạn Mít trong một bài tập đọc em đã học (có 5 chữ cái, bắt đầu bằng chữ T).
- Dòng 5 : Vật dùng để ghi lại chữ viết trên giấy (có 3 chữ cái, bắt đầu bằng chữ B).
- Dòng 6 : Thứ ngắt từ trên cây, thường dùng để tặng nhau hoặc trang trí (có 3 chữ cái, bắt đầu bằng chữ H).
- Dòng 7 : Tên ngày trong tuần, sau ngày thứ ba (có hai chữ cái, bắt đầu bằng chữ T).
- Dòng 8 : Nơi thợ làm việc (có 5 chữ cái, bắt đầu bằng chữ X).
- Dòng 9 : Trái nghĩa với *trắng* (có 3 chữ cái, bắt đầu bằng chữ Đ).
- Dòng 10 : Đồ vật dùng để ngồi (có 3 chữ cái, bắt đầu bằng chữ G).

Dòng 1

Dòng 2

Dòng 3

Dòng 4

Dòng 5

Dòng 6

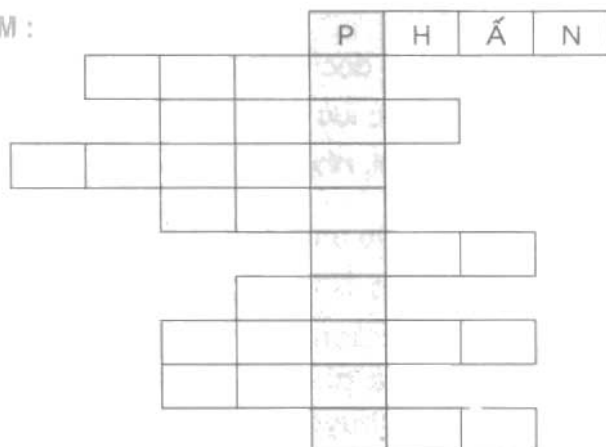
Dòng 7

Dòng 8

Dòng 9

Dòng 10

M :



b) Đọc từ mới xuất hiện ở cột dọc.

Bài luyện tập

A. Đọc thầm mẫu chuyện sau :

Đôi bạn

Búp Bê làm việc suốt ngày, hết quét nhà lại rửa bát, nấu cơm. Lúc ngồi nghỉ, Búp Bê bỗng nghe có tiếng hát rất hay. Nó bèn hỏi :

- Ai hát đấy ?

Có tiếng trả lời :

- Tôi hát đây. Tôi là Đế Mèn. Thấy bạn vất vả, tôi hát để tặng bạn đấy.

Búp Bê nói :

- Cảm ơn bạn. Tiếng hát của bạn làm tôi hết mệt.

Theo **NGUYỄN KIÊN**

B. Dựa theo nội dung bài đọc, chọn ý đúng trong các câu trả lời dưới đây :

1. Búp Bê làm những việc gì ?
 - a) Quét nhà và ca hát.
 - b) Quét nhà, rửa bát và nấu cơm.
 - c) Rửa bát và học bài.
2. Đế Mèn hát để làm gì ?
 - a) Hát để luyện giọng.
 - b) Thấy bạn vất vả, hát để tặng bạn.
 - c) Muốn cho bạn biết mình hát rất hay.
3. Khi nghe Đế Mèn nói, Búp Bê đã làm gì ?
 - a) Cảm ơn Đế Mèn.
 - b) Xin lỗi Đế Mèn.
 - c) Cảm ơn và khen ngợi tiếng hát của Đế Mèn.

4. Vì sao Búp Bê cảm ơn Đế Mèn ?
- a) Vì Đế Mèn đã hát tặng Búp Bê.
 - b) Vì tiếng hát của Đế Mèn giúp Búp Bê hết mệt.
 - c) Vì cả hai lí do trên.
5. Câu nào dưới đây được cấu tạo theo mẫu *Ai là gì ?*
- a) Tôi là Đế Mèn.
 - b) Ai hát đây ?
 - c) Tôi hát đây.

TIẾT 10

Bài luyện tập

A. Nghe - viết :

Dậy sớm

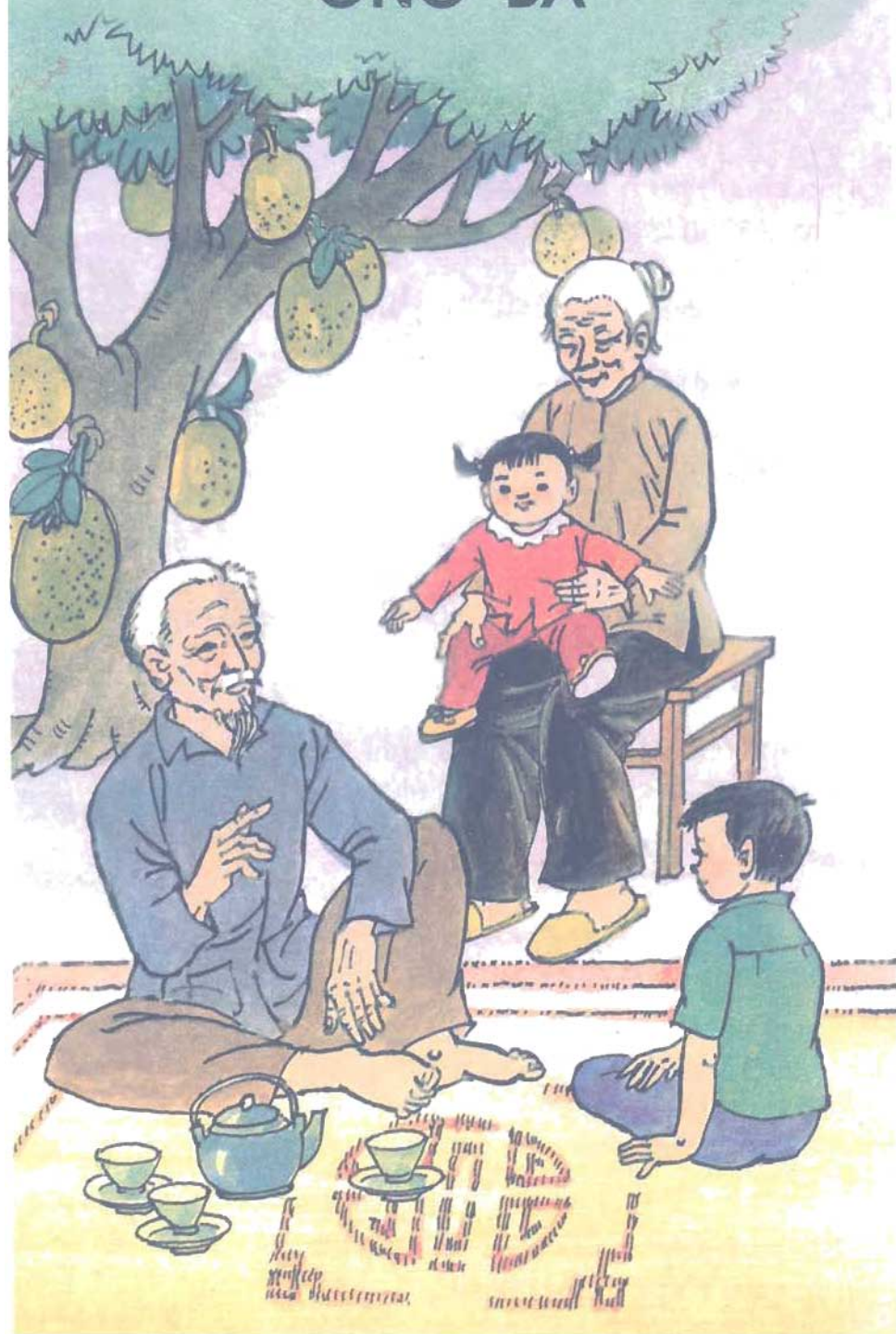
Tỉnh mơ em thức dậy
Rửa mặt rồi đến trường
Em bước vội trên đường
Núi giảng hàng trước mặt.

Sương trắng viễn quanh núi
Như một chiếc khăn bông
- Ô, núi ngủ lười không !
Giờ mới đang rửa mặt.

THANH HÀO

B. Viết một đoạn văn ngắn (từ 3 đến 5 câu) nói về em và trường em.

ÔNG BÀ





Sáng kiến của bé Hà

1. Ở lớp cũng như ở nhà, bé Hà được coi là một cây sáng kiến.

Một hôm, Hà hỏi bố :

- Bố ơi, sao không có ngày của ông bà, bố nhỉ ?

Thấy bố ngạc nhiên, Hà bèn giải thích :

- Con đã có ngày 1 tháng 6. Bố là công nhân, có ngày 1 tháng 5. Mẹ có ngày 8 tháng 3. Còn ông bà thì chưa có ngày lễ nào cả.

Hai bố con bàn nhau lấy ngày lập đông hàng năm làm "ngày ông bà", vì khi trời bắt đầu rét, mọi người cần chăm lo sức khỏe cho các cụ già.

2. Ngày lập đông đến gần. Hà suy nghĩ mãi mà chưa biết nên chuẩn bị quà gì biếu ông bà.

Bố khẽ nói vào tai Hà điều gì đó. Hà ngả đầu vào vai bố :

- Con sẽ cố gắng, bố ạ.

3. Đến ngày lập đông, các cô, các chú đều về chúc thọ ông bà. Ông bà cảm động lắm. Bà bảo :

- Con cháu đông vui, hiếu thảo thế này, ông bà sẽ sống trăm tuổi.

Ông thì ôm lấy bé Hà, nói :

- Món quà ông thích nhất hôm nay là chòm điểm mười của cháu đấy.



Theo HỒ PHƯƠNG



- **Cây sáng kiến** : người có nhiều sáng kiến.

- **Lập đông** : bắt đầu mùa đông.

- **Chúc thọ** : chúc mừng người già sống lâu.



1. Bé Hà có sáng kiến gì ?
2. Hai bố con Hà chọn ngày nào làm "ngày ông bà" ? Vì sao ?
3. Bé Hà còn băn khoăn chuyện gì ?
4. Hà đã tặng ông bà món quà gì ?
5. Bé Hà trong câu chuyện là một cô bé như thế nào ?

Kể chuyện



1. Dựa vào các ý sau, kể lại từng đoạn câu chuyện *Sáng kiến của bé Hà* :

- a) Chọn ngày lễ.
- b) Bí mật của hai bố con.
- c) Niềm vui của ông bà.

2. Kể lại toàn bộ câu chuyện.

Chỉnh tả



1. Tập chép :

Ngày lễ

Ngày 8 tháng 3 hằng năm là Ngày Quốc tế Phụ nữ. Ngày 1 tháng 5 là Ngày Quốc tế Lao động. Ngày 1 tháng 6 là Ngày Quốc tế Thiếu nhi. Còn ngày 1 tháng 10 được lấy làm Ngày Quốc tế Người cao tuổi.

② Những chữ nào trong tên các ngày lễ nói trên được viết hoa ?

2. Điền vào chỗ trống *c* hay *k* ?

con ...á, con ...iến, cây ...ầu, dòng ...ên

(3). Điền vào chỗ trống :

a) *l* hay *n* ?

...o sợ, ăn ...o, hoa ...an, thuyền ...an

b) *ngi* hay *ngi* ?

... học, lo ..., ... ngơi, ngắm ...



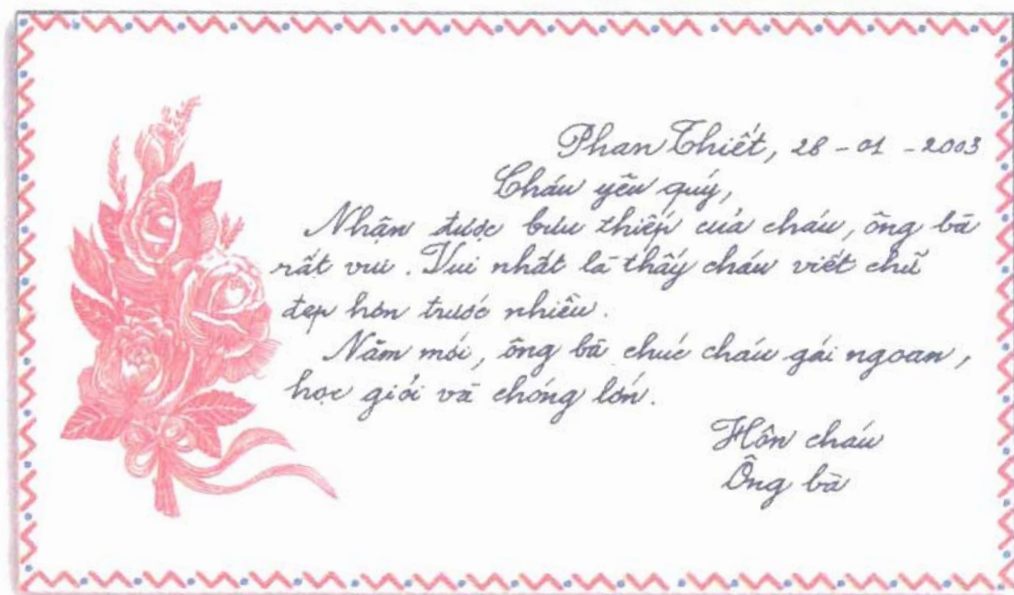
Bưu thiếp



Chúc mừng năm mới

Nhân dịp năm mới,
cháu kính chúc ông bà mạnh khỏe
và nhiều niềm vui.

Cháu của ông bà
Hoàng Ngân



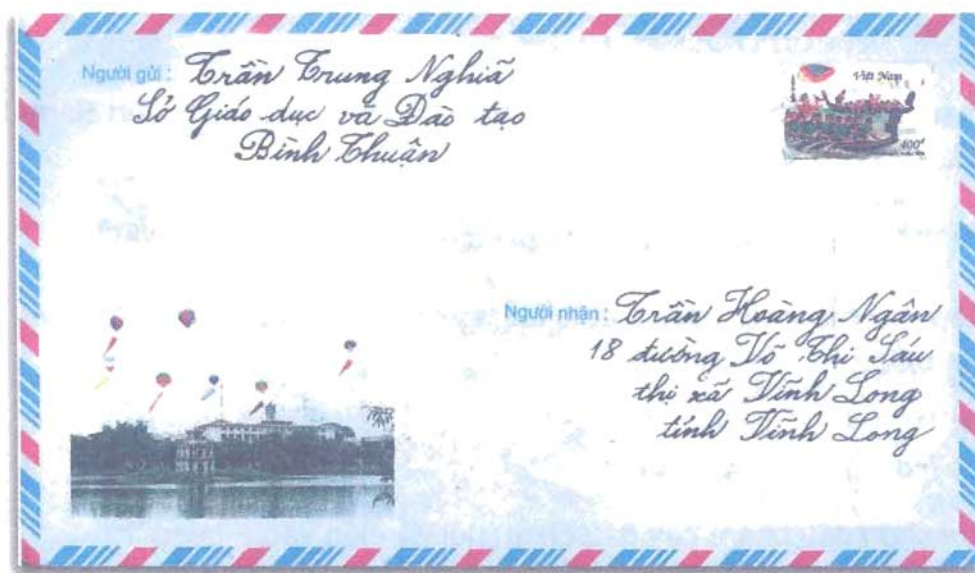
Phan Chiết, 28-01-2003

Cháu yêu quý,

Nhận được bưu thiếp của cháu, ông bà
rất vui. Thui nhất là thấy cháu viết chữ
đẹp hơn trước nhiều.

Năm mới, ông bà chúc cháu gái ngoan,
học giỏi và chóng lớn.

Thân cháu
Ông bà



- ⓘ **Bưu thiếp**: tấm giấy cứng, khổ nhỏ dùng để viết thư ngắn báo tin, chúc mừng, thăm hỏi, gửi qua đường bưu điện.
- ❓
1. Bưu thiếp đầu là của ai gửi cho ai ? Gửi để làm gì ?
 2. Bưu thiếp thứ hai là của ai gửi cho ai ? Gửi để làm gì ?
 3. Bưu thiếp dùng để làm gì ?
 4. Hãy viết một bưu thiếp chúc thọ hoặc mừng sinh nhật ông (hoặc bà). Nhớ ghi địa chỉ của ông bà ngoài phong bì.





1. Tìm những từ chỉ người trong gia đình, họ hàng ở câu chuyện *Sáng kiến của bé Hà*.

2. Kể thêm các từ chỉ người trong gia đình, họ hàng mà em biết.

3. Xếp vào mỗi nhóm sau một từ chỉ người trong gia đình, họ hàng mà em biết :

a) Họ nội

b) Họ ngoại

4. Em chọn dấu chấm hay dấu chấm hỏi để điền vào ô trống ?

Nam nhờ chị viết thư thăm ông bà vì em vừa mới vào lớp 1, chưa biết viết ☐ Viết xong thư, chị hỏi :

- Em còn muốn nói thêm gì nữa không ☐

Cậu bé đáp :

- Dạ có ☐ Chị viết hộ em vào cuối thư : "Xin lỗi ông bà vì chữ cháu xấu và nhiều lỗi chính tả."



1. Viết chữ hoa :



2. Viết ứng dụng :

Hai sương một nắng.



Thương ông (Trích)

Ông bị đau chân
Nó sung nó tấy
Đi phải chống gậy.
Việt chơi ngoài sân
Lon ton lại gần :
- Ông vịn vai cháu
Cháu đỡ ông lên.

Ông bước lên thêm :
- Hoan hô thằng bé !
Bé thế mà khoẻ
Vì nó thương ông.

Đôi mắt sáng trong
Việt ta thủ thủ :
- Khi nào ông đau
Ông nói mấy câu
"Không đau ! Không đau !"
Dù đau đến đâu
Khỏi ngay lập tức.

Ông phải phì cười :
- Ừ, ông theo lời
Thử xem có nghiệm :
"Không đau ! Không đau !"
Và ông gật đầu :
- Khỏi rồi ! Tài nhỉ !
Việt ta thích chí :
- Cháu đã bảo mà... !
Và móc túi ra :
- Biểu ông cái kẹo !



- **Thủ thi** : nói nhỏ nhẹ, tình cảm.
- **Thử xem có nghiệm** : thử xem có đúng không.
- **Thích chí** : rất vui vẻ, bằng lòng.



1. Chân ông đau như thế nào ?
2. Bé Việt đã làm những gì để giúp và an ủi ông :
 - a) Trong khổ thơ 1 ?
 - b) Trong khổ thơ 3 ?
 - c) Trong khổ thơ 4 ?
3. Tìm những câu thơ cho thấy nhờ bé Việt, ông quên cả đau (khổ thơ 3 và 4).
4. Học thuộc lòng một khổ thơ mà em thích.

Chinh tả



1. Nghe - viết :

Ông và cháu

Ông vật thi với cháu
 Keo nào ông cũng thua
 Cháu vỗ tay hoan hô :
 "Ông thua cháu, ông nhỉ !"

Bế cháu, ông thủ thi :
 "Cháu khỏe hơn ông nhiều !
 Ông là buổi trời chiều
 Cháu là ngày rạng sáng."

PHẠM CỤC



Tìm các dấu hai chấm và ngoặc kép trong bài.

2. Tìm 3 chữ bắt đầu bằng *c*, 3 chữ bắt đầu bằng *k*.

M : cò, kẹo

(3). a) Điền vào chỗ trống *l* hay *n* ?

Lên ...on mới biết ...on cao
...uôi con mới biết công ...ao mẹ thấy.

Tục ngữ

b) Ghi trên những chữ in đậm *dấu hỏi* hay *dấu ngã* ?

dạy ***bao*** - con ***bao***

lặng ***le*** - số ***le***

mạnh ***me*** - sút ***me***

áo ***vai*** - vương ***vai***

Tập làm văn



1. Kể về ông, bà (hoặc một người thân) của em.

Gợi ý :

a) Ông, bà (hoặc người thân) của em bao nhiêu tuổi ?

b) Ông, bà (hoặc người thân) của em làm nghề gì ?

c) Ông, bà (hoặc người thân) của em yêu quý, chăm sóc em như thế nào ?



2. Dựa theo lời kể ở bài tập 1, hãy viết một đoạn văn ngắn (từ 3 đến 5 câu) kể về ông, bà hoặc một người thân của em.



Bà cháu

1. Ngày xưa, ở làng kia, có hai em bé ở với bà. Bà cháu rau cháo nuôi nhau, tuy vất vả nhưng cảnh nhà lúc nào cũng đầm ấm.

Một hôm, có cô tiên đi qua cho một hạt đào và dặn : "Khi bà mất, gieo hạt đào này bên mộ, các cháu sẽ giàu sang, sung sướng."

2. Bà mất. Hai anh em đem hạt đào gieo bên mộ bà. Hạt đào vừa gieo xuống đã nảy mầm, ra lá, đơm hoa, kết bao nhiêu là trái vàng, trái bạc.

3. Nhưng vàng bạc, châu báu không thay được tình thương ấm áp của bà. Nhớ bà, hai anh em ngày càng buồn bã.

4. Cô tiên lại hiện lên. Hai anh em oà khóc xin cô hoá phép cho bà sống lại. Cô tiên nói : "Nếu bà sống lại thì ba bà cháu sẽ cực khổ như xưa, các cháu có chịu không ?" Hai anh em cùng nói : "Chúng cháu chỉ cần bà sống lại."

Cô tiên phất chiếc quạt màu nhiệm. Lâu đài, ruộng vườn phút chốc biến mất. Bà hiện ra, móm mém, hiền từ, dang tay ôm hai đứa cháu hiếu thảo vào lòng.

Theo **TRẦN HOÀI DƯƠNG**



- **Đám ầm** : (cảnh mọi người trong nhà) gần gũi, thương yêu nhau.
- **Màu nhiệm** : có phép lạ tài tình.



1. Trước khi gặp cô tiên, ba bà cháu sống như thế nào ?
2. Cô tiên cho hạt đào và nói gì ?
3. Sau khi bà mất, hai anh em sống ra sao ?
4. Vì sao hai anh em đã trở nên giàu có mà không thấy vui sướng ?
5. Câu chuyện kết thúc như thế nào ?

Kể chuyện



1. Dựa vào tranh, kể lại từng đoạn câu chuyện *Bà cháu* :



2. Kể lại toàn bộ câu chuyện.



1. Tập chép : Bà cháu (từ Hai anh em cùng nói... đến ôm hai đứa cháu hiếu thảo vào lòng.)

- ⑦ - Tìm lời nói của hai anh em trong bài chính tả.
- Lời nói ấy được viết với dấu câu nào ?

2. Tìm những tiếng có nghĩa để điền vào các ô trống trong bảng dưới đây :

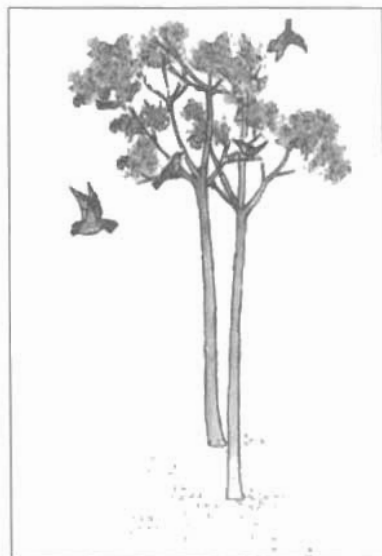
	i	ê	e	ư	ơ	ơ	u	ô	o
g									gò
gh			ghé						

3. Rút ra nhận xét từ bài tập trên :

- a) Trước những chữ cái nào, em chỉ viết **gh** mà không viết **g** ?
b) Trước những chữ cái nào, em chỉ viết **g** mà không viết **gh** ?

(4). Điền vào chỗ trống :

- a) **s** hay **x** ?
nước ...ôi, ăn ...ôi, cây ...oan, ...iêng năng
b) **ươn** hay **ương** ?
v... vai, v... vãi, bay l..., số l.,





Cây xoài của ông em

Ông em trồng cây xoài cát này trước sân khi em còn đi lẫm chẫm. Cuối đông, hoa nở trắng cành. Đầu hè, quả sai lúc lỉu. Trông từng chùm quả to, đu đưa theo gió, em càng nhớ ông. Mùa xoài nào, mẹ em cũng chọn những quả chín vàng và to nhất bày lên bàn thờ ông.

Xoài thanh ca, xoài tượng... đều ngon. Nhưng em thích xoài cát nhất. Mùi xoài thơm dịu dàng, vị ngọt đậm đà, màu sắc đẹp, quả lại to.

Ăn quả xoài cát chín trĩu từ cây của ông em trồng, kèm với xôi nếp hương, thì đối với em không thứ quà gì ngon bằng.

Theo **ĐOÀN GIỚI**



- **Lầm chẫm** : dậm trễ bước đi chưa vững.
- **Đu đưa** : đưa qua đưa lại nhẹ nhàng.
- **Đậm đà** : có vị ngọt đậm.
- **Trây (trảy)** : hái.



1. Tìm những hình ảnh đẹp của cây xoài cát.
2. Quả xoài cát chín có mùi, vị, màu sắc như thế nào ?
3. Tại sao mẹ lại chọn những quả xoài ngon nhất bày lên bàn thờ ông ?
4. Tại sao bạn nhỏ cho rằng quả xoài cát nhà mình là thứ quà ngon nhất ?

Luyện từ và câu



1. Tìm các đồ vật được vẽ ẩn trong bức tranh sau và cho biết mỗi vật dùng để làm gì.



2. Tìm các từ ngữ chỉ những việc mà bạn nhỏ trong bài thơ dưới đây muốn làm giúp ông và nhờ ông làm giúp :

Thỏ thẻ

Hôm nào ông có khách
Để cháu đun nước cho
Nhưng cái siêu nó to
Cháu nhờ ông xách nhé !
Cháu ra sân rút rạ
Ông phải ôm vào cơ
Ngọn lửa nó bùng to
Cháu nhờ ông dập bớt
Khói nó chui ra bếp
Ông thổi hết khói đi
Ông cười xoa : "Thế thì
Lấy ai ngồi tiếp khách ? "

HOÀNG TÁ

- ***Thỏ thẻ*** : (nói) nhỏ, nhẹ nhàng, dễ thương.
- ***Siêu*** : ấm đun nước.
- ***Rạ*** : phần còn lại của thân cây lúa sau khi gặt, thường dùng để lợp nhà hoặc đun nấu.

Tập viết

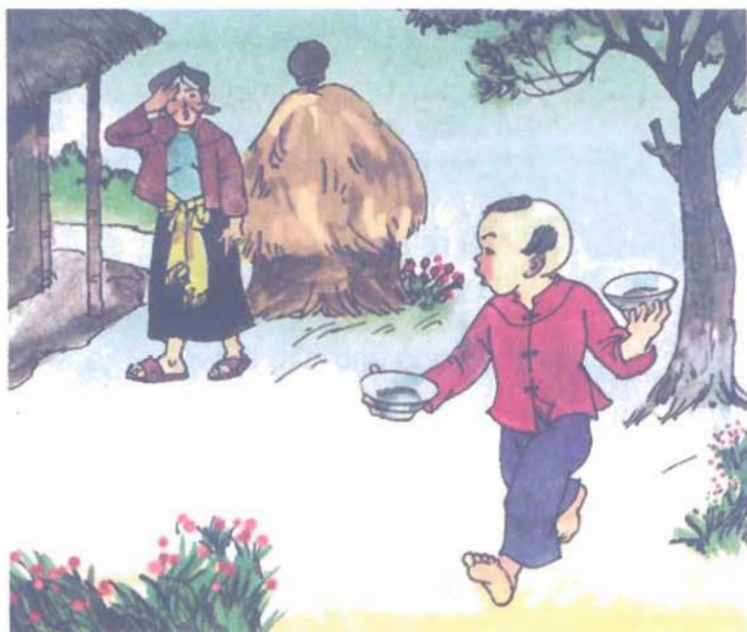


1. Viết chữ hoa :



2. Viết ứng dụng :

Ích nước lợi nhà.



Truyện vui

Đi chợ

Có một cậu bé được bà sai đi chợ. Bà đưa cho cậu hai đồng và hai cái bát, dặn :

- Cháu mua một đồng tương, một đồng mắm nhé !

Cậu bé vâng dạ, đi ngay. Gần tới chợ, cậu bỗng hốt hải chạy về, hỏi bà :

- Bà ơi, bát nào đựng tương, bát nào đựng mắm ?

Bà phì cười :

- Bát nào đựng tương, bát nào đựng mắm mà chẳng được.

Cậu bé lại ra đi. Đến chợ, cậu lại ba chân bốn cẳng chạy về, hỏi :

- Nhưng đồng nào mua mắm, đồng nào mua tương ạ ?

Theo **TRUYỆN CƯỜI DÂN GIÀN VIỆT NAM**

- **Hót hải** : vội vã, có vẻ lo sợ.
- **Ba chân bốn cẳng** : chạy rất vội, rất nhanh.

1. Cậu bé đi chợ mua gì ?
2. Vì sao gần tới chợ, cậu lại quay về nhà ?
3. Vì sao bà phì cười khi nghe cậu hỏi ?
4. Lần thứ hai, cậu quay về hỏi bà điều gì ?
5. Em hãy trả lời cậu bé thay cho bà.

Chính tả



1. Nghe - viết : *Cây xoài của ông em (từ Ông em trông... đến bày lên bàn thờ ông.)*

2. Điền vào chỗ trống g hay gh ?

- Lên thác xuống ...ềnh.
- Con ...à cục tác lá chanh.
- ...ạo trắng nước trong.
- ...i lòng tạc dạ.

(3). Điền vào chỗ trống :

a) **s** hay **x** ?

- Nhà ...ạch thì mát, bát ...ạch ngon cơm.
- Cây ...anh thì lá cũng ...anh
Cha mẹ hiền lành để đức cho con.

Tục ngữ

b) **ươn** hay **ương** ?

- Th... người như thể th... thân.
- Cá không ăn muối cá ...
Con cãi cha mẹ, trăm đ... con hư.

Tục ngữ



1. Ông em (hoặc bà em) bị mệt. Em hãy nói với ông (hoặc bà) 2, 3 câu để tỏ rõ sự quan tâm của mình.

2. Hãy nói lời an ủi của em với ông (bà) :

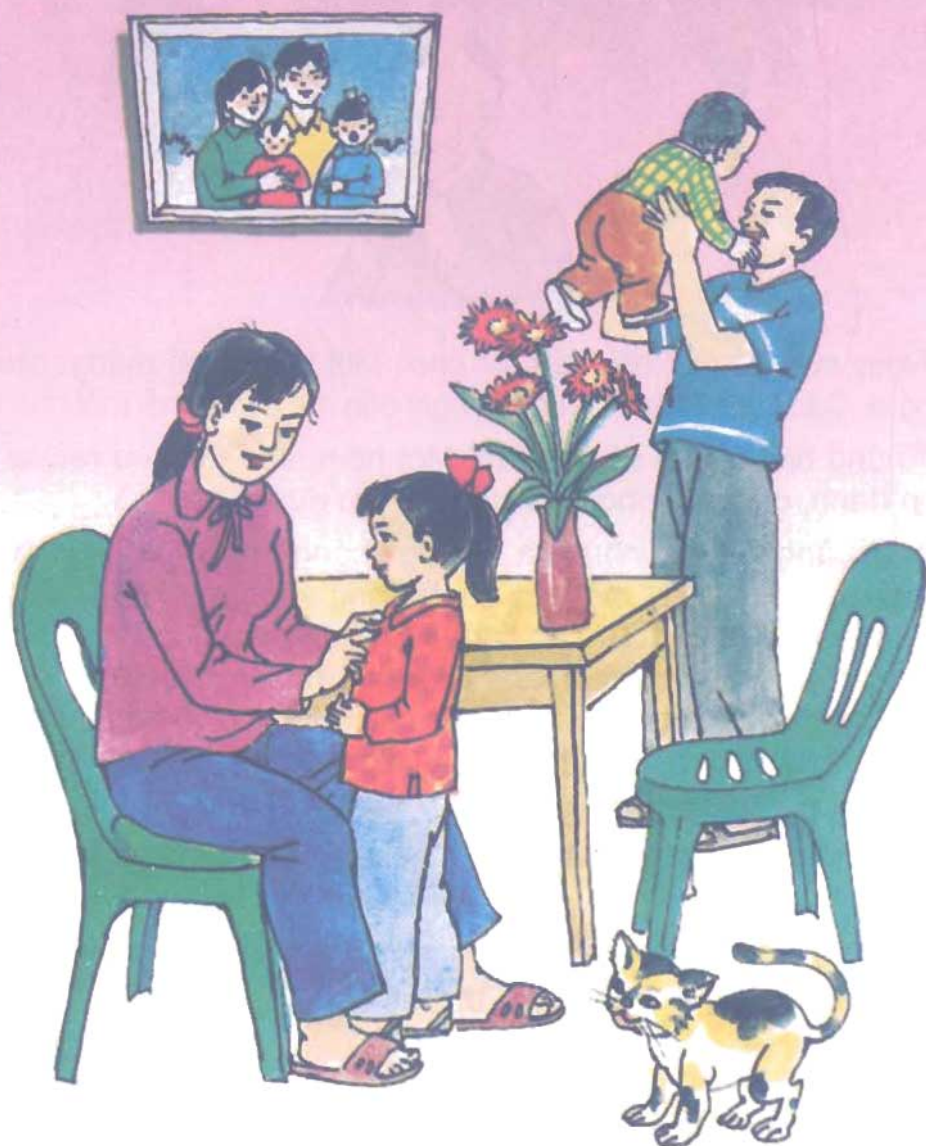
a) Khi cây hoa do ông (bà) trồng bị chết.

b) Khi kính đeo mắt của ông (bà) bị vỡ.



3. Bố mẹ em về quê thăm ông bà. Em hãy viết một bức thư ngắn (giống như viết bưu thiếp) thăm hỏi ông bà.

CHA MẸ





Sự tích cây vú sữa



1. Ngày xưa, có một cậu bé ham chơi. Một lần, bị mẹ mắng, cậu vùng vằng bỏ đi. Cậu la cà khắp nơi, chẳng nghĩ đến mẹ ở nhà mỗi mắt chờ mong.

2. Không biết cậu đi đã bao lâu. Một hôm, vừa đói vừa rét, lại bị trẻ lớn hơn đánh, cậu mới nhớ đến mẹ, liền tìm đường về nhà.

Ở nhà, cảnh vật vẫn như xưa, nhưng không thấy mẹ đâu. Cậu khản tiếng gọi mẹ, rồi ôm lấy một cây xanh trong vườn mà khóc. Kì lạ thay, cây xanh bỗng run rẩy. Từ các cành lá, những đài hoa bé tí trổ ra, nở trắng như mây. Hoa tàn, quả xuất hiện, lớn nhanh, da căng mịn, xanh óng ánh, rồi chín. Một quả rơi vào lòng cậu. Mối cậu vừa chạm vào, một dòng sữa trắng trào ra, ngọt thơm như sữa mẹ.

Cậu nhìn lên tán lá. Lá một mặt xanh bóng, mặt kia đỏ hoe như mắt mẹ khóc chờ con. Cậu bé oà khóc. Cây xoà cành ôm cậu, như tay mẹ âu yếm vỗ về.

3. Trái cây thơm ngon ở vườn nhà cậu bé, ai cũng thích. Họ đem hạt gieo trồng khắp nơi và gọi đó là cây vú sữa.

Theo **NGỌC CHÂU**



- **Vùng vằng** : tỏ ý giận dữ, cáu kỉnh.
- **La cà** : ghé qua chỗ này, dừng ở chỗ khác để chơi.



1. Vì sao cậu bé bỏ nhà ra đi ?
2. Trở về nhà không thấy mẹ, cậu bé đã làm gì ?
3. Thứ quả lạ xuất hiện trên cây như thế nào ?
4. Những nét nào ở cây gợi lên hình ảnh của mẹ ?
5. Theo em, nếu được gặp lại mẹ, cậu bé sẽ nói gì ?

Kể chuyện



1. Kể lại đoạn 1 câu chuyện *Sự tích cây vú sữa* bằng lời của em.

M : Ngày xưa, ở một nhà kia có hai mẹ con...

2. Kể lại phần chính của câu chuyện dựa theo từng ý tóm tắt :

- a) Cậu bé trở về nhà.
- b) Không thấy mẹ, cậu bé ôm lấy một cây xanh mà khóc.
- c) Từ trên cây, quả lạ xuất hiện và rơi vào lòng cậu.
- d) Cậu bé nhìn cây, ngỡ như được thấy mẹ.

3. Em mong muốn câu chuyện kết thúc như thế nào ? Hãy kể lại đoạn cuối câu chuyện theo ý đó.

Chính tả



1. Nghe - viết : *Sự tích cây vú sữa* (từ *Từ các cành lá...* đến *như sữa mẹ.*)

⑦ Những câu văn nào có dấu phẩy ? Em hãy đọc lại từng câu đó.

2. Điền vào chỗ trống *ng* hay *nh* ?

...ười cha, con ...é, suy ...ĩ, ...on miệng

(3). Điền vào chỗ trống :

- a) *tr* hay *ch* ?
con ...ai, cái ...ai, ...ồng cây, ...ồng bát
- b) *at* hay *ac* ?
bãi c... , c... con, lười nh... , nhút nh...



Điện thoại

Vừa sắp sách vở ra bàn, Tường bỗng nghe có tiếng chuông điện thoại. Tới hồi chuông thứ ba, em đã ở bên máy. Em nhấc ống nghe lên, áp một đầu vào tai :

- A lô ! Cháu là Tường, con mẹ Bình, nghe đây ạ.

Trong ống nghe vang lên một giọng cười quen thuộc :

- Chào con. Bố đây mà. Hai mẹ con có khoẻ không ?

Tường mừng quýnh lên :

- Con chào bố. Con khoẻ lắm. Mẹ... cũng... Bố thế nào ạ ? Bao giờ bố về ?

Mấy tuần nay, mẹ mệt. Nhưng Tường không muốn làm bố lo. Hình như bố nhận ra giọng ngập ngừng của em. Bố không cười nữa :

- Tuần sau bố về. Con học giỏi nhé !
- Con chào bố. Con chuyển máy cho mẹ nhé ?

Quay lại bàn học, Tường băng khuâng nghĩ đến ngày đón bố trở về.



- **Điện thoại** : máy truyền tiếng nói từ nơi này đến nơi khác.
- **Mừng quýnh** : mừng quá, cuống lên.
- **Ngập ngừng** : (nói) ngắt quãng vì ngại.
- **Băng khuâng** : (nghĩ) lan man, ngẩn người ra.



1. Nói lại những việc Tường làm khi nghe tiếng chuông điện thoại.
2. Cách nói trên điện thoại có điểm gì giống và điểm gì khác cách nói chuyện bình thường :
 - a) Cách chào hỏi, giới thiệu thế nào ?
 - b) Độ dài của lời nói ra sao ?
3. Tường có nghe bố mẹ nói chuyện trên điện thoại không ? Vì sao ?

Luyện từ và câu



1. Ghép các tiếng sau thành những từ có hai tiếng : *yêu, thương, quý, mến, kính.*

M : yêu mến, quý mến

2. Em chọn từ ngữ nào điền vào chỗ trống để tạo thành câu hoàn chỉnh ?

- a) Cháu ... ông bà.
- b) Con ... cha mẹ.
- c) Em ... anh chị.

3. Nhìn tranh, nói 2 - 3 câu về hoạt động của mẹ và con.



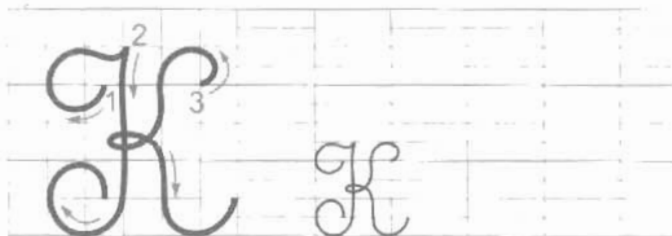
4. Có thể đặt dấu phẩy vào chỗ nào trong mỗi câu sau ?

- a) Chăn màn quần áo được xếp gọn gàng.
- b) Giường tủ bàn ghế được kê ngay ngắn.
- c) Giày dép mũ nón được để đúng chỗ.

Tập viết



1. Viết chữ hoa :



2. Viết ứng dụng :
Kể vai sát cánh.



Mẹ

Lặng rồi cả tiếng con ve
Con ve cũng mệt vì hè nắng oi.
Nhà em vẫn tiếng ạ ời
Kéo cà tiếng văng mẹ ngồi mẹ ru.
Lời ru có gió mùa thu
Bàn tay mẹ quạt mẹ đưa gió về.
Những ngôi sao thức ngoài kia
Chẳng bằng mẹ đã thức vì chúng con.
Đêm nay con ngủ giấc tròn
Mẹ là ngọn gió của con suốt đời.

TRẦN QUỐC MINH





- **Nắng oi** : nắng nóng, không có gió, rất khó chịu.
- **Giấc tròn** : giấc ngủ ngon lành, đầy đặn.



1. Hình ảnh nào cho biết đêm hè rất oi bức ?
2. Mẹ làm gì để con ngủ ngon giấc ?
3. Người mẹ được so sánh với những hình ảnh nào ?
4. Học thuộc lòng bài thơ.

Chinh tả



1. Tập chép : *Mẹ* (từ *Lời ru...* đến *suốt đời.*)



- Đọc và nhận xét về số chữ của các dòng thơ trong bài chính tả.
- Nêu cách viết những chữ đầu ở mỗi dòng thơ.

2. Điền vào chỗ trống *iê, ye hay ya* ?

Đêm đã khu... . Bốn bề ...n tĩnh. Ve đã lặng ...n vì mệt và gió cũng thôi trò chu...n cùng cây. Nhưng từ gian nhà nhỏ vẫn vẳng ra t...ng vọng kéo kệt, t...ng mẹ ru con.

(3). Tìm trong bài thơ *Mẹ* :

- a) Những tiếng bắt đầu bằng *r*, bằng *gi*.
- b) Những tiếng có *thanh hỏi, thanh ngã*.





1. Đọc bài sau :

Gọi điện

Hoa nhắc ống nghe lên và nhấn số. Một tiếng "tút..." kéo dài. Chưa có ai nhắc máy. Lại một tiếng "tút" nữa. Khéo cả nhà đi vắng thì gay. Tới tiếng "tút" thứ tư mới có người nhắc máy. Hoa thở phào nhẹ nhõm. Buổi sáng, em đã gọi cho Oanh hai lần, nhưng cả hai lần máy bận, cứ "tút tút" liên tục... Đầu dây có tiếng đàn ông :

- A lô ! Tôi, Tuấn, nghe đây.

Chắc là bố bạn Oanh. Hoa lên tiếng :

- Cháu chào bác. Cháu là Hoa, bạn của Oanh. Bác làm ơn cho cháu gặp Oanh ạ !

- Cháu chờ chút nhé !

- Cháu cảm ơn bác.

?

a) Sắp xếp lại thứ tự các việc phải làm khi gọi điện :

- Tìm số máy của bạn trong sổ.
- Nhấn số.
- Nhắc ống nghe lên.

b) Em hiểu các tín hiệu sau nói điều gì ?

- "Tút" ngắn, liên tục.
- "Tút" dài, ngắt quãng.

c) Nếu bố (mẹ) của bạn cầm máy, em xin phép nói chuyện với bạn thế nào ?

(2). Viết 4, 5 câu trao đổi qua điện thoại theo nội dung sau :

a) Bạn em gọi điện cho em, rủ em đến thăm một bạn trong lớp bị ốm.
Em đồng ý và hẹn bạn ngày giờ cùng đi.

b) Em đang học bài, bỗng bạn em gọi điện rủ em đi chơi. Em từ chối (không đồng ý) vì còn bận học.

Bông hoa Niềm Vui

1. Mới sáng tinh mơ, Chi đã vào vườn hoa của trường. Em đến tìm những bông cúc màu xanh, được cả lớp gọi là hoa Niềm Vui. Bố của Chi đang nằm bệnh viện. Em muốn đem tặng bố một bông hoa Niềm Vui để bố dịu cơn đau.

2. Những bông hoa màu xanh lộng lẫy dưới ánh mặt trời buổi sáng. Chi giơ tay định hái, nhưng em bỗng chần chừ vì không ai được ngắt hoa trong vườn. Mọi người vun trồng và chỉ đến đây để ngắm vẻ đẹp của hoa.

3. Cánh cửa kẹt mở. Cô giáo đến. Cô không hiểu vì sao Chi đến đây sớm thế. Chi nói :

- Xin cô cho em được hái một bông hoa. Bố em đang ốm nặng.

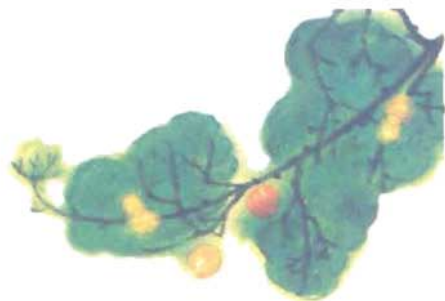
Cô giáo đã hiểu. Cô ôm em vào lòng :

- Em hãy hái thêm hai bông nữa, Chi ạ ! Một bông cho em, vì trái tim nhân hậu của em. Một bông cho mẹ, vì cả bố và mẹ đã dạy dỗ em thành một cô bé hiếu thảo.

4. Khi bố khỏi bệnh, Chi cùng bố đến trường cảm ơn cô giáo. Bố còn tặng nhà trường một khóm hoa cúc đại đoá màu tím đẹp mê hồn.

Phỏng theo **XU-KHÔM-LIN-XKI**

(Mạnh Hương dịch)





- **Lộng lẫy** : đẹp rực rỡ.
- **Chần chừ** : không dứt khoát, nửa muốn nửa không.
- **Nhân hậu** : thương người.
- **Hiếu thảo** : có lòng kính yêu cha mẹ.
- **Đẹp mê hồn** : rất đẹp.



1. Mới sáng tinh mơ, Chi đã vào vườn hoa để làm gì ?
2. Vì sao Chi không dám tự ý hái bông hoa Niềm Vui ?
3. Khi biết vì sao Chi cần bông hoa, cô giáo nói thế nào ?
4. Theo em, bạn Chi có những đức tính gì đáng quý ?

Kể chuyện



1. Kể lại đoạn mở đầu câu chuyện trên (đoạn 1) bằng hai cách :

- Cách 1 : theo trình tự như câu chuyện.
- Cách 2 : bắt đầu từ "*Bố của Chi đang nằm bệnh viện... để bố dịu cơn đau*", sau đó đến "*Mới sáng tinh mơ... bông hoa Niềm Vui*."

2. Dựa vào tranh, kể lại nội dung chính của câu chuyện (đoạn 2, 3) bằng lời của em.



3. Kể lại đoạn cuối của câu chuyện (đoạn 4), trong đó có lời cảm ơn của bố Chi (do em tưởng tượng ra).



1. Tập chép : *Bông hoa Niềm Vui (từ Em hãy hái... đến cô bé hiếu thảo.)*

❓ Những chữ nào trong bài chính tả được viết hoa ?

2. Tìm những từ chứa tiếng có *iê* hoặc *yê* :

- a) Trái nghĩa với *khoẻ*.
- b) Chỉ con vật nhỏ, sống thành đàn, rất chăm chỉ.
- c) Cùng nghĩa với *bảo ban*.

(3). Đặt câu để phân biệt các từ trong mỗi cặp :

- a) rối - đối ; rạ - dạ
- b) mỡ - mở ; nũa - nửa



Quà của bố

Bố đi câu về, không một lần nào là chúng tôi không có quà.

Mở thùng câu ra là cả một thế giới dưới nước : cà cuống, niềng niềng đục, niềng niềng cái bò nhện nhạo. Hoa sen đỏ, nhị sen vàng toả hương thơm lừng. Những con cá sộp, cá chuối quẫy toé nước, mắt thao láo...

Bố đi cắt tóc về, cũng không lần nào chúng tôi không có quà.

Mở hòm dụng cụ ra là cả một thế giới mặt đất : con xập xành, con muỗi to xù, mồi thếch, ngó ngoáy. Hấp dẫn nhất là những con dế lạo xạo trong các vỏ bao diêm : toàn dế đục, cánh xoăn, gáy vang nhà và chọi nhau phải biết.

Quà của bố làm anh em tôi giàu quá !

Theo **DUY KHÀN**



- ⊙
- **Thúng câu** : đồ đan lưới bằng tre, hình tròn, lòng sâu, trát nhựa, thường dùng đựng cá câu được.
 - **Cà cuống, niềng niềng** : những con vật nhỏ có cánh, sống dưới nước.
 - **Nhộn nhạo** : lộn xộn, không có trật tự.
 - **Cá sộp** : loài cá sống ở nước ngọt, thân tròn dài, gần giống cá chuối.
 - **Xập xanh, muỗi** : những con vật có cánh, sống trên cạn.
 - **Mốc thếch** : mốc màu trắng đục.

- ?
1. Quà của bố đi câu về có những gì ?
 2. Quà của bố đi cắt tóc về có những gì ?
 3. Những từ nào, câu nào cho thấy các con rất thích những món quà của bố ?





1. Hãy kể tên những việc em đã làm ở nhà giúp cha mẹ.
2. Tìm các bộ phận câu trả lời cho từng câu hỏi **Ai ?**, **Làm gì ?**
 - a) Chi đến tìm bông cúc màu xanh.
 - b) Cây xoà cành ôm cậu bé.
 - c) Em học thuộc đoạn thơ.
 - d) Em làm ba bài tập toán.

Ai	làm gì ?
M : Chi	đến tìm bông cúc màu xanh.

3. Chọn và xếp các từ ở ba nhóm sau thành câu :

1
em, chị em,
Linh, cậu bé

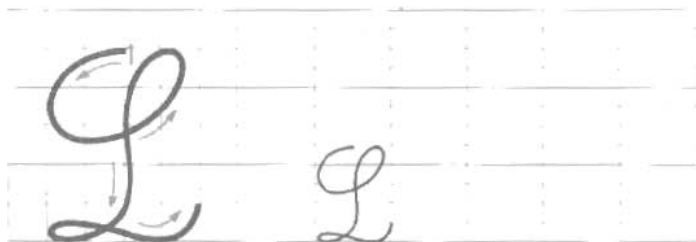
2
quét dọn, giặt,
xếp, rửa

3
nhà cửa, sách vở
bát đĩa, quần áo

Ai	làm gì ?
M : Em	quét dọn nhà cửa.



1. Viết chữ hoa :



2. Viết ứng dụng :

Lá lành đùm lá rách.



Há miệng chờ sung



Xưa có một anh chàng mồ côi cha mẹ nhưng chẳng chịu học hành, làm lụng gì cả. Hằng ngày, anh ta cứ nằm ngửa dưới gốc cây sung, há miệng ra thật to, chờ cho sung rụng vào thì ăn. Nhưng đợi mãi mà chẳng có quả sung nào rụng trúng miệng. Bao nhiêu quả rụng đều rơi chệch ra ngoài.

Chợt có người đi qua đường, chàng lười gọi lại, nhờ nhặt sung bỏ hộ vào miệng. Không may, gặp phải một tay cũng lười. Hắn ta lấy hai ngón chân cặp quả sung, bỏ vào miệng cho chàng lười. Anh chàng bức lắm, gắt :

- Ôi chao ! Người đâu mà lười thế !

Theo **TIẾNG CƯỜI DÂN GIAN VIỆT NAM**

⋮

- **Chàng** : chỉ người đàn ông còn trẻ.

- **Mồ côi cha mẹ** : mất cha mẹ từ khi còn nhỏ.

?

1. Anh chàng lười nằm dưới gốc cây sung để làm gì ?

2. Chàng lười nhờ người qua đường làm giúp việc gì ?

3. Người qua đường giúp chàng lười như thế nào ?

4. Câu nói của anh chàng lười có gì đáng buồn cười ?



1. Nghe - viết : Quà của bố (từ *Bố đi câu về...* đến *cá chuối quẫy toé nước, mắt thao láo...*)

- ② - Bài chính tả có mấy câu ? Những chữ đầu câu viết thế nào ?
- Câu nào có dấu hai chấm ?

2. Điền vào chỗ trống *ie* hay *yê* ?

câu chu...n, ...n lạng, v...n gạch, lu...n tập

(3). a) Điền vào chỗ trống *d* hay *gi* ?

Dung ...ăng ...ung ...ẻ
...ắt trẻ đi chơi
Đến ngõ nhà ...ời
Lạy cậu, lạy mẹ
Cho cháu về quê
Cho ...ê đi học

Đồng dao



b) Điền vào chữ in đậm *dấu hỏi* hay *dấu ngã* ?

Làng tôi có **luy** tre xanh
Có sông Tô Lịch **chay** quanh xóm làng
Trên bờ, **vai**, **nhân** hai hàng
Dưới sông cá lội từng đàn tung tăng.

Ca dao



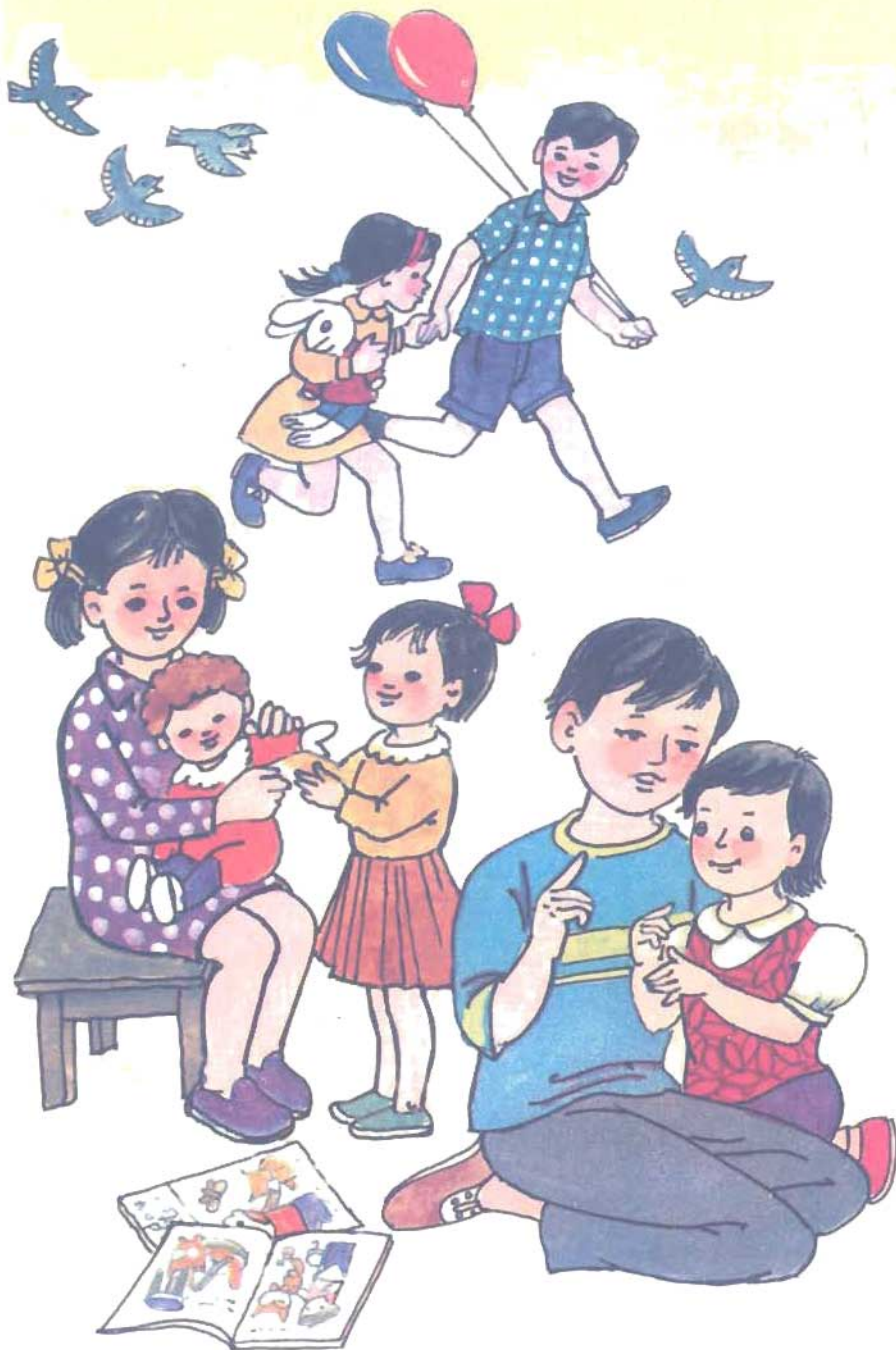
1. Kể về gia đình em.

Gợi ý :

- a) Gia đình em gồm mấy người ? Đó là những ai ?
b) Nói về từng người trong gia đình em.
c) Em yêu quý những người trong gia đình em như thế nào ?

2. Dựa vào những điều đã kể ở bài tập 1, hãy viết một đoạn văn ngắn (từ 3 đến 5 câu) về gia đình em.

ANH EM





Câu chuyện bó đũa



1. Ngày xưa, ở một gia đình kia, có hai anh em. Lúc nhỏ, anh em rất hoà thuận. Khi lớn lên, anh có vợ, em có chồng, tuy mỗi người một nhà, nhưng vẫn hay va chạm.

2. Thấy các con không yêu thương nhau, người cha rất buồn phiền. Một hôm, ông đặt một bó đũa và một túi tiền trên bàn, rồi gọi các con, cả trai, gái, dâu, rể lại và bảo :

- Ai bẻ gãy được bó đũa này thì cha thưởng cho túi tiền.

Bốn người con lần lượt bẻ bó đũa. Ai cũng cố hết sức mà không sao bẻ gãy được. Người cha bèn cởi bó đũa ra, rồi thông thả bẻ gãy từng chiếc một cách dễ dàng.

3. Thấy vậy, bốn người con cùng nói :

- Thừa cha, lấy từng chiếc mà bẻ thì có khó gì !

Người cha liền bảo :

- Đúng. Như thế là các con đều thấy rằng chia lẻ ra thì yếu, hợp lại thì mạnh. Vậy các con phải biết thương yêu, đùm bọc lẫn nhau. Có đoàn kết thì mới có sức mạnh.

- **Va chạm** : ý nói cãi nhau vì những điều nhỏ nhặt.
- **Dâu (con dâu)** : vợ của con trai.
- **Rể (con rể)** : chồng của con gái.
- **Đùm bọc** : giúp đỡ, che chở.
- **Đoàn kết** : yêu mến nhau, chung sức lại để làm việc.

1. Câu chuyện này có những nhân vật nào ?
2. Tại sao bốn người con không ai bẻ gãy được bó đũa ?
3. Người cha bẻ gãy bó đũa bằng cách nào ?
4. Một chiếc đũa được ngẫm so sánh với gì ? Cả bó đũa được ngẫm so sánh với gì ?
5. Người cha muốn khuyên các con điều gì ?

Kể chuyện



1. Dựa theo tranh, kể lại từng đoạn *Câu chuyện bó đũa* :



Ngày xưa...



Một hôm...



Các người con...



Người cha bèn...



Bốn người con cùng nói...

2. Phân vai, dựng lại câu chuyện.



1. Nghe - viết : Câu chuyện bó đũa (từ Người cha liên bảo... đến hết)

- ② - Tìm lời của người cha trong bài chính tả.
- Lời của người cha được ghi sau những dấu câu gì ?

(2). Điền vào chỗ trống :

- a) *l* hay *n* ?
...ên bằ*ng*, ...ên người, ấ*m* ...o, ...o lắ*ng*.
b) *i* hay *iê* ?
mải m...t, hiểu b...t, ch...m sẻ, đ...m 10.
c) *ă*t hay *ă*c ?
chuột nh..., nh... nhỏ, đ... tên, thắ*c* m....

(3). Tìm các từ :

- a) Chứa tiếng có âm *l* hay âm *n* :
- Chỉ người sinh ra *bố* : ông bà ...
- Trái nghĩa với *nóng*.
- Cùng nghĩa với *không quen*.
b) Chứa tiếng có vần *in* hay vần *iên* :
- Trái nghĩa với *dữ*.
- Chỉ người tốt có phép lạ trong truyện cổ tích.
- Có nghĩa là (quả, thức ăn) đến độ ăn được.
c) Chứa tiếng có vần *ă*t hay vần *ă*c :
- Có nghĩa là cầm tay đưa đi.
- Chỉ hướng ngược với hướng nam.
- Có nghĩa là dùng dao hoặc kéo làm đứt một vật.



Nhắn tin

10 - 9

Linh ơi,

Qua sáng chị đi' trong lòng băn.

Em nhớ quét nhà, học thuộc hai khổ thơ
về làm ba bài tập toán chị đã đánh dấu.

11 giờ chị về.

Chị Nga

9 giờ, 8 - 12

Linh ơi,

Tớ đến mà bạn không có nhà.

Tớ đem cho bạn bộ que chuyển.

Mai đi học, bạn nhớ mang quyển
bài hát cho tớ mượn nhé.

Hà

- ?
1. Những ai nhắn tin cho Linh ? Nhắn tin bằng cách nào ?
 2. Vì sao chị Nga và Hà phải nhắn tin cho Linh bằng cách ấy ?
 3. Chị Nga nhắn Linh những gì ?
 4. Hà nhắn Linh những gì ?
 5. Tập viết nhắn tin :

Bố mẹ đi làm. Chị đi chợ chưa về. Em sắp đi học. Hãy viết mấy dòng nhắn lại cho chị biết : em cho cô Phúc mượn xe đạp.



1. Hãy tìm 3 từ nói về tình cảm thương yêu giữa anh chị em.

2. Sắp xếp các từ ở ba nhóm sau thành câu :

1	2	3
anh	khuyên bảo	anh
chị	chăm sóc	chị
em	trông nom	em
chị em	giúp đỡ	nhau
anh em		

Ai	làm gì ?
M : Chị em	giúp đỡ nhau.

3. Em chọn dấu chấm hay dấu chấm hỏi để điền vào ô trống ?

Bé nói với mẹ :

- Con xin mẹ tờ giấy để viết thư cho bạn Hà

Mẹ ngạc nhiên :

- Nhưng con đã biết viết đâu

Bé đáp :

- Không sao, mẹ ạ ! Bạn Hà cũng chưa biết đọc

Theo **TIẾNG CƯỜI TUỔI HỌC TRÒ**



1. Viết chữ hoa :



2. Viết ứng dụng :

Miệng nói tay làm.



Tiếng võng kêu

(Trích)

Kèo cà kèo kẹt
Kèo cà kèo kẹt
Tay em đưa đều
Ba gian nhà nhỏ
Đây tiếng võng kêu.

Kèo cà kèo kẹt
Bé Giang ngủ rồi
Tóc bay phơ phất
Vương vương nụ cười.
Trong giấc mơ em
Có gặp con cò
Lặn lội bờ sông ?
Có gặp cánh bướm
Mênh mông, mênh mông ?

Em ơi cứ ngủ
Tay anh đưa đều
Ba gian nhà nhỏ
Đây tiếng võng kêu
Kèo cà kèo kẹt
Kèo cà kèo kẹt
Kèo cà
Kèo kẹt...

TRẦN ĐĂNG KHOA



- **Gian** : một phần của nhà, có cột hoặc tường ngăn với phần khác.
- **Phơ phất** : bay qua bay lại theo gió.
- **Vương vương** : còn lại một ít, ở đây ý nói còn giữ lại nụ cười.



1. Bạn nhỏ trong bài thơ làm gì ?
2. Cho biết mỗi ý sau đây được nói trong những câu thơ nào ?
 - a) Đưa võng ru em.
 - b) Ngắm em ngủ.
 - c) Đoán em bé mơ thấy gì.
3. Những từ ngữ nào tả em bé đang ngủ rất đáng yêu ?
4. Học thuộc lòng những khổ thơ em thích.

Chinh tả



1. Tập chép : *Tiếng võng kêu* (khổ thơ 2)



Chữ đầu các dòng thơ viết thế nào ?

(2). Em chọn chữ nào trong ngoặc đơn để điền vào chỗ trống ?

- | | |
|---------------------------|--------------------------|
| a) (lấp, nấp) : ... lánh | b) (tin, tiên) : ... cây |
| (lặng, nặng) : ... nề | (tìm, tiềm) : ... tòi |
| (lạnh, nanh) : ... lợi | (khim, khiêm) : ... tốn |
| (lóng, nóng) : ... nảy | (mật, miệt) : ... mài |
| c) (thất, thác) : ... mắc | |
| (chất, chắc) : ... chắn | |
| (nhật, nhạc) : ... nhạch | |

Tập làm văn



1. Quan sát tranh, trả lời câu hỏi :

- a) Bạn nhỏ đang làm gì ?
- b) Mắt bạn nhìn búp bê như thế nào ?
- c) Tóc bạn như thế nào ?
- d) Bạn mặc áo màu gì ?

2. Bà đến nhà đón em đi chơi.

Hãy viết một vài câu nhắn lại để bố mẹ biết.





Hai anh em

1. Ở cánh đồng rộng, có hai anh em cày chung một đám ruộng. Ngày mùa đến, họ gặt rồi bó lúa chất thành hai đống bằng nhau, để cả ở ngoài đồng.

2. Đêm hôm ấy, người em nghĩ : "Anh mình còn phải nuôi vợ con. Nếu phần lúa của mình cũng bằng phần của anh thì thật không công bằng." Nghĩ vậy, người em ra đồng lấy lúa của mình bỏ thêm vào phần của anh.

3. Cũng đêm ấy, người anh bàn với vợ : "Em ta sống một mình vất vả. Nếu phần của ta cũng bằng phần chú ấy thì thật không công bằng." Thế rồi anh ra đồng lấy lúa của mình bỏ thêm vào phần của em.

4. Sáng hôm sau, hai anh em cùng ra đồng. Họ rất đỗi ngạc nhiên khi thấy hai đống lúa vẫn bằng nhau.

Cho đến một đêm, hai anh em đều ra đồng, rình xem vì sao có sự kì lạ đó. Họ bắt gặp nhau, mỗi người đang ôm trong tay những bó lúa định bỏ thêm cho người kia. Cả hai xúc động, ôm chầm lấy nhau.

Phỏng theo **LA-MẮC-TIN**
(Lê Quang Đan dịch)



- **Công bằng** : hợp lẽ phải.
- **Kì lạ** : lạ đến mức không ngờ.



1. Người em nghĩ gì và đã làm gì ?
2. Người anh nghĩ gì và đã làm gì ?
3. Mỗi người cho thế nào là công bằng ?
4. Hãy nói một câu về tình cảm của hai anh em.

Kể chuyện



1. Kể lại từng phần câu chuyện *Hai anh em* theo gợi ý sau :

- a) Mở đầu câu chuyện.
- b) Ý nghĩ và việc làm của người em.
- c) Ý nghĩ và việc làm của người anh.
- d) Kết thúc câu chuyện.

2. Nói ý nghĩ của hai anh em khi gặp nhau trên đồng.

3. Kể lại toàn bộ câu chuyện.

Chính tả



1. Tập chép : *Hai anh em* (từ *Đêm hôm ấy...* đến *của anh.*)



- Tìm những câu nói lên suy nghĩ của người em trong bài chính tả.
- Suy nghĩ của người em được ghi với những dấu câu nào ?

2. Tìm 2 từ có tiếng chứa vần *ai*, 2 từ có tiếng chứa vần *ay*.

(3). Tìm các từ :

a) Chứa tiếng bắt đầu bằng **s** hay **x** :

- Chỉ thấy thuốc.
- Chỉ tên một loài chim.
- Trái nghĩa với *đẹp*.

b) Chứa tiếng có vần **ât** hay **âc** :

- Trái nghĩa với *còn*.
- Chỉ động tác ra hiệu đồng ý bằng đầu.
- Chỉ chỗ đặt chân để bước lên thêm nhà (hoặc cầu thang).



Bé Hoa

Bây giờ, Hoa đã là chị rồi. Mẹ có thêm em Nụ. Em Nụ môi đỏ hồng, trông yêu lắm. Em đã lớn lên nhiều. Em ngủ ít hơn trước. Có lúc, mắt em mở to, tròn và đen láy. Em cứ nhìn Hoa mãi. Hoa yêu em và rất thích đưa võng ru em ngủ.

Đêm nay, Hoa hát hết các bài hát mà mẹ vẫn chưa về. Từ ngày bố đi công tác xa, mẹ bận việc nhiều hơn. Em Nụ đã ngủ. Hoa lấy giấy bút, viết thư cho bố. Vặn to đèn, em ngồi trên ghế, nắn nót viết từng chữ :

Bố ạ,

Em Nụ ở nhà ngoan lắm. Em ngủ cũng ngoan nữa. Con hết cả bài hát ru em rồi. Bao giờ bố về, bố dạy thêm bài khác cho con. Dạy bài dài dài ấy, bố nhé !



Đen láy : (màu mắt) đen và sáng long lanh.



1. Em biết những gì về gia đình Hoa ?
2. Em Nụ đáng yêu như thế nào ?
3. Hoa đã làm gì giúp mẹ ?
4. Trong thư gửi bố, Hoa kể chuyện gì, nêu mong muốn gì ?

Luyện từ và câu



1. Dựa vào tranh trả lời câu hỏi :

- a) Em bé thế nào ? (xinh, đẹp, dễ thương,...)
- b) Con voi thế nào ? (khỏe, to, chăm chỉ,...)
- c) Những quyển vở thế nào ? (đẹp, nhiều màu, xinh xắn,...)
- d) Những cây cau thế nào ? (cao, thẳng, xanh tốt,...)



2. Tìm những từ chỉ đặc điểm của người và vật :

- a) Đặc điểm về tính tình của một người. **M :** tốt, ngoan, hiền...
- b) Đặc điểm về màu sắc của một vật. **M :** trắng, xanh, đỏ...
- c) Đặc điểm về hình dáng của người, vật. **M :** cao, tròn, vuông...

3. Chọn từ thích hợp rồi đặt câu với từ ấy để tả :

- a) Mái tóc của ông (hoặc bà) em : bạc trắng, đen nhánh, hoa râm,...
- b) Tính tình của bố (hoặc mẹ) em : hiền hậu, vui vẻ, điềm đạm,...
- c) Bàn tay của em bé : mũm mĩm, trắng hồng, xinh xắn,...
- d) Nụ cười của anh (hoặc chị) em : tươi tắn, rạng rỡ, hiền lành,...

Ai (cái gì, con gì)	thế nào ?
M : Mái tóc ông em	bạc trắng.

Tập viết



1. Viết chữ hoa :



2. Viết ứng dụng :

Nghĩ trước nghĩ sau.



Truyện vui

Bán chó

Chó nhà Giang để những sáu con. Một hôm, chị Liên bảo :

- Nhiều chó con quá, nhà mình nuôi sao cho xuể. Bố bảo phải cho bớt đi.

Giang bàn :

- Mình có thể đem bán chúng, chị ạ.

- Nhưng chị sợ không ai mua đâu. Tốt nhất là ta đem cho bớt đi.

Chiều hôm đó, chị Liên vừa đi học về, Giang đã đợi ngay ở cửa, khoe :


- Em bán được một con chó rồi, chị ạ.
- Em bán được thật ư ? Giá bao nhiêu ?

Giang đáp :

- Hai mươi ngàn đồng ạ.
- Hai mươi ngàn đồng ? - Chị ngạc nhiên. - Thế tiền đâu rồi ?
- Đây không phải là mua bán bằng tiền đâu, chị ạ. Em đã đổi một con chó lấy hai chú mèo con. Một con mèo giá mười ngàn đồng đấy.

Theo **TRẦN MẠNH THƯỜNG**

 **Nuôi sao cho xuế** : không nuôi nổi tất cả.

-  1. Vì sao bố muốn cho bớt chó con đi ?
2. Giang đã bán chó như thế nào ?
3. Sau khi Giang bán chó, số vật nuôi trong nhà có giảm đi không ?

Chinh tả



1. Nghe - viết : Bé Hoa (từ Bây giờ, Hoa đã là chị... đến đưa võng ru em ngủ.)

2. Tìm những từ có tiếng chứa vần *ai* hoặc *ay* :

- a) Chỉ sự di chuyển trên không.
- b) Chỉ nước tuôn thành dòng.
- c) Trái nghĩa với *đúng*.

(3). Điền vào chỗ trống :

a) *s* hay *x* ?

...ấp xếp, ...ếp hàng, sáng ...ủa, xôn ...ao.

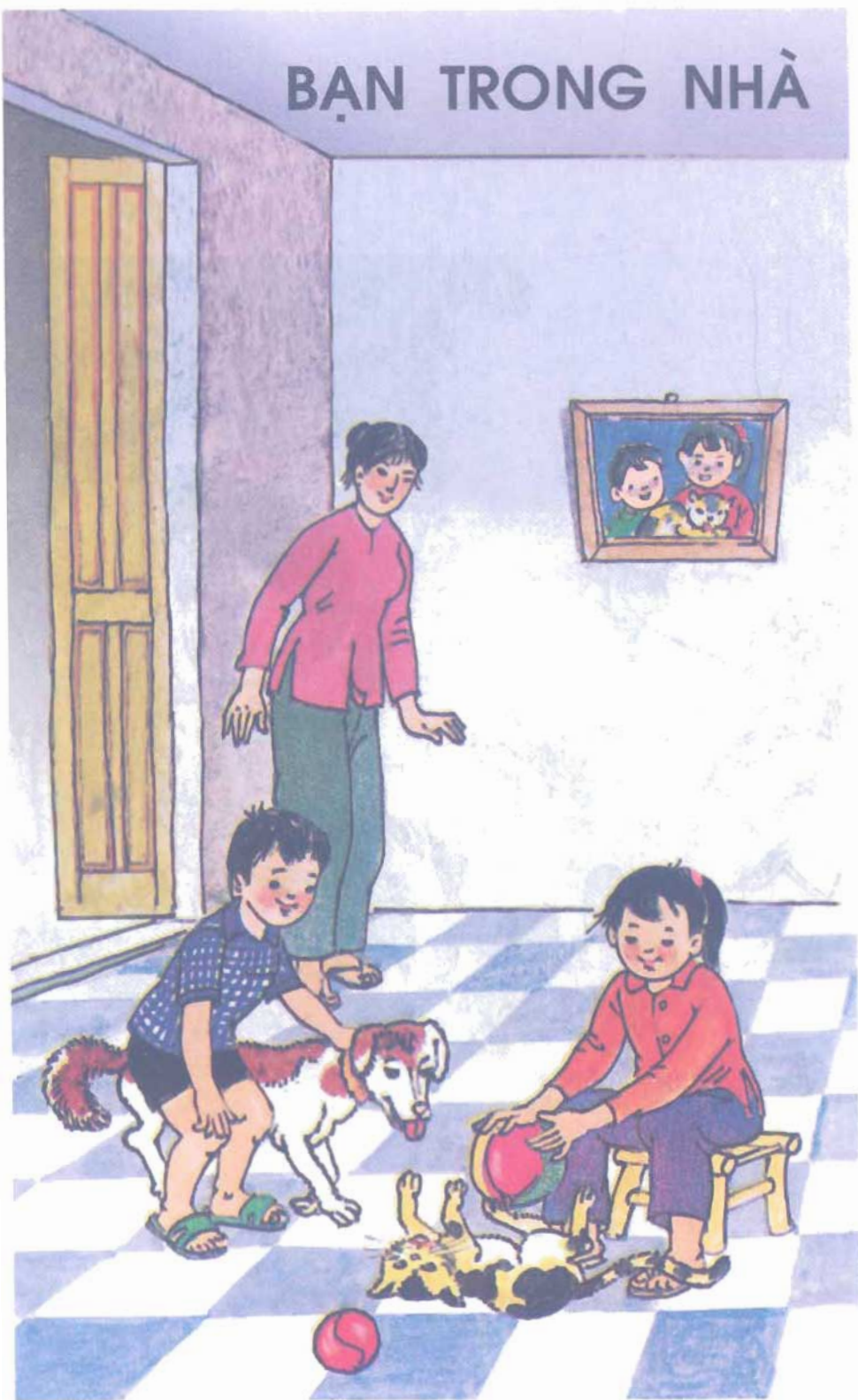
b) *ât* hay *âc* ?

gi... ngủ, th... thà, chủ nh..., nh... lên.



1. Bạn Nam chúc mừng chị Liên được giải Nhì trong kì thi học sinh giỏi của tỉnh. Hãy nhắc lại lời của Nam.
2. Em sẽ nói gì để chúc mừng chị Liên ?
3. Hãy viết từ 3 đến 4 câu kể về anh, chị, em ruột (hoặc anh, chị, em họ) của em.

BẠN TRONG NHÀ





Con chó nhà hàng xóm

1. Bé rất thích chó nhưng nhà Bé không nuôi con nào. Bé dành chơi với Cún Bông, con chó của bác hàng xóm. Bé và Cún thường nhảy nhót tung tăng khắp vườn.

2. Một hôm, mãi chạy theo Cún, Bé vấp phải một khúc gỗ và ngã đau, không đứng dậy được. Bé khóc. Cún nhìn Bé rồi chạy đi tìm người giúp. Mắt cá chân của Bé sưng to, vết thương khá nặng nên Bé phải bó bột, nằm bất động trên giường.

3. Bè bạn thay nhau đến thăm, kể chuyện, mang quà cho Bé. Nhưng các bạn về, Bé lại buồn. Thấy vậy, mẹ lo lắng hỏi :

- Con muốn mẹ giúp gì nào ?
- Con nhớ Cún, mẹ ạ !

4. Ngày hôm sau, bác hàng xóm dẫn Cún sang với Bé. Bé và Cún càng thân thiết. Cún mang cho Bé khi thì tờ báo hay cái bút chì, khi thì con búp bê... Bé cười, Cún sung sướng vẫy đuôi rồi rít. Thỉnh thoảng, Cún muốn chạy nhảy và nô đùa. Nhưng con vật thông minh hiểu rằng chưa đến lúc chạy đi chơi được.

5. Ngày tháo bột đã đến. Bác sĩ rất hài lòng vì vết thương của Bé đã lành hẳn. Nhìn Bé vuốt ve Cún, bác sĩ hiểu chính Cún đã giúp Bé mau lành.

Theo **THUY HÀ**



- **Tung tăng** : vừa đi vừa nhảy, có vẻ rất vui thích.
- **Mắt cá chân** : chỗ có xương lồi lên giữa cổ chân với bàn chân.
- **Bó bột** : giữ chặt chỗ xương gãy bằng khuôn bột thạch cao.
- **Bất động** : không cử động.



1. Bạn của Bé ở nhà là ai ?
2. Khi Bé bị thương, Cún đã giúp Bé như thế nào ?
3. Những ai đến thăm Bé ? Vì sao Bé vẫn buồn ?
4. Cún đã làm cho Bé vui như thế nào ?
5. Bác sĩ nghĩ rằng Bé mau lành là nhờ ai ?



1. Kể lại từng đoạn câu chuyện đã học theo tranh :



2. Kể lại toàn bộ câu chuyện.



1. Tập chép :

Con chó nhà hàng xóm

Nhà không nuôi chó, Bé đành chơi với Cún Bông, con chó của bác hàng xóm. Cún luôn quấn quýt bên Bé. Cún đã làm cho Bé vui trong những ngày Bé bị thương, phải nằm bất động trên giường. Chính tình bạn của Cún đã giúp Bé mau lành.

- ⑦ - Vì sao từ *Bé* trong bài phải viết hoa ?
 - Trong hai từ *bé* dưới đây, từ nào là tên riêng ?
 Bé là một cô bé yêu loài vật.

2. Hãy tìm :

- a) 3 tiếng có vần **ui**. M : núi
 b) 3 tiếng có vần **uy**. M : (tàu) thuyền

(3). a) Tìm những từ chỉ đồ dùng trong nhà bắt đầu bằng **ch**.

M : chăn, chiếu,...

b) Tìm trong bài tập đọc *Con chó nhà hàng xóm* :

- 3 tiếng có **thanh hỏi**. M : nhảy
 - 3 tiếng có **thanh ngã**. M : vẫy





Thời gian biểu

Họ và tên : Ngô Phương Thảo
Lớp 2A, Trường Tiểu học Hoà Bình

Sáng

6 giờ - 6 giờ 30
6 giờ 30 - 7 giờ
7 giờ - 11 giờ

Ngủ dậy, tập thể dục, vệ sinh cá nhân
Sắp xếp sách vở, ăn sáng
Đi học (thứ bảy : học vẽ,
chủ nhật : đến bà)



Trưa

11 giờ 30 - 12 giờ
12 giờ - 14 giờ

Rửa mặt, rửa chân tay, ăn trưa
Nghỉ trưa

Chiều

14 giờ - 15 giờ 30
15 giờ 30 - 16 giờ 30
16 giờ 30 - 17 giờ
17 giờ - 18 giờ
18 giờ - 18 giờ 30

Học bài
Chơi
Cho gà ăn, quét dọn nhà cửa
Giúp mẹ nấu cơm
Ăn tối



Tối

18 giờ 30 - 19 giờ 30
19 giờ 30 - 20 giờ 30
20 giờ 30 - 21 giờ
21 giờ

Chơi
Học bài
Vệ sinh cá nhân
Đi ngủ





- **Thời gian biểu** : lịch làm việc.

- **Vệ sinh cá nhân** : đánh răng, rửa mặt, rửa chân tay,...



1. Hãy kể các việc Phương Thảo làm hằng ngày.

2. Phương Thảo ghi các việc cần làm vào thời gian biểu để làm gì ?

3. Thời gian biểu ngày nghỉ của Phương Thảo có gì khác ngày thường ?



Luyện từ và câu

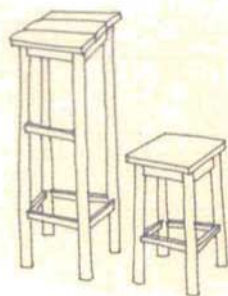
1. Tìm từ trái nghĩa với mỗi từ sau :

tốt , ngoan, nhanh, trắng, cao, khoẻ

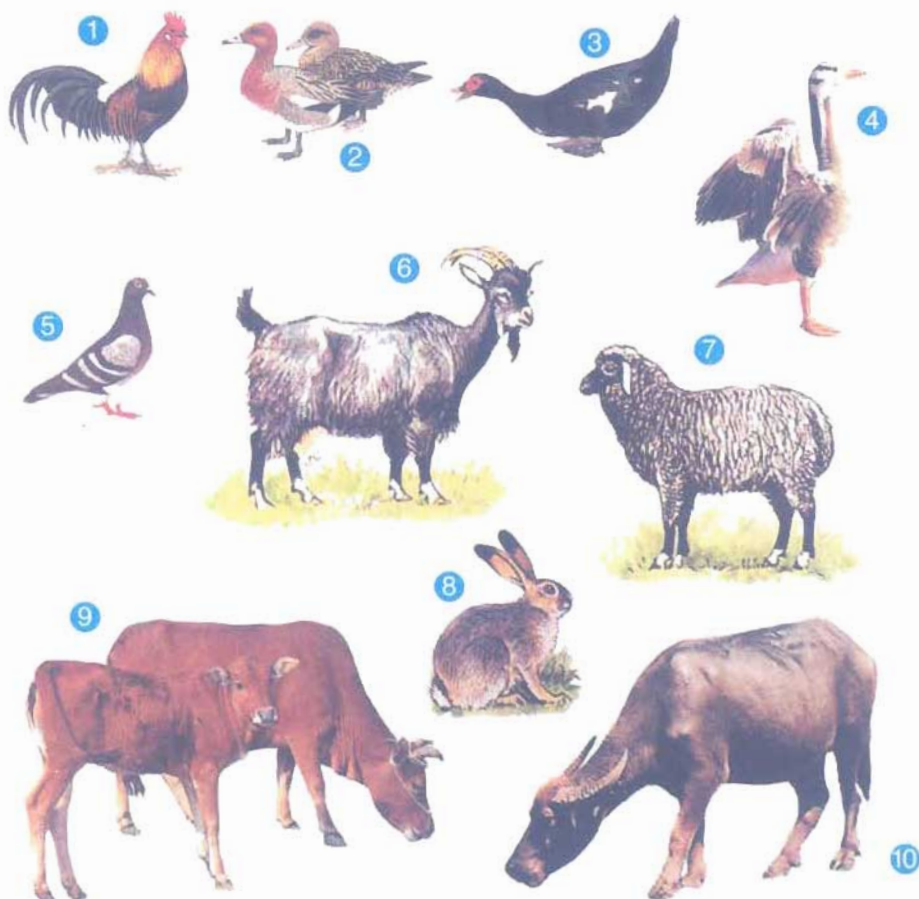
M : tốt - xấu

2. Chọn một cặp từ trái nghĩa ở bài tập 1, đặt câu với mỗi từ trong cặp từ trái nghĩa đó.

Ai (cái gì, con gì)	thế nào ?
M : Chú mèo ấy	rất ngoan.



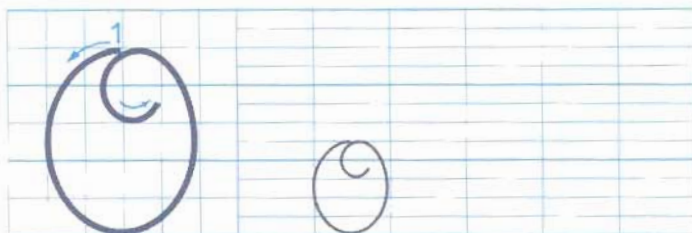
3. Viết tên các con vật trong tranh :



Tập viết



1. Viết chữ hoa :



2. Viết ứng dụng :

Ong bay bướm lượn.



Đàn gà mới nở

Lông vàng mát dịu
Mắt đen sáng ngời
Ồi ! Chú gà ơi !
Ta yêu chú lắm !

Mẹ dang đôi cánh
Con biến vào trong
Mẹ ngẩng đầu trông
Bọn diều, bọn quạ.

Bây giờ thông thả
Mẹ đi lên đầu
Đàn con bé tí
Líu ríu chạy sau.

Con mẹ đẹp sao
Những hòn tơ nhỏ
Chạy như lăn tròn
Trên sân, trên cỏ.

Vườn trưa gió mát
Bướm bay dập dờn
Quanh đôi chân mẹ
Một rừng chân con.

PHẠM HỔ



- **Líu ríu chạy** : chạy như dính chân vào nhau.
- **Hòn tơ** : cuộn tơ (tơ : sợi mảnh, màu vàng, để dệt vải).
- **Dập dờn** : chuyển động lúc lên lúc xuống nhẹ nhàng.



1. Tìm những hình ảnh đẹp và đáng yêu của đàn gà con.
2. Gà mẹ bảo vệ con, âu yếm con như thế nào ?
3. Câu thơ nào cho thấy nhà thơ rất yêu đàn gà mới nở ?
4. Học thuộc lòng bài thơ.



1. Nghe - viết :

Trâu ơi !

Trâu ơi, ta bảo trâu này
Trâu ra ngoài ruộng trâu cày với ta
Cấy cày vốn nghiệp nông gia
Ta đây trâu đấy, ai mà quản công
Bao giờ cây lúa còn bông
Thì còn ngọn cỏ ngoài đồng trâu ăn.



Ca dao

2. Thi tìm những tiếng chỉ khác nhau ở vần *ao* hoặc *au*.

(3). Tìm những tiếng thích hợp có thể điền vào chỗ trống :

a)	tr	ch
	cây <i>tre</i>	<i>che</i> nắng
	buổi <i>trưa</i>	... ăn
	ông ...	<i>chăng</i> dây
	con <i>trâu</i>	... bấu
	nước ...	<i>chong</i> chóng

b)	thanh hỏi	thanh ngã
	mở <i>cửa</i>	thịt <i>mỡ</i>
	<i>ngả</i> mũ	... ba
	... <i>ngơi</i>	suy <i>ngĩ</i>
	<i>đỏ</i> rác	... xanh
	... cá	vẩy tay

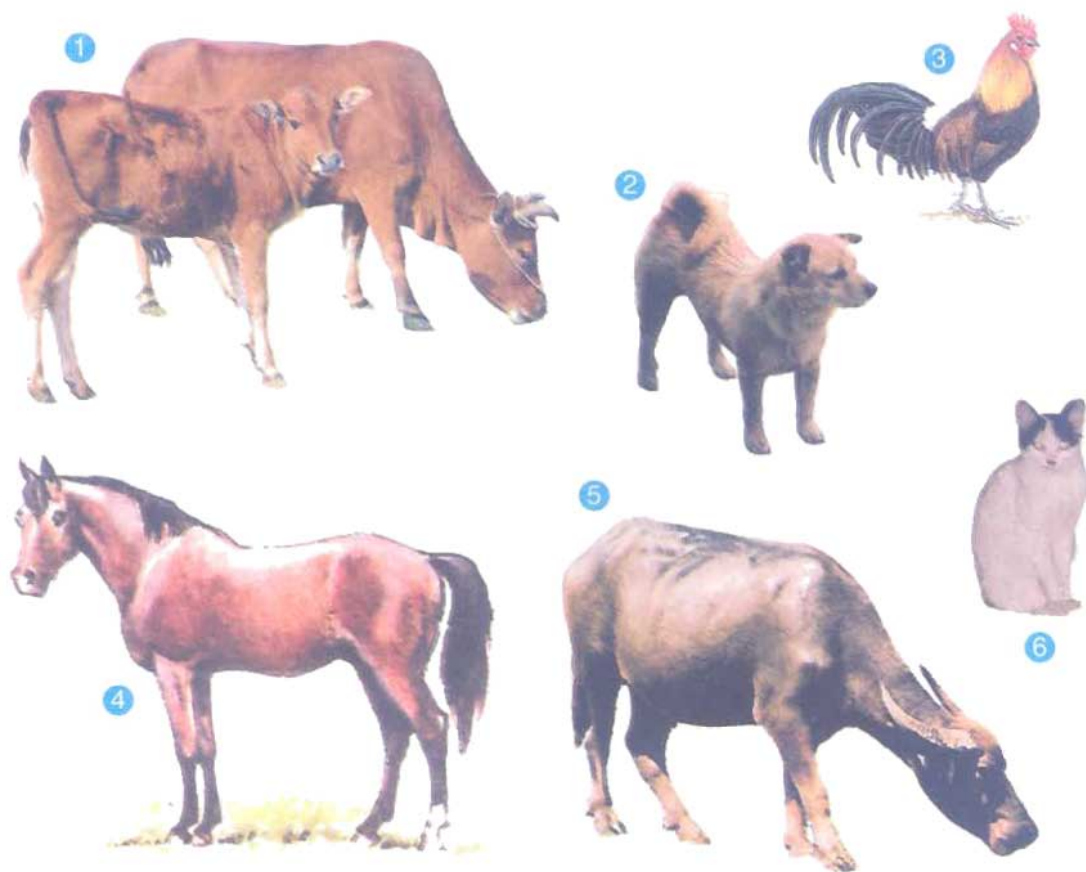


1. Từ mỗi câu dưới đây, đặt một câu mới để tỏ ý khen :

- a) Chú Cường rất khỏe.
- b) Lớp mình hôm nay rất sạch.
- c) Bạn Nam học rất giỏi.

M : Đàn gà rất đẹp. → Đàn gà mới đẹp làm sao !

2. Kể về một con vật nuôi trong nhà mà em biết.



3. Lập thời gian biểu buổi tối của em.



Tìm ngọc

1. Xưa có chàng trai thấy một bọn trẻ định giết con rắn nước liền bỏ tiền ra mua, rồi thả rắn đi. Không ngờ con rắn ấy là con của Long Vương. Đến ơn chàng trai, Long Vương tặng chàng một viên ngọc quý.
2. Có người thợ kim hoàn biết đó là viên ngọc hiếm, bèn đánh tráo. Chàng trai rất buồn. Thấy vậy, Chó và Mèo xin chủ đi tìm ngọc.

3. Đến nhà người thợ kim hoàn, Mèo bắt một con chuột đi tìm ngọc. Quả nhiên, con chuột tìm được.

4. Ra về, Chó tranh ngậm ngọc. Lúc qua sông, nó làm rơi viên ngọc xuống nước. Một con cá lớn thấy viên ngọc, đớp ngay. Chó nghĩ ra cách rình ở bên sông, chờ ai câu được con cá nuốt ngọc thì lấy lại.

Mấy hôm sau, có người đánh được con cá lớn, mổ ruột ra có viên ngọc. Mèo liền nhảy tới ngoạm ngọc chạy biến.

5. Lần này, Mèo đội ngọc trên đầu. Nào ngờ, vừa đi một quãng thì có con quạ sà xuống đớp ngọc rồi bay lên cây cao. Mèo nghĩ ra một mẹo. Nó nằm phơi bụng vờ chết. Quạ trúng kế, sà xuống toan rỉa thịt Mèo. Mèo nhảy xổ lên vồ. Quạ van lạy, xin trả lại ngọc.

6. Lần này, Chó và Mèo mang ngọc về được đến nhà. Chàng trai vô cùng mừng rỡ, càng thêm yêu quý hai con vật thông minh, tình nghĩa.

Theo **NGUYỄN ĐỒNG CHI**

- ①
- **Long Vương** : vua của sông, biển trong truyện xưa.
 - **Thợ kim hoàn** : người làm đồ vàng bạc.
 - **Đánh tráo** : lấy trộm vật tốt, thay nó bằng vật xấu.

- ②
1. Do đâu chàng trai có viên ngọc quý ?
 2. Ai đánh tráo viên ngọc ?
 3. Mèo và Chó đã làm cách nào để lấy lại viên ngọc ?
 - a) Ở nhà người thợ kim hoàn.
 - b) Khi ngọc bị cá đớp mất.
 - c) Khi ngọc bị quạ cướp mất.
 4. Tìm trong bài những từ khen ngợi Mèo và Chó.



1. Dựa theo tranh, kể lại từng đoạn câu chuyện *Tìm ngọc* :



2. Kể lại toàn bộ câu chuyện.



1. Nghe - viết :

Tìm ngọc

Chó và Mèo là những con vật rất tình nghĩa. Thấy chủ buồn vì mất viên ngọc được Long Vương tặng, chúng xin đi tìm. Nhờ nhiều mưu mẹo, chúng đã lấy lại được viên ngọc. Từ đó, người chủ càng thêm yêu quý hai con vật thông minh, tình nghĩa.

2. Điền vào chỗ trống *ui* hay *uy* ?

- Chàng trai xuống th... cung, được Long Vương tặng viên ngọc q... .
- Mất ngọc, chàng trai ngậm ng... . Chó và Mèo an ... chủ.
- Chuột ch... vào tủ, lấy viên ngọc cho Mèo. Chó và Mèo v... lắm.

(3). Điền vào chỗ trống :

a) **r, d** hay **gi** ?

...ùng núi, ...ùng lại, cây ...ang, ...ang tôm

b) **et** hay **ec** ?

lợn kêu eng ... , h... to, mùi kh... .

Tập đọc



Gà "tì tê" với gà

Loài gà cũng biết nói đấy, các em ạ !

Từ khi gà con còn nằm trong trứng, gà mẹ đã nói chuyện với chúng bằng cách gõ mỏ lên vỏ trứng, còn chúng thì phát tín hiệu nũng nịu đáp lời mẹ. Khi gà mẹ thông thả dắt bầy con đi kiếm mồi, miệng kêu đều đều "cúc ... cúc ... cúc", thế có nghĩa là : "Không có gì nguy hiểm. Các con kiếm mồi đi !" Gà mẹ vừa bới vừa kêu nhanh "cúc, cúc, cúc", tức là nó gọi : "Lại đây mau các con, mồi ngon lắm !" Gà mẹ mà xù lông, miệng kêu liên tục, gấp gáp "roóc, roóc", gà con phải hiểu : "Tai họa ! Nấp mau !" Đàn con đang xông xáo lập tức chui hết vào cánh mẹ, nằm im. Tới lúc mẹ lại "cúc ... cúc ... cúc" đều đều, chúng mới hớn hở chui ra.

Theo **LÊ QUANG LONG, NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN**



- **Tì tê** : nói chuyện lâu, nhẹ nhàng, thân mật.
- **Tín hiệu** : âm thanh, cử chỉ, hình vẽ,... dùng để báo tin.
- **Xôn xao** : âm thanh rộn lên từ nhiều phía.
- **Hón hờ** : vui mừng lộ rõ ở nét mặt tươi tỉnh.

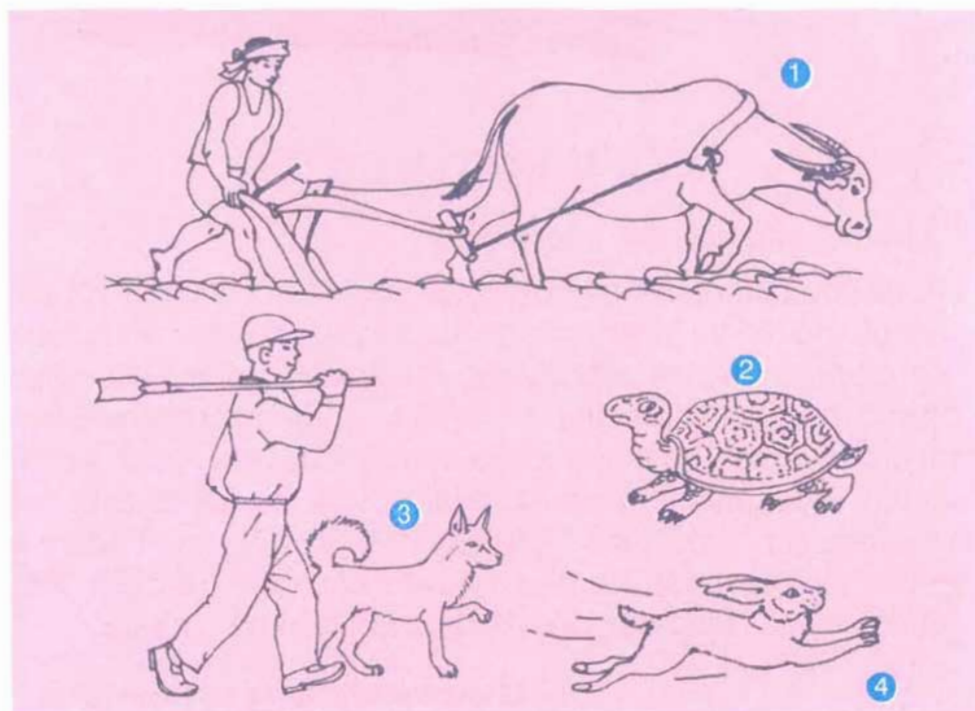


1. Gà con biết trò chuyện với mẹ từ khi nào ?
2. Nói lại cách gà mẹ báo cho con biết :
 - a) Không có gì nguy hiểm.
 - b) Có mồi ngon, lại đây !
 - c) Tai họa, nấp nhanh !

Luyện từ và câu



1. Chọn cho mỗi con vật dưới đây một từ chỉ đúng đặc điểm của nó :
nhANH, chậm, khoẻ, trung thành.



2. Thêm hình ảnh so sánh vào sau mỗi từ dưới đây :

- đẹp, cao, khoẻ ;
- nhanh, chậm, hiền ;
- trắng, xanh, đỏ.

M : đẹp → đẹp như tiên

3. Dùng cách nói trên để viết tiếp các câu sau :

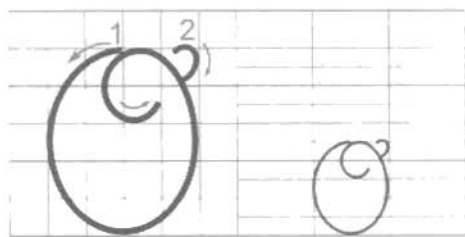
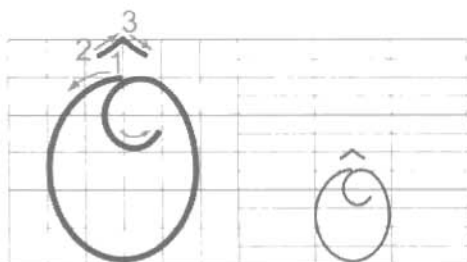
- a) Mắt con mèo nhà em tròn...
- b) Toàn thân nó phủ một lớp lông màu tro, mượt...
- c) Hai tai nó nhỏ xịu...

M : Mắt con mèo nhà em tròn... → Mắt con mèo nhà em tròn như hòn bi ve.

Tập viết



1. Viết chữ hoa :



2. Viết ứng dụng :

Ơn sâu nghĩa nặng.



Truyện vui

Thêm sừng cho ngựa

Bin rất ham vẽ. Trên nền nhà, ngoài sân gạch, chỗ nào cũng có những bức vẽ của em, bức thì vẽ bằng phấn, bức lại vẽ bằng than. Thấy thế, mẹ mua cho em một quyển vở vẽ, một hộp bút chì màu và bảo :

- Con vẽ con ngựa của nhà mình cho mẹ xem !

Bin đem vở và bút ra tận chuồng ngựa tập vẽ. Hí hoáy một lúc lâu, vẽ rồi xoá, xoá rồi lại vẽ. Cuối cùng, Bin cũng vẽ xong. Em đem bức vẽ vào khoe với mẹ.

Mẹ ngạc nhiên :

- Con vẽ con gì đây ?

Bin giải thích :

- Con ngựa đấy, mẹ ạ !

Mẹ bảo :

- Sao mẹ chẳng thấy giống con ngựa nhỉ ?

Bin ngấm bức vẽ một hồi, rồi nói :

- Đúng, không phải con ngựa. Thôi, để con vẽ thêm hai cái sừng cho nó thành con bò vậy.

Theo **TRUYỆN VUI NƯỚC NGOÀI**

- ⊖ - **Hí hoáy** : (làm) luôn tay, rất chăm chú.
- **Giải thích** : nói để người khác hiểu.
- ⊕ 1. Bin định vẽ con gì ?
2. Vì sao mẹ hỏi : "Con vẽ con gì đây ?"
3. Bin định chữa bức vẽ như thế nào ?
4. Em hãy nói vài câu với Bin để Bin khỏi buồn.

Chinh tả



1. Tập chép : Gà "tỉ tê" với gà (từ Khi gà mẹ thông thả... đến mỗi ngon lắm !)

- ⊕ - Những câu nào là lời gà mẹ nói với con ?
- Cần dùng những dấu câu nào để ghi lời gà mẹ ?

2. Điền vào chỗ trống ao hay au ?

S... mấy đợt rét đậm, mùa xuân đã về. Trên cây g... ngoài đồng, từng đàn s... chuyển cánh lao x... . Gió rì r... như b... tin vui, giục người ta m... đón ch... xuân mới.

(3). a) Điền vào chỗ trống r, d hay gi ?

- bánh ...án, con ...án, ...án giấy.
- ...ành dục, tranh ...ành, ...ành mạch.

b) Tìm các từ có tiếng chứa vần et hoặc ec :

- Chỉ một loại bánh để ăn Tết.
- Gọi tiếng kêu của lợn.
- Chỉ mùi cháy.
- Trái nghĩa với yêu.



1. Đọc lời bạn nhỏ trong bức tranh dưới đây. Cho biết lời nói ấy thể hiện thái độ gì của bạn nhỏ.



2. Bố đi công tác về , tặng em một gói quà. Mở gói quà ra, em rất ngạc nhiên và thích thú khi thấy một cái vỏ ốc biển rất to và đẹp.
Em nói như thế nào để thể hiện sự ngạc nhiên và thích thú ấy ?
3. Dựa vào mẫu chuyện sau, em hãy viết thời gian biểu sáng chủ nhật của bạn Hà :

Sáng chủ nhật, mới 6 giờ rưỡi, Hà đã dậy. Em chạy ngay ra sân tập thể dục rồi đi đánh răng, rửa mặt. Lúc kim đồng hồ chỉ 7 giờ, mẹ mang cho Hà một bát mì nhỏ. Em ăn sáng mất 15 phút, rồi mặc quần áo. Đúng 7 giờ 30, mẹ đưa em đến trường dự lễ sơ kết học kì. Mẹ dặn bố : "Mười giờ mẹ con em về, cả nhà sẽ sang ông bà."

☺ **Lễ sơ kết học kì** : buổi họp toàn trường vào cuối học kì để đánh giá các công việc đã làm và phát phần thưởng.

Ôn tập cuối học kì I

TIẾT 1

1. Ôn luyện tập đọc và học thuộc lòng.
2. Tìm các từ chỉ sự vật trong câu sau :
Dưới ô của máy bay hiện ra nhà cửa, ruộng đồng, làng xóm, núi non.
3. Viết bản tự thuật theo mẫu đã học.

TIẾT 2

1. Ôn luyện tập đọc và học thuộc lòng.
2. Em hãy đặt câu :



Tự giới thiệu về em với mẹ của bạn em, khi em đến nhà bạn lần đầu.



Tự giới thiệu về em với bác hàng xóm, khi bố bảo em sang mượn bác cái kim.



Tự giới thiệu về em với cô hiệu trưởng, khi em đến phòng cô mượn lọ hoa cho lớp.

3. Dùng dấu chấm ngắt đoạn sau thành 5 câu rồi viết lại cho đúng chính tả :

Đầu năm học mới, Huệ nhận được quà của bố đó là một chiếc cặp rất xinh cặp có quai đeo hôm khai giảng, ai cũng phải nhìn Huệ với chiếc cặp mới Huệ thầm hứa học chăm, học giỏi cho bố vui lòng.

TIẾT 3

1. Ôn luyện tập đọc và học thuộc lòng.
2. Thi tìm nhanh một số bài tập đọc trong sách *Tiếng Việt 2, tập một* theo mục lục.
3. Nghe - viết :

Đầu năm, Bắc học còn kém, nhưng em không nản, mà quyết trở thành học sinh giỏi. Ở lớp, điều gì chưa hiểu, em nhờ cô giảng lại cho. Ở nhà, em học bài thật thuộc và làm bài tập đầy đủ. Chỉ ba tháng sau, em đã đứng đầu lớp.

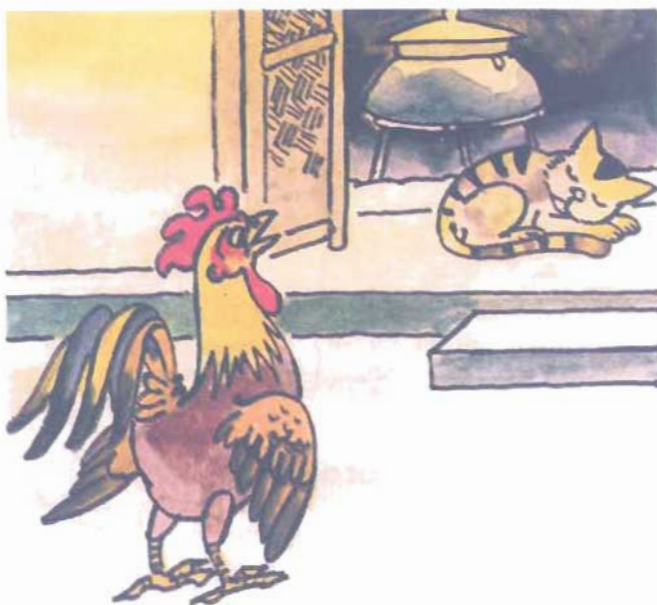
Theo **TIẾNG VIỆT 2, 1982**

TIẾT 4

1. Ôn luyện tập đọc và học thuộc lòng.
2. Đoạn văn sau có 8 từ chỉ hoạt động.
Em hãy tìm 8 từ ấy.

Càng về sáng, tiết trời càng lạnh giá. Trong bếp, bác mèo múp vẫn nằm lì bên đồng tro ấm. Bác lim dim đôi mắt, luôn miệng kêu : "Rét ! Rét !" Thế nhưng, mới sớm tinh mơ, chú gà trống đã chạy tót ra giữa sân. Chú vươn mình, dang đôi cánh to, khỏe như hai chiếc quạt, vỗ phành phạch, rồi gáy vang : "Ò ... ó ... o ... o !"

Theo **TIẾNG VIỆT 2, 1982**



3. Đoạn văn ở bài tập 2 có những dấu câu nào ?

4. Trên đường, chú công an gặp một em nhỏ đang khóc. Chú hỏi :
- Vì sao cháu khóc ?

Em nhỏ trả lời :

- Cháu không tìm thấy mẹ.

Nếu em là chú công an, em sẽ hỏi thêm những gì để đưa em nhỏ về nhà ?

TIẾT 5

1. Ôn luyện tập đọc và học thuộc lòng.

2. Tìm từ ngữ chỉ hoạt động trong mỗi tranh dưới đây. Đặt câu với từ ngữ đó.



3. Ghi lại lời của em :

- Mời cô hiệu trưởng đến dự buổi họp mừng Ngày Nhà giáo Việt Nam 20 - 11 ở lớp em.
- Nhờ bạn khênh giúp cái ghế.
- Để nghị các bạn ở lại họp Sao Nhi đồng.

TIẾT 6

1. Ôn luyện tập đọc và học thuộc lòng.
2. Kể chuyện theo tranh, rồi đặt tên cho câu chuyện :



3. Em đến nhà bạn để báo cho bạn đi dự Tết Trung thu nhưng cả gia đình bạn đi vắng. Hãy viết lại lời nhắn tin cho bạn.

TIẾT 7

1. Ôn luyện tập đọc và học thuộc lòng.
2. Tìm các từ chỉ đặc điểm của người và vật trong những câu sau đây :
 - a) Càng về sáng, tiết trời càng lạnh giá.
 - b) Mấy bông hoa vàng tươi như những đốm nắng đã nở sáng trưng trên giàn mướp xanh mát.
 - c) Chỉ ba tháng sau, nhờ siêng năng, cần cù, Bắc đã đứng đầu lớp.

3. Cô giáo (thầy giáo) lớp 1 của em đã chuyển sang dạy ở một trường khác. Nhân Ngày Nhà giáo Việt Nam 20 - 11, em hãy viết bưu thiếp chúc mừng cô (thầy).

TIẾT 8

1. Ôn luyện tập đọc và học thuộc lòng.

2. Nói lời đáp của em :

- a) Khi bà bảo em giúp bà khâu kim.
- b) Khi chị bảo em giúp chị nhặt rau nhưng em chưa làm bài xong.
- c) Khi một bạn ở lớp nhờ em giúp bạn làm bài trong giờ kiểm tra.
- d) Khi bạn mượn em cái gọt bút chì.

3. Viết khoảng 5 câu nói về một bạn lớp em.

TIẾT 9

Bài luyện tập

- A. Đọc thầm mẫu chuyện sau :

Cò và Vạc

Cò và Vạc là hai anh em, nhưng tính nết rất khác nhau. Cò ngoan ngoãn, chăm chỉ học tập, được thầy yêu bạn mến. Còn Vạc thì lười biếng, không chịu học hành, suốt ngày chỉ rúc đầu trong cánh mà ngủ. Cò khuyên bảo em nhiều lần, nhưng Vạc chẳng nghe.



Nhờ siêng năng nên Cò học giỏi nhất lớp. Còn Vạc đành chịu dốt. Sợ chúng bạn chê cười, đêm đến Vạc mới dám bay đi kiếm ăn.

Ngày nay, lật cánh Cò lên, vẫn thấy một dúm lông màu vàng nhạt. Người ta bảo đấy là quyển sách của Cò. Cò chăm học nên lúc nào cũng mang sách bên mình. Sau những buổi mò tôm bắt ốc, Cò lại đậu trên ngọn tre gỡ sách ra đọc.

TRUYỆN CỔ VIỆT NAM



B. Dựa theo nội dung bài đọc, chọn ý đúng trong các câu trả lời dưới đây :

1. Cò là một học sinh như thế nào ?
 - a) Yêu trường, yêu lớp
 - b) Chăm làm
 - c) Ngoan ngoãn, chăm chỉ
2. Vạc có điểm gì khác Cò ?
 - a) Học kém nhất lớp
 - b) Không chịu học hành
 - c) Hay đi chơi
3. Vì sao ban đêm Vạc mới bay đi kiếm ăn ?
 - a) Vì lười biếng
 - b) Vì không muốn học
 - c) Vì xấu hổ
4. Những cặp từ ngữ nào dưới đây là cặp từ ngữ cùng nghĩa ?
 - a) chăm chỉ - siêng năng
 - b) chăm chỉ - ngoan ngoãn
 - c) thầy yêu - bạn mến

5. Câu **Cò ngoan ngoan** được cấu tạo theo mẫu nào trong 3 mẫu dưới đây ?
- a) Mẫu 1 : **Ai là gì ?**
 - b) Mẫu 2 : **Ai làm gì ?**
 - c) Mẫu 3 : **Ai thế nào ?**

TIẾT 10

Bài luyện tập

A. Nghe - viết :

Đàn gà mới nở

Con mẹ đẹp sao
Những hòn tơ nhỏ
Chạy như lăn tròn
Trên sân, trên cỏ.

Vườn trưa gió mát
Bướm bay dập dờn
Quanh đôi chân mẹ
Một rừng chân con.

PHẠM HỒ

B. Tập làm văn :

1. Dựa vào nội dung bài chính tả trên, trả lời câu hỏi :
 - a) Những chú gà con trông như thế nào ?
 - b) Đàn gà con chạy như thế nào ?
2. Hãy viết từ 1 đến 3 câu trên tấm bưu thiếp chúc mừng bạn em nhân dịp sinh nhật bạn.

Mục lục

Tuần Chủ điểm	Phân môn	Nội dung	Trang
1. EM LÀ HỌC SINH	Tập đọc	Có công mài sắt, có ngày nên kim	4
	Kể chuyện	Có công mài sắt, có ngày nên kim	5
	Chính tả	Tập chép : <i>Có công mài sắt, có ngày nên kim</i> Phân biệt c/k. Bảng chữ cái	6
	Tập đọc	Tự thuật	7
	Luyện từ và câu	Từ và câu	8
	Tập viết	Chữ hoa : <i>A</i>	9
	Tập đọc	Ngày hôm qua đâu rồi ?	10
	Chính tả	Nghe - viết : <i>Ngày hôm qua đâu rồi ?</i> Phân biệt l/n, an/ang. Bảng chữ cái	11
	Tập làm văn	Tự giới thiệu. Câu và bài	12
	Tập đọc	Phần thưởng	13
	Kể chuyện	Phần thưởng	14
	Chính tả	Tập chép : <i>Phần thưởng</i> Phân biệt s/x, ăn/ăng. Bảng chữ cái	15
2. EM LÀ HỌC SINH	Tập đọc	Làm việc thật là vui	16
	Luyện từ và câu	Mở rộng vốn từ : từ ngữ về học tập Dấu chấm hỏi	17
	Tập viết	Chữ hoa : <i>Ă, Ẻ</i>	17
	Tập đọc	Mít làm thơ	18
	Chính tả	Nghe - viết : <i>Làm việc thật là vui</i> Phân biệt g/gh. Ôn bảng chữ cái	19
	Tập làm văn	Chào hỏi. Tự giới thiệu	20
	Tập đọc	Bạn của Nai Nhỏ	22
	Kể chuyện	Bạn của Nai Nhỏ	24
	Chính tả	Tập chép : <i>Bạn của Nai Nhỏ</i> Phân biệt ng/ngh, tr/ch, dấu hỏi/dấu ngã	24
	Tập đọc	Danh sách học sinh tổ 1, lớp 2A	25
	Luyện từ và câu	Từ chỉ sự vật. Câu kiểu <i>Ai là gì ?</i>	26
	Tập viết	Chữ hoa : <i>Đ</i>	27
3. BẠN BÈ	Tập đọc	Gọi bạn	28
	Chính tả	Nghe - viết : <i>Gọi bạn</i> Phân biệt ng/ngh, tr/ch, dấu hỏi/dấu ngã	29

Tuần Chủ điểm	Phân môn	Nội dung	Trang
4. BẠN BÈ	Tập làm văn	Sắp xếp câu trong bài Lập danh sách học sinh	30
	Tập đọc	Bím tóc đuôi sam	31
	Kể chuyện	Bím tóc đuôi sam	33
	Chính tả	Tập chép : <i>Bím tóc đuôi sam</i> Phân biệt iê/yê, r/d/gi, ân/âng	33
	Tập đọc	Trên chiếc bè	34
	Luyện từ và câu	Từ chỉ sự vật Mở rộng vốn từ : ngày, tháng, năm	35
	Tập viết	Chữ hoa : <i>Ư</i>	35
	Tập đọc	Mít làm thơ (Tiếp theo)	36
	Chính tả	Nghe - viết : <i>Trên chiếc bè</i> Phân biệt iê/yê, r/d/gi, ân/âng	37
	Tập làm văn	Cảm ơn, xin lỗi	38
5. TRƯỜNG HỌC	Tập đọc	Chiếc bút mực	40
	Kể chuyện	Chiếc bút mực	41
	Chính tả	Tập chép : <i>Chiếc bút mực</i> Phân biệt ia/ya, l/n, en/eng	42
	Tập đọc	Mục lục sách	43
	Luyện từ và câu	Tên riêng và cách viết tên riêng Câu kiểu <i>Ai là gì ?</i>	44
	Tập viết	Chữ hoa : <i>Đ</i>	45
	Tập đọc	Cái trống trường em	45
	Chính tả	Nghe - viết : <i>Cái trống trường em</i> Phân biệt i/iê, en/eng, l/n	46
	Tập làm văn	Trả lời câu hỏi. Đặt tên cho bài Luyện tập về mục lục sách	47
6. TRƯỜNG HỌC	Tập đọc	Mẫu giấy vụn	48
	Kể chuyện	Mẫu giấy vụn	49
	Chính tả	Tập chép : <i>Mẫu giấy vụn</i> Phân biệt ai/ay, s/x, dấu hỏi/dấu ngã	50
	Tập đọc	Ngôi trường mới	50
	Luyện từ và câu	Câu kiểu <i>Ai là gì ?</i> Khẳng định, phủ định Mở rộng vốn từ : từ ngữ về đồ dùng học tập	52

Tuần Chủ điểm	Phân môn	Nội dung	Trang
7. THẤY CÔ	Tập viết	Chữ hoa : ㉔	53
	Tập đọc	Mua kính	53
	Chính tả	Nghe - viết : <i>Ngôi trường mới</i> Phân biệt ai/ay, s/x, dấu hỏi/dấu ngã	54
	Tập làm văn	Khắc định, phủ định Luyện tập về mục lục sách	54
	Tập đọc	Người thầy cũ	56
	Kể chuyện	Người thầy cũ	57
	Chính tả	Tập chép : <i>Người thầy cũ</i> Phân biệt ui/uy, tr/ch, iên/iêng	57
	Tập đọc	Thời khoá biểu	58
	Luyện từ và câu	Mở rộng vốn từ : từ ngữ về các môn học Từ chỉ hoạt động	59
	Tập viết	Chữ hoa : ㉕, ㉖	59
	Tập đọc	Cô giáo lớp em	60
	Chính tả	Nghe viết : <i>Cô giáo lớp em</i> Phân biệt ui/uy, tr/ch, iên/iêng	61
	Tập làm văn	Kể ngắn theo tranh Luyện tập về thời khoá biểu	62
8. THẤY CÔ	Tập đọc	Người mẹ hiền	63
	Kể chuyện	Người mẹ hiền	64
	Chính tả	Tập chép : <i>Người mẹ hiền</i> Phân biệt ao/au, r/d/gi, uôn/uông	65
	Tập đọc	Bàn tay dịu dàng	66
	Luyện từ và câu	Từ chỉ hoạt động, trạng thái Dấu phẩy	67
	Tập viết	Chữ hoa : ㉗	67
	Tập đọc	Đổi giày	68
	Chính tả	Nghe - viết : <i>Bàn tay dịu dàng</i> Phân biệt ao/au, r/d/gi, uôn/uông	69
	Tập làm văn	Mời, nhờ, yêu cầu, đề nghị Kể ngắn theo câu hỏi	69
9. ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I			70-76

Tuần Chủ điểm	Phân môn	Nội dung	Trang
10. ÔNG BÀ	Tập đọc	Sáng kiến của bé Hà	78
	Kể chuyện	Sáng kiến của bé Hà	79
	Chính tả	Tập chép : <i>Ngày lễ</i> Phân biệt c/k, l/n, dấu hỏi/dấu ngã	79
	Tập đọc	Buu thiếp	80
	Luyện từ và câu	Mở rộng vốn từ : từ ngữ về họ hàng Dấu chấm, dấu chấm hỏi	82
	Tập viết	Chữ hoa : 𠂔	82
	Tập đọc	Thương ông	83
	Chính tả	Nghe - viết : <i>Ông và cháu</i> Phân biệt c/k, l/n, dấu hỏi/dấu ngã	84
	Tập làm văn	Kể về người thân	85
11. ÔNG BÀ	Tập đọc	Bà cháu	86
	Kể chuyện	Bà cháu	87
	Chính tả	Tập chép : <i>Bà cháu</i> Phân biệt g/gh, s/x, uơ/ương	88
	Tập đọc	Cây xoài của ông em	89
	Luyện từ và câu	Mở rộng vốn từ : từ ngữ về đồ dùng và công việc trong nhà	90
	Tập viết	Chữ hoa : 𠂔	91
	Tập đọc	Đi chợ	92
	Chính tả	Nghe - viết : <i>Cây xoài của ông em</i> Phân biệt g/gh, s/x, uơ/ương	93
	Tập làm văn	Chia buồn, an ủi	94
12. CHA MẸ	Tập đọc	Sự tích cây vú sữa	96
	Kể chuyện	Sự tích cây vú sữa	97
	Chính tả	Nghe - viết : <i>Sự tích cây vú sữa</i> Phân biệt ng/ngh, tr/ch, at/ac	97
	Tập đọc	Điện thoại	98
	Luyện từ và câu	Mở rộng vốn từ : từ ngữ về tình cảm Dấu phẩy.	99
	Tập viết	Chữ hoa : 𠂔	100
	Tập đọc	Mẹ	101
	Chính tả	Tập chép : <i>Mẹ</i> Phân biệt iê/yê/ya, r/d/gi, dấu hỏi/dấu ngã	102

Tuần Chủ điểm	Phân môn	Nội dung	Trang
13. CHA MẸ	Tập làm văn	Gọi điện	103
	Tập đọc	Bông hoa Niềm Vui	104
	Kể chuyện	Bông hoa Niềm Vui	105
	Chính tả	Tập chép : <i>Bông hoa Niềm Vui</i> Phân biệt iê/yê, r/d/gi, dấu hỏi/dấu ngã	106
	Tập đọc	Quà của bố	106
	Luyện từ và câu	Mở rộng vốn từ : từ ngữ về công việc gia đình Câu kiểu <i>Ai làm gì ?</i>	108
	Tập viết	Chữ hoa : <i>L</i>	108
	Tập đọc	Há miệng chờ sung	109
	Chính tả	Nghe - viết : <i>Quà của bố</i> Phân biệt iê/yê, r/d/gi, dấu hỏi/dấu ngã	110
	Tập làm văn	Kể về gia đình	110
14. ANH EM	Tập đọc	Câu chuyện bó đũa	112
	Kể chuyện	Câu chuyện bó đũa	113
	Chính tả	Nghe - viết : <i>Câu chuyện bó đũa</i> Phân biệt l/n, i/iê, ăt/ăc	114
	Tập đọc	Nhắn tin	115
	Luyện từ và câu	Mở rộng vốn từ : từ ngữ về tình cảm gia đình Câu kiểu <i>Ai làm gì ?</i> Dấu chấm, dấu chấm hỏi	116
	Tập viết	Chữ hoa : <i>M</i>	116
	Tập đọc	Tiếng võng kêu	117
	Chính tả	Tập chép : <i>Tiếng võng kêu</i> Phân biệt l/n, i/iê, ăt/ăc	118
	Tập làm văn	Quan sát tranh, trả lời câu hỏi. Viết nhắn tin.	118
15. ANH EM	Tập đọc	Hai anh em	119
	Kể chuyện	Hai anh em	120
	Chính tả	Tập chép : <i>Hai anh em</i> Phân biệt ai/ay, s/x, ăt/ăc	120
	Tập đọc	Bé Hoa	121
	Luyện từ và câu	Từ chỉ đặc điểm Câu kiểu <i>Ai thế nào ?</i>	122

Tuần Chủ điểm	Phân môn	Nội dung	Trang
16. BAN TRONG NHÀ	Tập viết	Chữ hoa : <i>N</i>	123
	Tập đọc	Bán chó	124
	Chính tả	Nghe - viết : <i>Bé Hoa</i> Phân biệt <i>ai/ay, s/x, ât/ác</i>	125
	Tập làm văn	Chia vui. Kể về anh chị em	126
	Tập đọc	Con chó nhà hàng xóm	128
	Kể chuyện	Con chó nhà hàng xóm	130
	Chính tả	Tập chép : <i>Con chó nhà hàng xóm</i> Phân biệt <i>ui/uy, tr/ch, dấu hỏi/dấu ngã</i>	131
	Tập đọc	Thời gian biểu	132
	Luyện từ và câu	Từ chỉ tính chất Câu kiểu <i>Ai thế nào ?</i> Mở rộng vốn từ : từ ngữ về vật nuôi	133
	Tập viết	Chữ hoa : <i>O</i>	134
17. BAN TRONG NHÀ	Tập đọc	Đàn gà mới nở	135
	Tập đọc	Nghe - viết : <i>Trâu ơi !</i> Phân biệt <i>ao/au, tr/ch, dấu hỏi/dấu ngã</i>	136
	Chính tả	Khen ngợi. Kể ngắn về con vật	137
	Tập làm văn	Lập thời gian biểu	137
	Tập đọc	Tìm ngọc	138
	Kể chuyện	Tìm ngọc	140
	Chính tả	Nghe - viết : <i>Tìm ngọc</i> Phân biệt <i>ui/uy, r/d/gi, et/ec</i>	140
	Tập đọc	Gà "tỉ tê" với gà	141
	Luyện từ và câu	Mở rộng vốn từ : từ ngữ về vật nuôi Câu kiểu <i>Ai thế nào ?</i>	142
	Tập viết	Chữ hoa : <i>Ô, Ơ</i>	143
18. ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I	Tập đọc	Thêm sủng cho ngựa	144
	Chính tả	Tập chép : <i>Gà "tỉ tê" với gà</i> Phân biệt <i>ao/au, r/d/gi, et/ec</i>	145
	Tập làm văn	Ngạc nhiên, thích thú Lập thời gian biểu	146
			147-153

Chịu trách nhiệm xuất bản : Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc **NGÔ TRẦN ÁI**
Phó Tổng Giám đốc kiêm Tổng biên tập **NGUYỄN QUÝ THAO**

Biên tập lần đầu : **NGUYỄN THỊ NGỌC BẢO - TRẦN THỊ PHÚ BÌNH**

Biên tập tái bản : **TRINH ĐÌNH DUNG**

Biên tập mỹ thuật : **ĐẶNG MINH HIỀN - TÀO THANH HUYỀN - NGUYỄN BÍCH LA**

Thiết kế sách : **NGUYỄN BÍCH LA**

Trình bày bìa : **TRẦN TIỂU LÂM**

Minh họa : **TRẦN TIỂU LÂM - ĐẶNG MINH HIỀN**

LÍ THU HÀ - NGUYỄN MẠNH HÙNG

Sửa bản in : **PHÒNG SỬA BẢN IN (NXB GIÁO DỤC TẠI HÀ NỘI)**

Chế bản : **CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ THUẬT VÀ TRUYỀN THÔNG**

TIẾNG VIỆT 2 - TẬP MỘT

Mã số : 1H201T1

In 320.000 bản (QĐ 01GK), khổ 17 x 24cm.

In tại Công ty cổ phần in Sách giáo khoa tại TP. Hà Nội.

Số XB: 01-2011/CXB/7-1235/GD.

In xong và nộp lưu chiểu tháng 01 năm 2011.



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH



VƯƠNG MIỆN KIM CƯƠNG
CHẤT LƯỢNG QUỐC TẾ

SÁCH GIÁO KHOA LỚP 2

1. TIẾNG VIỆT 2 (tập một, tập hai)
2. TOÁN 2
3. TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI 2
4. TẬP VIẾT 2 (tập một, tập hai)

ISBN 978-604-0-00034-7



8 934994 022262



Giá bán lẻ: 11.800đ

Giá: 11.800đ